



VIỆN CISDOMA

CHỦ BIÊN
TS-BS NGUYỄN VĂN THANH



PHÒNG & TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở

GIA SÚC CẦM



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG XÃ HỘI

TS. BS Nguyễn Văn Thanh, TS. BS Bùi Thị Tho, Ks. Bùi Tuấn Nhã
Chủ biên: TS. BS Nguyễn Văn Thanh

PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở GIA SÚC, GIA CẦM

(Tài liệu tập huấn, đào tạo thú y viên thôn, bản)

Nhà xuất bản Lao động Xã hội - 2004

FOREWORD

Enfants & Développement (former Save the Children France) has been working for ethnic minority children in remote mountainous areas of Lao Cai province since the beginning of 1998. A first phase of the program has been concentrating on the improvement of the educational situation in mainly creating models for home and village based kindergartens and helping to make primary schools more child-friendly. In 2000 we started to conduct community development activities and one of these activities was to create and support the activities of a village veterinarian network as animal breeding is one of the main activities of the population in our area and improved animal breeding has a direct impact on the nutrition status of children and the economic situation of their families.

Dr. Nguyen Van Thanh from the Hanoi Agriculture University has been providing excellent training courses to the village veterinarian and with our support pilot-tested and finalized this Village Veterinarian Handbook. Knowing the excellent quality of this Handbook we are very pleased to support the wider publication of it which would not have been possible without the generous support of our main donors during the last years: the European Union, Novib (Oxfam Netherlands) and the French Ministry of Foreign Affairs.

Marc Wetz

Representative

Enfants & Développement Vietnam

LỜI NÓI ĐẦU



Marc Wetz

*Trưởng Đại diện tại Việt nam
Tổ chức Trẻ em và Phát triển*

Tổ chức Trẻ em và Phát triển (trước đây là Quỹ Cứu trợ Nhi đồng Pháp) bắt đầu hỗ trợ các hoạt động với trẻ em dân tộc thiểu số ở các khu vực miền núi tỉnh Lào Cai từ năm 1998. Giai đoạn đầu của chương trình này tập trung vào cải thiện chất lượng giáo dục, chủ yếu là xây dựng mô hình các lớp mẫu giáo thôn bản và tạo một môi trường thân thiện cho học sinh tại các trường tiểu học. Vào năm 2000, chúng tôi đã bổ sung thêm các hoạt động phát triển cộng đồng và một trong những hoạt động này là hỗ trợ và xây dựng mạng lưới thú y tại các thôn, bản. Tại các vùng miền núi như ở tỉnh Lào Cai, chăn nuôi gia súc gia cầm là một trong những hoạt động chính của người dân địa phương và việc phát triển chăn nuôi có ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện dinh dưỡng của trẻ và

tình hình kinh tế của các gia đình.

Tiến sỹ Nguyễn Văn Thanh thuộc Trường Đại học Nông Nghiệp I Hà Nội, đã tiến hành các khoá tập huấn rất hữu ích cho các thú y viên thôn, bản và cùng hợp tác với chúng tôi để cho ra mắt thí điểm cuốn Sổ tay cho các thú y viên thôn bản với tiêu đề: **“Phòng và trị một số bệnh thường gặp ở gia súc gia cầm”**. Hiểu rõ chất lượng của cuốn sách này, chúng tôi đã ủng hộ cho việc tiến hành xuất bản rộng rãi. Cuốn sách này không thể ra mắt độc giả được nếu thiếu sự hỗ trợ tích cực từ các nhà tài trợ của chúng tôi trong những năm qua như Cộng đồng Châu Âu, Novib (Chương trình Hỗ trợ Hà Lan) và Bộ Ngoại giao Pháp.

Marc Wetz

Trưởng Đại diện tại Việt Nam

Tổ chức Trẻ em và Phát triển

MẤY LỜI CÙNG BẠN ĐỌC



TS. BS. Nguyễn Văn Thanh

Hiện nay, ở các vùng nông thôn xa xôi, hẻo lánh, đặc biệt là nơi đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống, chăn nuôi gia súc, gia cầm vẫn là nguồn thu nhập chính, quyết định mức sống của các hộ gia đình nông dân. Tuy vậy, hiện nay chăn nuôi gia súc, gia cầm ở đây phát triển chậm. Kết quả thu nhập từ chăn nuôi gia súc, gia cầm của cộng đồng nói chung, đặc biệt các hộ đói nghèo còn rất thấp. Nguyên nhân của tình trạng trên, trước

hết phải kể tới là dịch bệnh. Dịch bệnh thường xuyên xảy ra quanh năm gây thiệt hại lớn về kinh tế, đồng thời còn gây không khí hoang mang lo sợ cho các hộ gia đình nông dân khiến họ không dám đầu tư phát triển chăn nuôi.

Lực lượng thú y tại địa phương mỏng, các thôn bản xa nhau, nhiều nơi thú y viên không thường xuyên tới được; trong khi đó việc phòng và trị bệnh cho gia súc, gia cầm cần thiết phải nhanh chóng kịp thời. Những vấn đề trình bày ở trên cho thấy: để phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm (một trong những biện pháp làm tăng thu nhập ổn định cuộc sống của cộng đồng, góp phần làm giảm tỷ lệ đói nghèo) thì việc mở các khoá đào tạo kỹ thuật thú y thôn, bản là việc làm cần thiết. Chính vì lẽ đó, trong những năm gần đây, các dự án phát triển cộng đồng trong nước cũng như ngoài nước đã chú trọng tới việc đào tạo và xây dựng mạng lưới thú y thôn, bản.

Với mục đích nhằm cung cấp tư liệu cho các tập huấn viên cũng như các học viên của các khoá tập huấn, chúng tôi đã sưu tầm, tập hợp tư liệu và hình ảnh, biên soạn cuốn "**Phòng và trị một số bệnh thường gặp ở gia súc, gia cầm**". Cuốn sách chỉ ra những triệu chứng, bệnh tích chính và biện pháp phòng, trị chủ yếu, bằng hình ảnh minh hoạ, nhằm giúp cho các học viên, đặc biệt là học viên thuộc các dân tộc ít người với trình độ văn hoá thấp dễ nhận biết. Trong tập sách này, bên cạnh các hình ảnh do chúng tôi tự chụp, còn sử dụng một số tư liệu ảnh của các đồng nghiệp, các cơ quan khuyến nông, các tổ chức tài trợ quốc tế... chúng tôi chân thành cảm tạ quý vị.

Trước khi xuất bản, nội dung cuốn sách đã được dùng cho nhiều khoá tập huấn đào tạo thú y viên thôn, bản của các dự án phát triển cộng đồng tại các địa phương: dự án của Tổ chức Trẻ em và Phát triển tại 2 huyện Bắc Hà và Simacai Tỉnh Lào Cai, dự án Action Aid tại huyện Điện Biên tỉnh Lai Châu; AFAP tại huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ và huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên; dự án của Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh tại huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh, Dự án của Tổ chức RDSC tại huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ và huyện Quảng Ninh tỉnh Quảng Bình; Dự án của Tổ chức Oxfam Anh tại huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai, dự án của Tổ chức PED tại huyện Quỳnh Hợp tỉnh Nghệ An, dự án Phát triển lâm nghiệp cộng đồng tại xã Khả Cửu huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ và xã Suối Bau huyện Phù Yên tỉnh Sơn La. Sau mỗi khoá tập huấn chúng tôi đã có bổ sung và sửa chữa để cuốn sách được cập nhật và phù hợp với điều kiện của địa phương. Tuy nhiên, để hoàn chỉnh và xuất bản cuốn sách này, phải kể đến sự ủng hộ nhiệt thành và việc tài trợ kinh phí có hiệu quả của Tổ chức Trẻ em và Phát triển Pháp (Enfants & Development).

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Tổ chức Trẻ em và Phát triển Pháp và trân trọng giới thiệu cuốn sách này tới quý vị độc giả. Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc để cuốn sách ngày càng được hoàn thiện hơn.

TM. nhóm tác giả
TS. BS. Nguyễn Văn Thanh

LỜI GIỚI THIỆU



Tiến sĩ - Bác sĩ Nguyễn Văn Thanh là người đã nhiều năm làm công tác đào tạo ở Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

Bên cạnh việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học của trường, TS.BS Nguyễn Văn Thanh đã thường xuyên đi về nông thôn (từ các trang trại, xí nghiệp chăn nuôi lợn ở miền xuôi đến các hộ chăn nuôi lẻ tẻ ở miền núi) để tìm hiểu thực tế, giải quyết các vấn đề thực tế; đồng thời tích cực tham gia chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trên lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y cho bà con nông dân.

Chính vì vậy, tập sách này do các tác giả Nguyễn Văn Thanh, Bùi Thị Tho, Bùi Tuấn Nhã biên soạn (với sự chủ biên của TS.BS Nguyễn Văn Thanh) đã mang đậm hơi thở của cuộc sống; đã và sẽ đóng góp tốt cho

công việc nâng cao năng lực hành nghề của các thú y viên thôn bản, để họ làm tốt hơn công tác phòng trị bệnh cho gia súc gia cầm tại địa phương, hỗ trợ đồng bào các dân tộc phát triển chăn nuôi, cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu, bảo vệ môi sinh và xây dựng cộng đồng ngày một tốt đẹp.

Cuốn sách cũng sẽ trợ giúp những ai quan tâm đến công cuộc đổi mới và phát triển nghề chăn nuôi truyền thống của nước ta nói chung và đặc biệt của miền núi nói riêng.

Xin chúc các tác giả có những đóng góp mới dù nhỏ bé cho công cuộc xóa đói giảm nghèo, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi - một sự nghiệp cao cả, đầy tính nhân văn mà nhà nước và nhân dân Việt Nam ta đang thực hiện, với sự ủng hộ quý báu và hiệu quả của bạn bè quốc tế.

PGS. TS. Phạm Khắc Hiếu
Giảng viên cao cấp - Nguyên Phó hiệu trưởng
Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội.

PHẦN 1: PHƯƠNG PHÁP PHÒNG CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM CHO GIA SÚC GIA CẦM

I. THẾ NÀO LÀ BỆNH TRUYỀN NHIỄM?

Bệnh truyền nhiễm là loại bệnh lây lan từ con vật này sang con vật khác, từ địa phương này sang địa phương khác, từ nước này sang nước khác. Ví dụ: bệnh nhiệt thán trâu bò, bệnh lở mồm long móng trâu bò, bệnh tụ huyết trùng trâu bò, bệnh dịch tả lợn, bệnh đóng dấu lợn, bệnh gà rù (Niu-cát-xơn), bệnh Gumboro, bệnh dịch tả vịt, bệnh dại và bệnh Carê ở chó...

II. THẾ NÀO LÀ BỆNH KHÔNG TRUYỀN NHIỄM?

Bệnh không truyền nhiễm là loại bệnh xảy ra một cách lẻ tẻ trên từng con vật, không lây lan từ con vật này sang con vật khác. Ví dụ: Bệnh chướng hơi dạ cỏ ở trâu bò, bệnh đau bụng, bệnh sát nhau, bệnh bại liệt...

III. NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Do vi khuẩn và vi rút gây ra. Vi khuẩn là loại sinh vật nhỏ bé chỉ có thể nhìn thấy dưới kính hiển vi với độ phóng đại hàng nghìn lần. Có 2 loại vi khuẩn: vi khuẩn Gram dương: Gr(+) và vi khuẩn Gram âm: Gr(-). Gia súc, gia cầm khi mắc các bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn gây ra đều có thể chữa được bằng thuốc kháng sinh.

Vi rút là loại vi sinh vật vô cùng nhỏ bé không thể nhìn thấy dưới kính hiển vi bình thường mà chỉ nhìn thấy dưới kính hiển vi điện tử với độ phóng đại hàng triệu lần. Gia súc, gia cầm khi bị mắc bệnh truyền nhiễm do vi rút gây ra không thể chữa được bằng thuốc.

IV. ĐIỀU KIỆN ĐỂ BỆNH TRUYỀN NHIỄM XẢY RA

Bệnh truyền nhiễm xảy ra khi có đủ 3 điều kiện sau:

– Nguồn bệnh (nơi chứa mầm bệnh):

Là các loại gia súc, gia cầm đang bị bệnh hoặc mang vi khuẩn hay vi rút trong cơ thể, hàng ngày bài xuất, đưa mầm bệnh ra ngoài môi trường.

– Nhân tố trung gian truyền bệnh:

Đây là khâu đem mầm bệnh từ nguồn bệnh đến gia súc, gia cầm khác – những con vật này sẽ bị mắc bệnh. Nhân tố trung gian bao gồm: thức ăn, nước uống, không khí, đất, côn trùng (ruồi, muỗi) và các động vật khác (chuột, dán...), người cũng có thể là nhân tố trung gian truyền bệnh.

– Súc vật thụ cảm hay còn gọi là súc vật có thể bị mắc bệnh:

Là loại gia súc, gia cầm bị cảm nhiễm với bệnh truyền nhiễm và bị mắc bệnh. Có loại vi khuẩn và vi rút gây bệnh truyền nhiễm cho nhiều loài gia súc, gia cầm nhưng cũng có loại vi khuẩn và vi rút chỉ gây bệnh truyền nhiễm riêng cho từng loài gia súc, gia cầm khác nhau.

Bệnh truyền nhiễm chỉ xảy ra được khi có đủ 3 khâu: nguồn bệnh, nhân tố trung gian truyền bệnh, súc vật thụ cảm hay còn gọi là súc vật có thể bị mắc bệnh và phải có mối liên hệ giữa 3 khâu, nếu thiếu 1 trong 3 khâu hoặc mối liên hệ giữa 3 khâu trên bị cắt đứt thì bệnh không thể xảy ra được. Như vậy, muốn phòng bệnh truyền nhiễm cho gia súc gia cầm cần phải xoá bỏ một trong 3 khâu trên hay cắt đứt mối liên hệ giữa chúng với nhau.

V. PHƯƠNG PHÁP PHÒNG VÀ CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM CHO GIA SÚC, GIA CẦM

1. Đối với nguồn bệnh

Phải tìm mọi biện pháp tiêu diệt nguồn bệnh, không cho mầm bệnh phát tán ra ngoài. Cụ thể là:

Nguồn bệnh là những gia súc gia cầm đang bị bệnh (ốm), cần phải cách ly triệt để. Cách ly là nhốt con vật ốm riêng ra một nơi, cách xa các súc vật khoẻ và điều trị kịp thời bằng thuốc đặc hiệu nhằm tiêu diệt vi khuẩn, tiêu diệt mầm bệnh ngay trong cơ thể gia súc gia cầm ốm.

Những chất thải như phân, nước tiểu, lông, da... của gia súc, gia cầm bị bệnh phải dọn lại thành đống đem đốt cháy, chuồng trại phải được làm sạch, sát trùng bằng cách quét vôi đặc lên toàn bộ tường, nền chuồng, hè xung quanh chuồng trại, hoặc phun các dung dịch thuốc sát trùng như formon 3%, xút 3%.... Sau 4 ngày mới thả lại gia súc vào chuồng đã được làm sạch và sát trùng.

Cấm không được bán chạy, vận chuyển gia súc, gia cầm đang bị mắc các bệnh truyền nhiễm, dịch đi nơi khác.

Xác súc vật chết vì bệnh truyền nhiễm không được vớt bờ bãi ra vườn hay cống, rãnh mà phải đem chôn sâu, rắc vôi bột lên trên. Không chôn nông vì dễ bị các súc vật khác đào bới lên, làm cho mầm bệnh lây lan.

2. Đối với nhân tố trung gian truyền bệnh

Để ngăn chặn không cho mầm bệnh phân tán ra ngoài và truyền đi nơi khác

cần phải thực hiện tốt các khâu sau:

Tích cực tiêu diệt các loại côn trùng có hại như ruồi, muỗi, ve mòng, tiêu diệt chuột, không cho khách đến tham quan khi gia súc, gia cầm đang bị dịch.

Không vận chuyển các loại thức ăn, vật tư chăn nuôi... ra khỏi ổ dịch bệnh.

3. Đối với súc vật thụ cảm dễ bị mắc bệnh

Phải chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cho gia súc, gia cầm ăn uống đầy đủ, phải làm tốt công tác phòng bệnh. Cụ thể là:

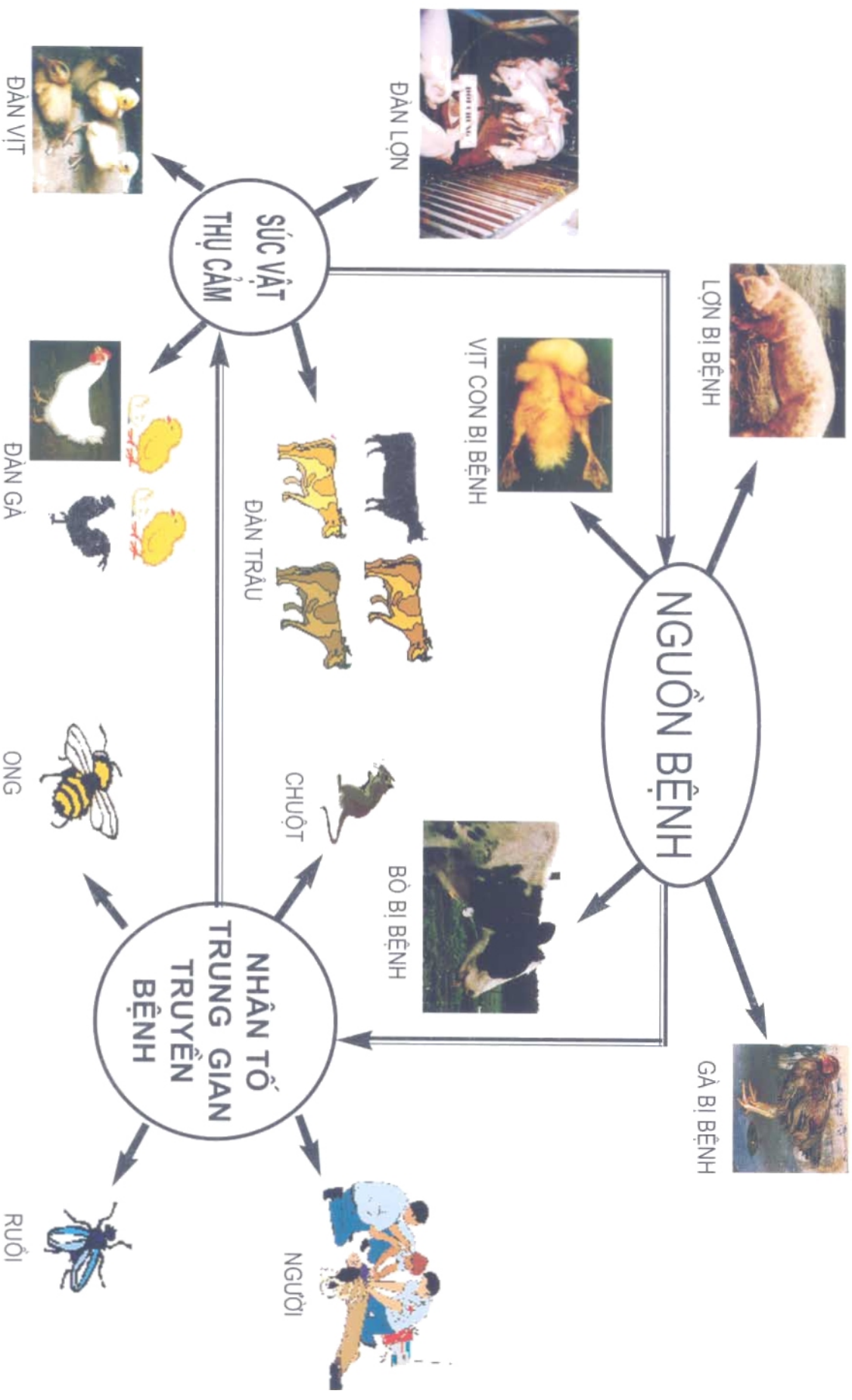
a. Phòng bệnh bằng cách giữ vệ sinh

Thực hiện tốt 3 khâu: ăn sạch (thức ăn phải đảm bảo số lượng, chất lượng, không mốc, không thiu thối...); uống sạch (nước uống phải đảm bảo vệ sinh như nước máy, nước giếng khơi, nước mưa, không cho gia súc gia cầm uống nước ao tù, nước mương, rãnh); ở sạch (chuồng trại phải quét dọn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, cao ráo sạch sẽ, thoáng mát về mùa Hè và ấm áp về mùa Đông).

b. Phòng bệnh bằng vắc xin

Đây là phương pháp quan trọng nhất để phòng bệnh cho gia súc và gia cầm. Muốn gia súc gia cầm không bị bệnh, phải tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phòng đủ các bệnh truyền nhiễm cho gia súc, gia cầm theo đúng độ tuổi. Tổ chức tiêm phòng quanh năm theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định.

QUÁ TRÌNH LÂY TRUYỀN CỦA BỆNH TRUYỀN NHIỄM



PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG VẮC XIN

I. KHÁI NIỆM VỀ VẮC XIN

Vắc xin là loại chế phẩm được chế ra từ vi khuẩn và vi rút đã bị giết chết hay bị làm cho giảm độc. Khi tiêm vắc xin vào cơ thể gia súc, gia cầm, chúng không bị mắc bệnh, mà làm cho con vật có khả năng chống lại vi khuẩn và vi rút tương ứng, có độc lực khi chúng xâm nhập vào cơ thể, giúp cho gia súc gia cầm không bị mắc bệnh truyền nhiễm.

II. PHÂN LOẠI VẮC XIN (có 2 loại vắc xin)

1. Vắc xin sống (hay còn gọi là vắc xin nhược độc)

Là loại vắc xin được chế từ vi khuẩn, vi rút đã được làm giảm độc lực, không còn khả năng gây bệnh cho gia súc, gia cầm. Vắc xin có khả năng kích thích cơ thể sản sinh ra kháng thể chống lại vi khuẩn, vi rút xâm nhập vào cơ thể, giúp cho con vật không bị mắc bệnh. Ví dụ: vắc xin nhiệt thán, vắc xin dịch tả lợn, vắc xin dịch tả vịt, vắc xin đậu gà, vắc xin Lasota gia cầm, vắc xin Niu cát sôn gia cầm, vắc xin Gumboro gia cầm...

2. Vắc xin chết (hay còn gọi là vắc xin vô hoạt)

Là loại vắc xin được chế từ vi khuẩn, vi rút đã bị giết chết bằng hoá chất. Khi đưa vắc xin vào cơ thể súc vật, vắc xin này không gây bệnh cho gia súc, gia cầm. Vắc xin có khả năng kích thích cơ thể sản sinh ra kháng thể chống lại vi khuẩn và vi rút khi chúng xâm nhập vào cơ thể và con vật không mắc bệnh. Ví dụ: vắc xin tụ huyết trùng trâu bò, vắc xin phó thương hàn lợn ở dạng keo phèn, vắc xin Gumboro ở dạng hoạt nhũ dầu.

III. CÁC LOẠI VẮC XIN ĐANG ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG THỰC TẾ HIỆN NAY

1. Vắc xin dùng cho trâu bò ngựa bao gồm

Vắc xin nhiệt thán

Vắc xin tụ huyết trùng

Vắc xin lở mồm long móng.

2. Vắc xin dùng cho lợn bao gồm

Vắc xin dịch tả



Vắc xin tụ huyết trùng
 Vắc xin tụ dầu
 Vắc xin phó thương hàn
 Vắc xin xoắn trùng

3. Vắc xin dùng cho gia cầm bao gồm

Vắc xin gà rù bao gồm hai loại:
 Lasota và Niu cát sơn

Vắc xin tụ huyết trùng gà, vịt
 Vắc xin dịch tả vịt
 Vắc xin đậu gà
 Vắc xin Gumboro



4. Vắc xin dùng cho chó, mèo bao gồm

Vắc xin đại
 Vắc xin ca rô



IV. CÁC CON ĐƯỜNG ĐƯA VẮC XIN VÀO CƠ THỂ

Nhỏ mồm, nhỏ mũi (vắc xin Lasota, vắc xin Gumboro).



(Vắc xin Newcastle gà "Niu cát xơn gà")



Vị trí tiêm vắc xin cho gà



Vị trí tiêm vắc xin cho lợn



Vị trí tiêm vắc xin cho lợn



Vị trí tiêm vắc xin cho trâu



Vị trí tiêm vắc xin cho bò



Vắc xin tụ huyết trùng trâu, bò

Tiêm dưới da (vắc xin nhiệt thán, dịch tả lợn, tụ huyết trùng, phó thương hàn, dịch tả vịt, Niu cát sơn...) trâu, bò, ngựa. Vị trí tiêm: ngựa tiêm ở cổ, lợn tiêm vào gốc tai, chó tiêm ở lưng, gia cầm tiêm ở cánh hay lườn.

Chủng qua da cánh, chỗ mỏng nhất (vắc xin đậu gà). (Xem bảng trang sau)

V. PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN VẮC XIN

Việc bảo quản vắc xin đúng kỹ thuật là rất quan trọng, vì nếu bảo quản vắc xin không đúng sẽ làm vắc xin bị hỏng. Nếu dùng vắc xin hỏng tiêm cho gia súc gia cầm sẽ không có tác dụng phòng bệnh, tốn thời gian, công sức và còn gây hại cho sức khỏe gia súc, gia cầm.

1. Bảo quản vắc xin trong tủ lạnh hay chỗ râm mát

Đối với tất cả các loại vắc xin sống (vắc xin nhược độc) đều phải bảo quản ở ngăn lạnh trong tủ lạnh (không để trong ngăn đá).

Đối với các loại vắc xin nhược độc tươi – phòng các bệnh do vi rút gây ra như vắc xin dịch tả lợn, vắc xin Lasota, dịch tả vịt ... thì cho vào hộp sắt hoặc hộp nhôm có nắp để vào ngăn đá trong tủ lạnh.

Đối với vắc xin đông khô, phòng các bệnh do vi rút gây ra như vắc xin dịch tả lợn, vắc xin Lasota, dịch tả vịt ... thì để vào ngăn lạnh (không phải ngăn làm đá).

Đối với vắc xin phòng các bệnh do vi khuẩn gây ra như vắc xin đông máu lợn, tụ huyết trùng, phó thương hàn, nhiệt thán cần được bảo quản ở ngăn dưới trong tủ lạnh hay chỗ râm mát.

Hướng dẫn cụ thể đối với các loại vắc xin đang được dùng hiện nay:

Trên nhãn của bất cứ một loại vắc xin nào cũng có hướng dẫn cụ thể cách bảo quản, liều dùng và hạn dùng. Người sử dụng cần đọc kỹ hướng dẫn bảo quản trên nhãn của từng loại vắc xin và thực hiện theo đúng quy định.

VI. THỜI ĐIỂM DÙNG VẮC XIN VỚI TỪNG LOẠI GIA SÚC GIA CẦM

Tên loại vắc xin	Phòng bệnh	Tuổi dùng vắc xin lần 1	Tuổi dùng vắc xin lần 2	Số tháng cần nhắc lại	Cách dùng	Bảo quản
GÀ - VỊT						
La so ta	Gà rù cho gà nhỏ dưới 2 tháng	5 ngày tuổi	24 ngày tuổi		Nhỏ mắt, mũi .mồm	0 - 4 ⁰ c
Niu Cát Sơn	Gà rù cho gà to trên 2 tháng	3 tháng tuổi	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	0 - 4 ⁰ c
Đậu gà	Đậu	5 ngày tuổi	Không tiêm mũi 2	Chỉ 1 lần	Chung qua da căng	0 - 4 ⁰ c
Tự huyết trùng gia cầm	Tự huyết trùng	3 tháng tuổi	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
Dịch tả vịt	Dịch tả vịt	7 ngày tuổi	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	0 - 4 ⁰ c
Gumboro	Gumboro	10 ngày tuổi	24 ngày tuổi	6 tháng sau	Nhỏ mắt, mũi .mồm	0 - 4 ⁰ c
LỢN						
Tự huyết trùng lợn	Tự huyết trùng lợn	3 tháng tuổi	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
Đóng dấu	Đóng dấu	3 tháng tuổi	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
Tự dấu lợn	THT + Đóng dấu	3 tháng tuổi	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
Xoắn trùng	Lepto lợn (lợn nghệ)	3 tháng tuổi	10 ngày sau khi tiêm mũi 1	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
Dịch tả lợn	Dịch tả	45 ngày tuổi	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	0 - 4 ⁰ c
Phó thương hàn lợn	Phó thương hàn	20 ngày tuổi	27 ngày tuổi	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
TRÀU, BÒ						
Lở mồm long móng	Lở mồm long móng	10 tháng	10 ngày sau khi tiêm mũi 1	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
Nhiệt thán	Nhiệt thán	10 tháng	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
Tự huyết trùng	Tự huyết trùng	10 tháng	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
CHO						
Dại (Rabies)	Dại	3 tháng tuổi	Không tiêm mũi 2	1 năm sau	Tiêm dưới da	0 - 4 ⁰ c
Ca rê	Ca rê (sài sốt chó)	2 tháng tuổi	Không tiêm mũi 2	1 năm sau	Tiêm dưới da	0 - 4 ⁰ c
NGỰA						
Tự huyết trùng	Tự huyết trùng	10 tháng	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c
Nhiệt thán	Nhiệt thán	10 tháng	Không tiêm mũi 2	6 tháng sau	Tiêm dưới da	8 - 10 ⁰ c

(Chú ý: Đối với lợn nếu đã tiêm vắc xin tự dấu rồi thì không cần phải tiêm vắc xin tự huyết trùng và đóng dấu nữa)

2. Một số ví dụ cụ thể

a. Vắc xin dùng cho trâu bò ngựa bao gồm

Vắc xin nhiệt thán: Đóng hộp gói kín để ngăn lạnh dưới cùng của tủ lạnh (không để ngăn làm đá) hoặc để chỗ kín, tối, mát.

Vắc xin tụ huyết trùng: bảo quản ở ngăn lạnh dưới cùng của tủ lạnh (không để ngăn làm đá) hoặc để chỗ kín, tối, mát.

Vắc xin lở mồm long móng – bảo quản ở ngăn giữa của tủ lạnh đá.

b. Vắc xin dùng cho lợn bao gồm

Vắc xin dịch tả đông khô – bảo quản ở ngăn lạnh (không phải ngăn làm đá).

Vắc xin tụ huyết trùng: bảo quản ở ngăn lạnh dưới cùng của tủ lạnh (không để ngăn làm đá) hoặc để chỗ kín, tối, mát.

Vắc xin tụ huyết trùng và đóng dấu – còn gọi là vắc xin tụ dấu – bảo quản ở ngăn lạnh dưới cùng của tủ lạnh (không để ngăn làm đá).

Vắc xin phó thương hàn: bảo quản ở ngăn lạnh dưới cùng của tủ lạnh (không để ngăn làm đá) hoặc để chỗ kín, tối, mát.

Vắc xin xoắn trùng: bảo quản ở ngăn lạnh dưới cùng của tủ lạnh (không để ngăn làm đá) hoặc để chỗ kín, tối, mát.

c. Vắc xin dùng cho gia cầm bao gồm

Vắc xin gà rù, bao gồm hai loại:

Vắc xin Lasota tươi bảo quản ở ngăn làm đá của tủ lạnh. Cần chú ý là phải để trong hộp có nắp đậy kín tránh để trực tiếp vì đá sẽ đông cứng lại khi lấy sẽ dễ làm vỡ.

Vắc xin Lasota đông khô, bảo quản ở ngăn lạnh (không phải ngăn đá mà là ngăn ở dưới ngăn làm đá của tủ lạnh) loại vắc xin này đang được dùng phổ biến.

Vắc xin Niu cát sơn tươi bảo quản ở ngăn làm đá của tủ lạnh. Cần chú ý là phải để trong hộp có nắp đậy kín tránh để trực tiếp vì đá sẽ đông cứng lại khi lấy sẽ dễ làm vỡ.

Vắc xin Niu cát sơn đông khô, bảo quản ở ngăn lạnh (không phải ngăn đá mà là ngăn ở dưới ngăn làm đá của tủ lạnh) loại vắc xin này đang được dùng phổ biến.

Vắc xin tụ huyết trùng gà, vịt – bảo quản ở ngăn lạnh dưới cùng của tủ lạnh (không để ngăn làm đá) hoặc để chỗ kín, tối, mát.

Vắc xin dịch tả vịt tươi, bảo quản ở ngăn đá trong tủ lạnh.

Vắc xin dịch tả vịt đông khô – bảo quản ở ngăn lạnh trong tủ lạnh (không phải ngăn đá).

Vắc xin đậu gà tươi, bảo quản ở ngăn đá trong tủ lạnh.

Vắc xin đậu gà đông khô – bảo quản ở ngăn lạnh trong tủ lạnh (không phải ngăn đá).

Vắc xin Gumboro tươi – bảo quản ở ngăn đá trong tủ lạnh.

Vắc xin Gumboro đông khô – bảo quản ở ngăn lạnh trong tủ lạnh (không phải ngăn đá).

d. Vắc xin dùng cho chó mèo bao gồm

Vắc xin dại – bảo quản ở ngăn lạnh trong tủ lạnh.

Vắc xin Ca rê – bảo quản ở ngăn lạnh trong tủ lạnh.

3. Bảo quản khi vận chuyển

Khi vận chuyển vắc xin từ nơi mua về nhà hay từ nơi này sang nơi khác khi đi tiêm phòng, cần chú ý như sau:

Khi vận chuyển từ chỗ mua về hoặc mang vắc xin đi tiêm, cần giữ vắc xin trong hộp xốp có đá hoặc phích đá, không để tiếp xúc với ánh nắng hoặc nhiệt độ cao.

Nếu là loại vắc xin nhược độc phòng các bệnh do vi rút gây ra như vắc xin dịch tả lợn, vắc xin Lasota, dịch tả vịt thì phải để trong phích đá, nếu không có phích đá thì có thể thay bằng hộp xốp đựng đầy đá. Cần chú ý là vắc xin phải được bọc trong túi nilon để tránh bị nước làm nát mất nhãn, không còn nhận biết được đó là loại vắc xin gì. Khi sử dụng vắc xin nếu pha với dung môi phải dùng ngay trong ngày (nếu để ở trong phích đá), nếu giữ ở nhiệt độ bình thường chỉ được dùng trong 6 giờ. Quá thời gian trên vắc xin bị hỏng và không còn tác dụng.

4. Một số điều chú ý khi bảo quản, vận chuyển và sử dụng vắc xin

Tuyệt đối không để vắc xin tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng.

Trong tủ lạnh phải luôn có đá để phòng những lúc mất điện. Trường hợp mất điện lâu phải tìm mọi cách có đủ đá để giữ vắc xin trong hộp xốp, lấy băng dính dán kín chỗ hở của hộp, để tránh đá chảy nhanh. Trường hợp không thể có đá, có thể khắc phục bằng cách đựng vắc xin vào trong túi nilon hàn kín cho vào hộp nhựa, hộp sắt hay hộp nhôm rồi ngâm xuống đáy giếng hay đáy bể nước sâu, nơi nước lạnh.

Khi sử dụng vắc xin phải tiêm đúng liều quy định ghi trên nhãn, phải tiêm đúng vị trí, đúng thời gian quy định. Vắc xin còn dư phải tiêu huỷ bằng cách đổ vào bếp than đang cháy, lọ đựng vắc xin phải tập trung tiêu độc bằng nước vôi, xà phòng, formon... Riêng ống thuỷ tinh đựng vắc xin phải tập trung rồi chôn sâu có rắc vôi bột.

Tất cả các loại gia súc, gia cầm sau khi tiêm vắc xin xong phải được theo dõi trong vòng 1 tuần. Nếu phát hiện có những phản ứng phải có biện pháp xử lý kịp

thời ngay. Thí dụ: sau khi tiêm vắc xin tụ huyết trùng lợn, hay tụ huyết trùng trâu bò mà thấy lợn, trâu bò có hiện tượng sốt cao, bỏ ăn thì phải dùng kháng sinh Streptomycine tiêm điều trị ngay.

VI. NHỮNG BIỆN PHÁP CẦN THỰC HIỆN KHI PHÁT HIỆN CÓ Ổ DỊCH GIA SÚC, GIA CẦM

Khi phát hiện gia súc, gia cầm ở thôn mình phụ trách có dịch bệnh xảy ra, phải thực hiện các bước sau:

Thú y thôn phải báo cáo lên thú y xã ngay. Đặc biệt, nếu nghi là bệnh nhiệt thán, bệnh lở mồm long móng, bệnh dại thì thú y xã phải báo ngay lên trạm thú y huyện.

Phải xác định chính xác xem đó là bệnh gì, bệnh do vi khuẩn, hay do vi rút gây ra để có biện pháp can thiệp kịp thời (ví dụ nếu là bệnh do vi rút gây ra thì phải tiêm vắc xin ngay, còn nếu là bệnh do vi khuẩn gây ra thì phải dùng kháng sinh tiêm điều trị ngay).

Cách ly ngay những súc vật ốm và điều trị ngay bằng các loại thuốc đặc trị với từng bệnh.

Tiêm phòng vắc xin cho súc vật trong khu vực có ổ dịch và vùng xung quanh có nguy cơ bị dịch lan đến.

Không vận chuyển gia súc gia cầm ra vào nơi có ổ dịch.

Gia súc gia cầm chết vì dịch không được mổ thịt bán, mà phải đem chôn có rắc vôi bột.

Toàn bộ chuồng trại và môi trường xung quanh phải được tiêu độc bằng vôi hay các dung dịch sát trùng như Formol, Crezin. Cách sử dụng như sau: dùng vôi bột rắc hay nước vôi đặc vẩy lên nền chuồng, tường và hiên xung quanh chuồng, trại và để nguyên sau 7 ngày. Nếu là formol thì pha thành dung dịch 2% phun lên tường, nền và xung quanh chuồng, trại và để nguyên sau 7 ngày mới thả gia súc, gia cầm vào...

Toàn bộ chất thải phân rác, nước tiểu phải tập trung đem đốt và ủ theo phương pháp sinh vật học. Cách làm như sau: cứ sau 1 lớp phân dày 30cm lại cho 1 lớp lá cây xanh dày 10cm cuối cùng dùng đất bùn trát kín phía trên theo hình trái núi nhọn đầu. Làm như vậy sau 5 – 7 ngày toàn bộ đống phân sẽ nóng lên và mầm bệnh sẽ bị tiêu diệt).

Chỉ được coi là hết dịch sau khi con vật bị ốm hay chết cuối cùng 1 tháng mà không có con vật nào bị ốm hay chết nữa.

PHẦN 3: BỆNH CỦA LỢN

I. BỆNH TRUYỀN NHIỄM THƯỜNG GẶP Ở LỢN

BỆNH DỊCH TẢ LỢN

1. Khái niệm

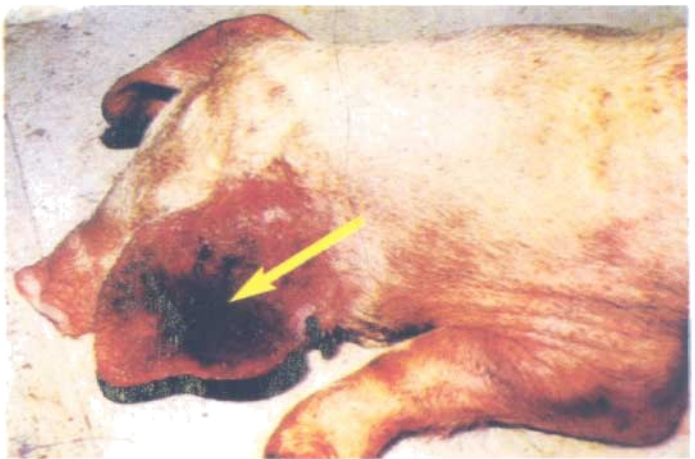
Bệnh dịch tả lợn là bệnh truyền nhiễm do siêu vi trùng (virut) gây ra. Bệnh xảy ra ở các lứa tuổi của lợn và lây lan rất mạnh. Lợn bị bệnh này có tỷ lệ chết rất cao từ 80 – 90%. Những con sống sót thường còi cọc, chậm lớn và là nguồn gieo rắc bệnh tật ra môi trường bên ngoài.

2. Triệu chứng

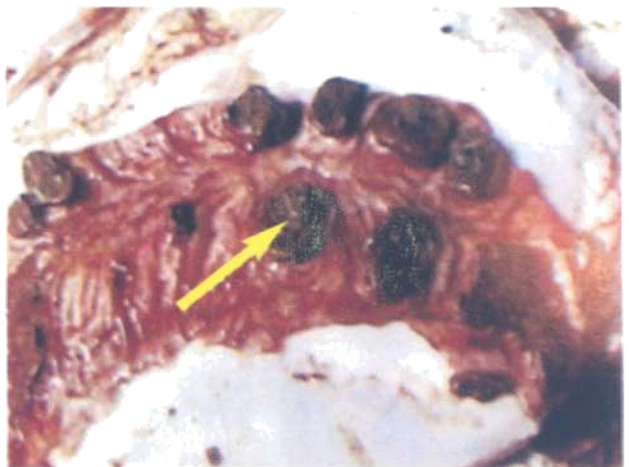
Lợn sốt cao $40 - 41^{\circ}\text{C}$, bỏ ăn, thích uống nước, mũi khô, mắt đỏ. Giai đoạn đầu phân táo, cục phân cứng, thường được bao bọc bởi một lớp màng trắng, ném xuống nước nổi lênh bênh. Khi bệnh nặng lợn chuyển sang ỉa lỏng, phân có mùi thối khắm. Trên da nhất là những chỗ da mỏng như da bụng, da phía trong đùi xuất hiện những nốt xuất huyết đỏ giống như nốt muỗi đốt, tai tím, mõm tím. Ngoài ra, lợn bị dịch tả còn thấy nôn mửa và viêm kết mạc mắt (mắt đỏ).

3. Bệnh tích

Trên da xuất hiện những nốt xuất huyết nhỏ màu đỏ, có khi những nốt xuất huyết tập trung lại thành đám nhìn giống như đám cơm cháy. Bệnh tích điển hình nhất là ở các cơ quan nội



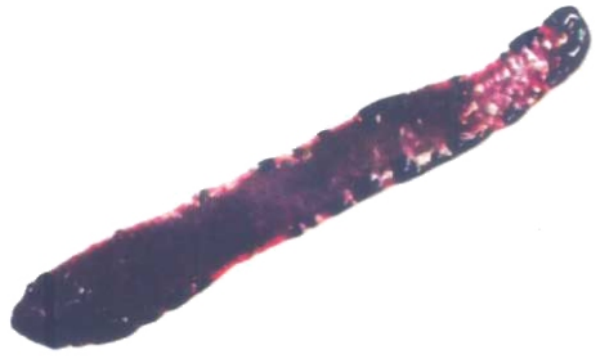
Lợn bị bệnh Dịch tả: Trên da xuất huyết lấm tấm như muỗi đốt; tai, mõm tím



Niêm mạc ruột già: Nốt loét hình cục áo



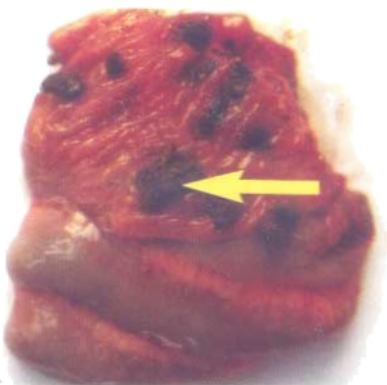
Thận: Xuất huyết hình đỉnh gim



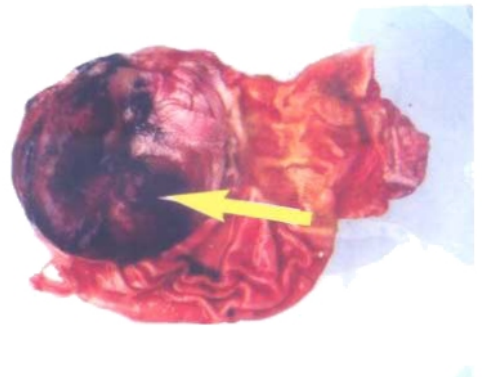
Lách: nhồi huyết, xù xì hình răng cưa



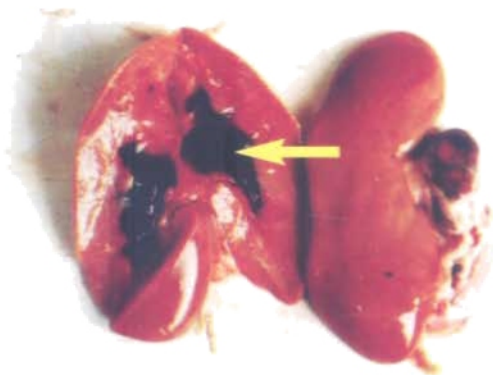
Bóng đái, mật, dạ dày và thận của lợn bị dịch tả: xuất huyết



Niêm mạc ruột già: Nốt loét hình cục áo



Niêm mạc dạ dày: Xuất huyết nặng



Thận: Cục máu đông trong bể thận Phổi, hạch phổi: Viêm, xuất huyết nặng

tạng: tại van hồi manh tràng (chỗ tiếp giáp giữa ruột non và ruột già) có những nốt loét hình cúc áo có hình vòng tròn đồng tâm, thận xuất huyết hình đinh ghim, lách nhồi huyết xù xì hình răng cưa.

4. Cách phòng trị

a. Phòng bệnh

Phòng bệnh bằng phương pháp tiêm vắc xin: Lợn con trước khi cai sữa mẹ phải được tiêm phòng bằng vắc xin dịch tả lợn nhược độc, liều lượng tiêm 1ml. Vị trí tiêm: dưới da sau gốc tai hay da phía trong đùi, thời gian miễn dịch 6 tháng. Những lợn mua ở chợ hoặc các nơi khác về phải tiêm phòng và nhốt riêng 10 ngày, nếu không có biểu hiện phát bệnh thì mới được nhập đàn.

b. Chữa bệnh

Đây là bệnh do siêu vi trùng gây ra. Hiện nay chưa có thuốc chữa, các loại kháng sinh đều không có tác dụng với siêu vi trùng.

Khi phát hiện chính xác đàn lợn bị dịch tả, nên dùng vắc xin tiêm thẳng vào ổ dịch. Cần chú ý tiêm phòng cho các đàn lợn ở phạm vi xung quanh, không bán chạy lợn, không vận chuyển lợn đi nơi khác. Lợn chết phải đem chôn, tiêu độc chuồng trại bằng vôi bột hay phun các thuốc sát trùng như Crezil, xút... Các chất thải như phân rác, nước tiểu cần phải được tập trung ủ theo phương pháp vi sinh vật học.

BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG LỢN

1. Căn bệnh

Do vi khuẩn Gr (-) gây ra. Bệnh xảy ra ở mọi lứa tuổi của lợn, nhiều nhất ở lợn trong thời kỳ vỗ béo. Bệnh xảy ra quanh năm, nhiều nhất khi điều kiện thời tiết thay đổi, đặc biệt vào vụ Đông Xuân khi mà độ ẩm cao, mưa phùn, gió bắc, chuồng trại ẩm thấp, bẩn thỉu.vv...

2. Triệu chứng

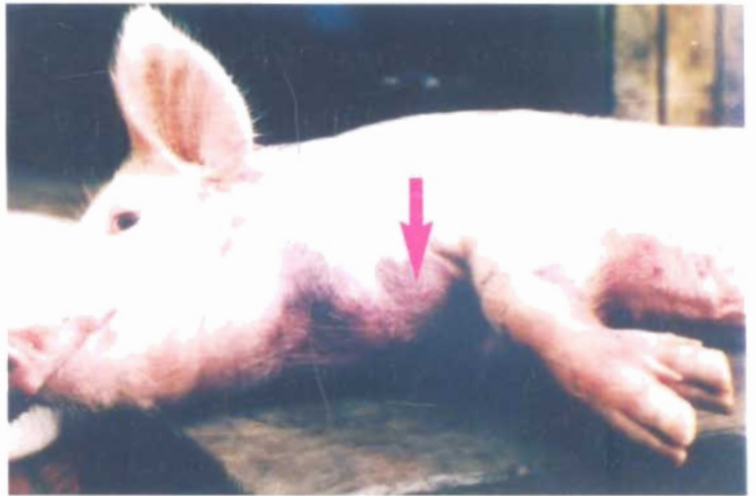
Bệnh xảy ra ở 2 thể: quá cấp tính và cấp tính.

Thể quá cấp: lợn chết đột ngột không kịp xuất hiện các triệu chứng lâm sàng. Lợn đang ăn đột nhiên hết, học lên rồi lăn ra chết. Sau khi chết thân thể tím bầm, miệng sùi bọt mép.

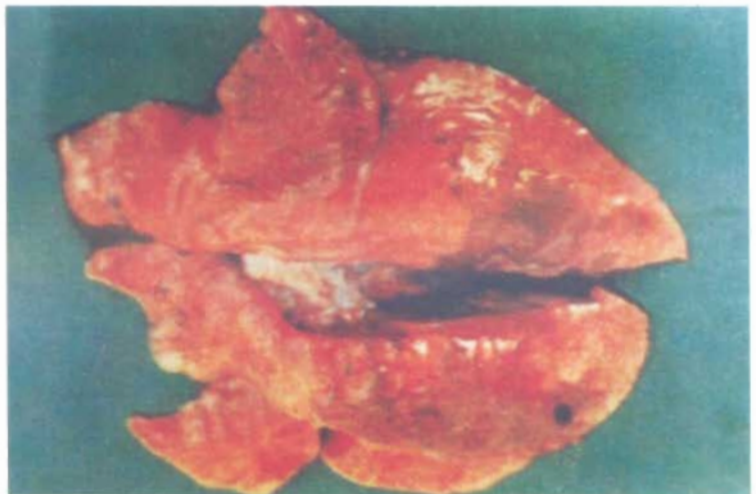
Thể cấp tính: Thông thường lợn mắc ở thể này, sốt cao $41 - 42^{\circ}\text{C}$, thở khó, bỏ ăn, phân táo, ho do vi khuẩn tác động vào đường hô hấp, mũi khô, có dịch mũi đặc, trên da nhất là những chỗ da mỏng xuất hiện những đám xung huyết đỏ.

3. Bệnh tích

Vùng dưới da có tụ máu và keo nhầy, phổi bị xung huyết hay viêm nặng (viêm gan hoá) có mầu đá hoa vân. Xoang ngực, xoang bao tim tích nước vàng, thanh quản và phế quản xuất huyết, có dịch mầu đỏ. Tim,



Lợn chết do bệnh tụ huyết trùng: Đám tụ mầu mầu tím dưới da vùng cổ và bụng



Phổi lợn chết do bệnh tụ huyết trùng: Viêm gan hoá cả một đám lớn

gan, thận, lách sưng to và xuất huyết.

4. Phòng trị

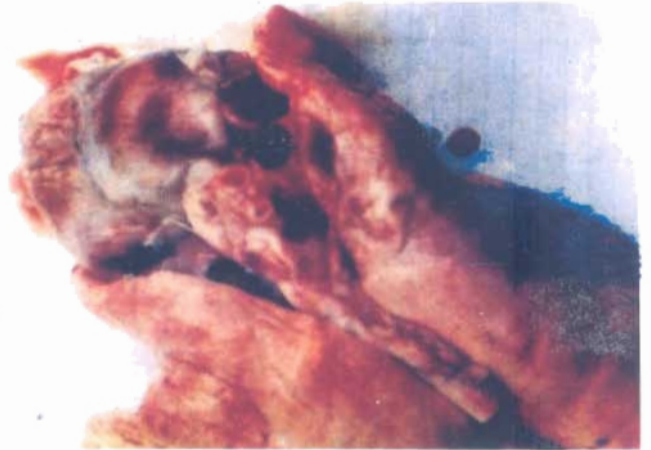
a. Phòng bệnh

Phòng bệnh chủ yếu bằng các biện pháp vệ sinh thú y (đã trình bày ở phần phòng chống bệnh truyền nhiễm cho gia súc, gia cầm).

Phòng bệnh bằng vắc xin tụ huyết trùng lợn hay vắc xin tụ dậu, tiêm dưới da liều 2 – 3ml (miễn dịch 6 tháng).

b. Trị bệnh

Dùng các kháng sinh có tác dụng tiêu diệt vi khuẩn Gr(–) như: Streptomycin, Gentamycin, tiêm bắp thịt. Ngoài ra có thể tiêm các thuốc giảm sốt (Anagin), các thuốc bổ như B₁, Cafein... kết hợp chăm sóc hộ lý tốt cho vật.



*Tim và phổi lợn chết do tụ huyết trùng:
Tụ máu, xuất huyết nặng*

BỆNH PHÓ THƯƠNG HÀN LỢN

1. Căn bệnh

Do vi khuẩn Gr(-) gây ra. Lợn từ 25 ngày tuổi đến khi cai sữa đặc biệt rất hay mắc.

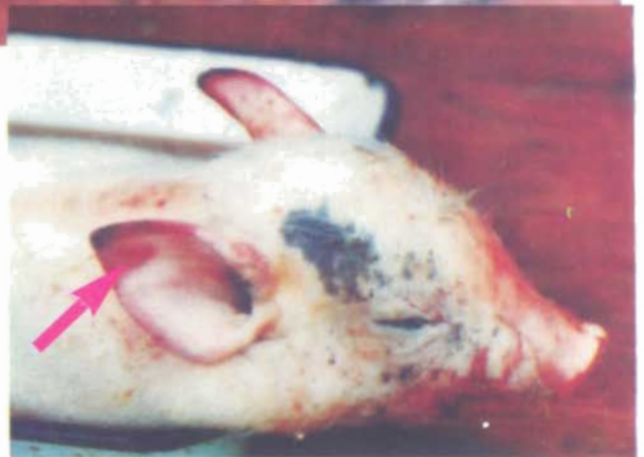
2. Triệu chứng



Lợn bị bệnh phó thương hàn: Xung huyết, toàn thân đỏ ửng

Thể cấp tính: Lợn sốt cao, nôn mửa và ỉa chảy, da xung huyết.

Thể á cấp tính: Lợn thở gấp, ỉa chảy, phân thường có màu vàng, trên da có vết tím. Lợn thường chết sau 10 ngày phát bệnh.



Lợn chết do phó thương hàn: Tim bầm vành tai

Thể mãn tính: Lợn ỉa chảy kéo dài, phân thối lẫn máu, lợn gầy yếu còi cọc.

3. Bệnh tích

Thể cấp tính nội tạng bị xuất huyết. Thể á cấp tính và thể mãn: hồi tràng, manh tràng và kết tràng bị loét do hoại tử, vết loét không có ranh giới rõ rệt.



Ruột lợn bị bệnh Phô thương hàn: Loét lan tràn, nhung mao ruột bị bào mòn



Xác lợn chết do bị bệnh Phô thương hàn ghép với dịch tả: Đỉnh tai tím bầm, da xuất huyết

b. Trị bệnh

Tiêm bắp Vimenro liều 1 – 2ml/10kg thể trọng, ngày tiêm 2 lần. Tiêm Pneumotic liều 1ml/10kg thể trọng, hay Gentamycin 0,4ml/1kg thể trọng... Ngoài ra cần phải chăm sóc, hộ lý, trợ sức, trợ lực cho lợn bệnh.

4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Vệ sinh chuồng trại, cách ly lợn ốm điều trị triệt để. Tiêm phòng vắc xin phó thương hàn lợn con vô hoạt lúc 21 ngày tuổi và tiêm lại vào lúc 27 ngày tuổi hoặc có thể tiêm vắc xin đông khô 1ml/con cho lợn từ 20 ngày tuổi trở lên.



Ruột lợn bị phó thương hàn: Vết loét lan tràn, phủ bựa

BỆNH ĐÓNG DẤU LỢN

1. Căn bệnh

Bệnh đóng dấu lợn do một loài vi khuẩn Gr(+) gây ra. Bệnh hay gặp ở lợn sau 3 tháng tuổi và thường ghép với bệnh tụ huyết trùng lợn.

2. Triệu chứng

Sốt cao trên 40°C , bỏ ăn, sưng khớp, da có vết dấu hình vuông, hình chữ nhật, hình lục giác màu đỏ, ấn tay vào thì mất, bỏ tay ra lại xuất hiện. Cuối kỳ bệnh, da bị hoại tử và bong ra, cong vênh lên từng đám.

3. Bệnh tích

Thể cấp tính: Xuất huyết da; dạ dày, ruột, tim, phổi, gan và thận sưng.

Thể mãn tính: Viêm khớp và viêm màng trong bao tim.

4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Vệ sinh chuồng trại, chăm sóc lợn chu đáo. Tiêm phòng vắc xin nhược độc đóng dấu lợn 1ml/lợn hay vắc xin tụ dấu 2 – 3ml/lợn, tiêm lúc lợn 3 tháng tuổi và cứ 6 tháng tiêm một lần.



Lợn bị bệnh đóng dấu: Dấu đỏ nhiều hình dạng trên da



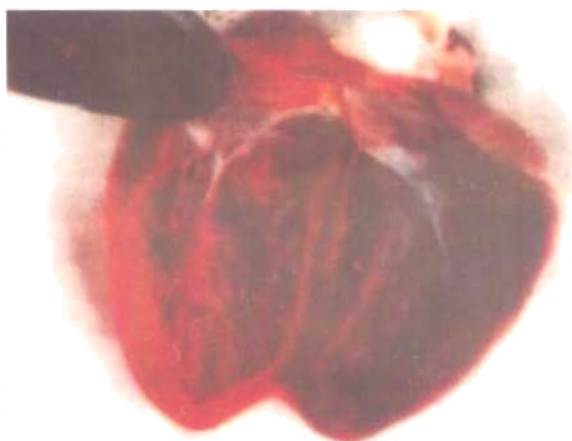
Lợn bị bệnh đóng dấu: Khớp sưng, đi lại khó khăn, lợn thường ngồi



*Lách lợn bị bệnh đông máu:
Sưng, tụ máu, bề mặt nổi gồ từng chỗ*



*Tay người bị lây bệnh đông máu lợn:
Dấu đỏ trên gốc ngón tay cái*



*Tim lợn bị bệnh đông máu: Sưng,
tụ máu, viêm màng trong tim*

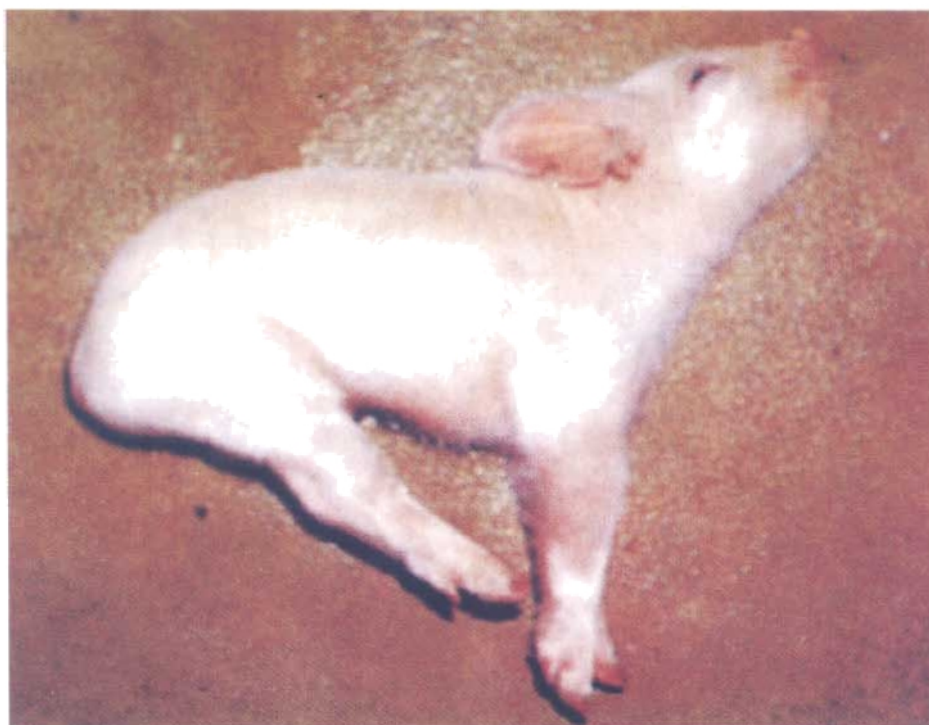
b. Trị bệnh

Tiêm bắp ngày 2 lần một trong các loại thuốc: Penicillin, Pen – Kana, Gentamycin ... theo chỉ dẫn ghi trên nhãn thuốc. Ngoài ra, cần tiêm thuốc hạ sốt, trợ lực, trợ sức cho vật như Vitami B₁, Cafein, Analgin... Kết hợp với điều trị, phải chăm sóc, hộ lý tốt cho lợn bệnh.

BỆNH GIẢ ĐẠI (*Pseudorabies*)

1. Nguyên nhân

Bệnh do vi rút Aujeszky gây ra. Đây là bệnh truyền nhiễm của lợn xảy ra ở dạng quá cấp với tỷ lệ chết cao. Vi rút giả dại xâm nhập vào cơ thể qua đường tiêu hoá hay các vết thương trên cơ thể rồi phá huỷ các tế bào thần kinh, đặc biệt là thần kinh trung ương. Các tổ chức tế bào của các cơ quan khác như gan, thận, hệ thống hô hấp cũng bị vi rút phá huỷ. Các gia súc khác như chó, mèo, trâu, bò cũng có thể mắc.



Lợn bị bệnh giả dại: Có triệu chứng thần kinh

2. Triệu chứng

Biểu hiện chính của bệnh trên lợn là triệu chứng thần kinh. Lợn từ sơ sinh đến tuần tuổi thứ 4 có tỷ lệ nhiễm bệnh cao. Tỷ lệ chết của bệnh này cao, toàn đàn có thể chết trong 48 giờ sau khi nhiễm bệnh. Lợn con sốt cao 40 – 42⁰C, chảy nước mắt, bỏ ăn.

Lợn xuất hiện các triệu chứng thần kinh như run rẩy, đi xiêu vẹo, rung cơ, đầu chúc xuống đất, tai cụp sát cổ, nhiều con có triệu chứng động kinh co giật, sùi bọt mép, mắt trợn ngược, khó thở giống như triệu chứng của bệnh dại.

3. Bệnh tích

Mổ khám thấy các vết lấm tấm đỏ trên da. Hệ hô hấp bị xung huyết, nhất là ở ngà ba hầu, phổi phù nề. Vỏ thận xuất huyết, có nốt hoại tử. 1/3 dạ dày phía dưới bị viêm, xuất huyết. Các mạch máu ở não căng, chứa đầy máu không đông. Màng não bị xuất huyết.

4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Không xuất, nhập lợn ở những nơi nghi có bệnh giả dại.

Tiêm phòng vắc xin 2 lần/năm. Tiêm phòng cho lợn mẹ để kháng thể thụ động truyền cho lợn con.

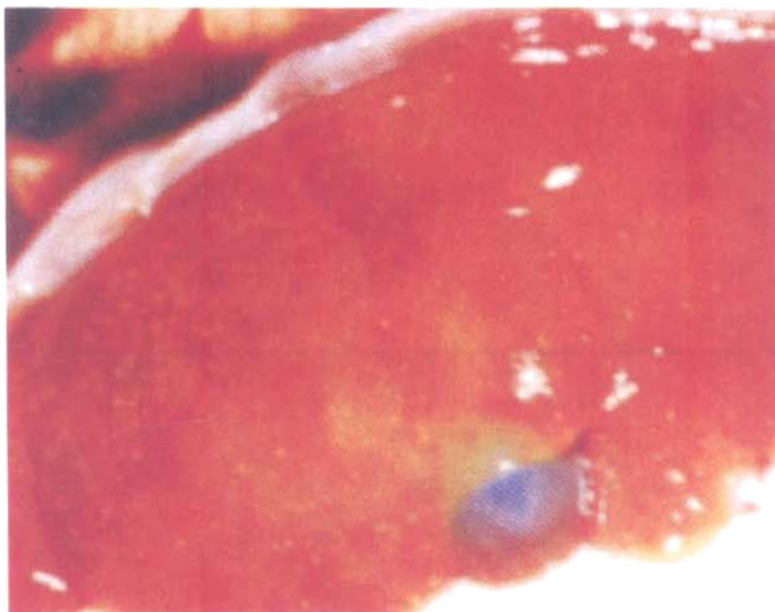
Tiêm vắc xin ngay từ khi mới sinh cho lợn con.

Cách ly lợn ốm.

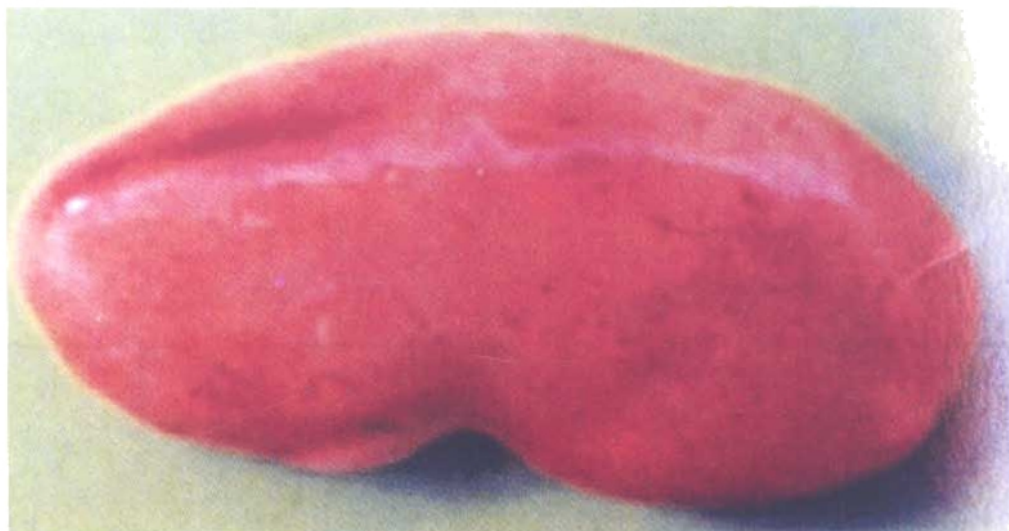
Xây dựng khu chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

b. Trị bệnh

Chỉ với những con có giá trị về mặt con giống mới điều trị. Tiêm kháng huyết thanh hay gama globulin cũng có kết quả điều trị tốt. Các thuốc hoá học trị liệu chỉ có tác dụng phòng trị các vi khuẩn kế phát.



*Gan lợn bị bệnh giả dại:
Xuất huyết, hoại tử trên bề mặt*



Thận lợn bị bệnh giả dại: Xuất huyết lấm tấm

BỆNH VIÊM TỬ CUNG, ÂM ĐẠO LỢN

1. Nguyên nhân

Bệnh do vi khuẩn nhóm tụ liên, thường là Streptococcus, Staphylococcus, E.coli gây ra. Bệnh thường xảy ra khi lợn mẹ đẻ khó, sốt nhau, hay lợn mẹ bị sẩy thai hoặc do phối giống không đảm bảo vệ sinh, sai kỹ thuật, gây chảy xước, rách cổ tử cung, niêm mạc tử cung và âm đạo.

2. Triệu chứng

Lợn bỏ ăn, sốt cao vài ngày, sau thấy mủ và dịch rỉ viêm màu nâu hay trắng, mùi hôi thối. Nếu bị viêm sâu – viêm tử cung, sốt nhau thì ngoài máu mủ chảy ra còn thấy những màng nhầy, cục máu đông, tổ chức thối rữa chảy theo, mùi rất khó chịu. Nếu mủ trắng, đục và ít là do bị viêm âm hộ, còn mủ chảy nhiều, màu nâu hay màu cà phê đen, mùi hôi thối thường là do lợn bị viêm tử cung nặng.

3. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Tắm rửa lợn mẹ sạch sẽ, tẩy uế chuồng trước khi cho lợn vào đẻ. Thay lót ổ bằng rơm sạch hàng ngày. Lợn mẹ béo quá, cho ăn thêm rau xanh, quả, giảm thức ăn tinh 5 – 7 ngày trước khi đẻ.

b. Trị bệnh

Thụt rửa tử cung bằng dung dịch thuốc tím hay Rivanol 0,1%. Sau khi rửa sạch bơm dung dịch kháng sinh vào tử cung. Cũng có thể tiêm kết hợp Streptomycin và Penicilin 20.000UI/kg thể trọng. Ngày tiêm 2 lần, đồng thời tăng cường trợ sức, trợ lực cho lợn.

BỆNH LỢN NGHỆ (*Leptospirosis*)

1. Khái niệm:

Bệnh lợn nghệ là bệnh do xoắn khuẩn gây ra với triệu chứng đặc trưng như: sốt cao, vàng da, nước tiểu vàng bệnh gây chết với tỷ lệ cao ở lợn con và gây sảy thai ở lợn nái.

2. Nguyên nhân và cách gây bệnh

Là loại xoắn khuẩn có hình mũi khoan có tới 20 chủng gây bệnh cho nhiều loài gia súc và người. Bệnh lây lan qua đường ăn uống, tiếp xúc trực tiếp hay qua đường sinh dục, chuột và các loài côn trùng là nhân tố trung gian truyền bệnh, làm cho bệnh lây lan.

3. Triệu chứng

Lợn bỏ ăn, kém vận động nằm một chỗ, sốt nhẹ $40 - 40,5^{\circ}\text{C}$ và sốt lên xuống, ngắt quãng trong từ 3 – 5 ngày, lợn bị ỉa chảy. Sau đó lợn xuất hiện những triệu chứng điển hình của bệnh như vàng da, đái ra máu hay huyết sắc tố, nước tiểu vàng và sánh, lợn xuất hiện triệu chứng thần kinh quý nửa thân sau, lợn đi lại khó khăn run rẩy, phù đầu và phù mắt, lợn kêu không ra tiếng, tỷ lệ chết khá cao. Nếu là lợn đực thì bao dương vật sưng to, lợn gầy rộc; còn nếu là lợn cái chữa sẽ bị sảy thai hay thai bị chết lưu.

4. Bệnh tích

Bệnh tích điển hình của bệnh lợn nghệ là: da vàng, xuất huyết tràn lan, gan, thận, lách sưng to mầu đất thó hay mầu vàng, có nhiều điểm hoại tử, thịt mầu vàng có mùi khét đặc trưng, tử cung bị viêm chứa nhiều dịch rỉ viêm và có mùi hôi thối khó chịu. Nếu là bào thai vừa bị sảy thường có các điểm xuất huyết trên bề mặt da toàn bộ cơ thể.



Lợn chết do xoắn khuẩn: Da vàng



*Bệnh tích ở
thai: xẩy
thai, da
vàng, có
nhiều điểm
xuất huyết*



Thận lợn bị xoắn khuẩn: Bể thận màu vàng

5. Phòng trị bệnh

a. Phòng bệnh

– Thực hiện tốt khâu vệ sinh phòng dịch, tích cực tiêu diệt chuột và các loại côn trùng.

– Tiêm vắc xin xoắn trùng vào lúc 4 và 10 tháng tuổi, mỗi đợt tiêm 2 lần, cách nhau 10 ngày.

b. Điều trị

Dùng các loại kháng sinh nhóm Penicillin, Streptomycin, các chế phẩm chứa Tylosin hay Tiamulin với liều theo chỉ dẫn trên nhãn thuốc, tiêm cho lợn ngày 2 lần trong vòng 5 – 7 ngày. Có thể dùng chế phẩm Leptomycin điều trị cho kết quả cao. Cần lưu ý: để điều trị bệnh này có kết quả, cần phải kết hợp điều trị nguyên nhân cùng với việc trợ sức, trợ lực và giải độc cho con vật bằng cách tiêm các loại thuốc bổ như Vitamin B₁, B.Complex, Vitamin B₁₂...truyền dung dịch glucoza qua tĩnh mạch tai hay tiếp vào xoang bụng cho lợn.

BỆNH UỐN VÁN (*Tetanus*)

1. Khái niệm

Là bệnh nhiễm trùng vết thương, tiến triển rất nhanh và rất nguy hiểm cho nhiều loài gia súc và người. Đặc điểm của bệnh là: con vật bị kích thích phản xạ mạnh và co cứng cơ vân.

2. Nguyên nhân gây bệnh

Là một loại vi khuẩn có nha bào, hình gậy gậy ra. Vi khuẩn sản sinh ngoại độc tố có độ độc rất cao. Vi khuẩn có thể sống rất lâu, tới 10 năm ở những chỗ ẩm thấp. Ở môi trường ngoại cảnh vi khuẩn hình thành nha bào. Nha bào sẽ xâm nhập qua các vết thương trên da (nhất là những chỗ hay tiếp xúc với đất như bàn chân, kẽ móng, bụng). Đặc biệt là khi vết thối do khi thối không thực hiện đúng quy trình kỹ thuật (dụng cụ thối, tay người thao tác không sạch sẽ, không vô trùng) hoặc do công tác hộ lý sau khi thối không tốt. Cũng có thể do nha bào uốn ván xâm nhập qua dây rốn khi gia súc mới sinh. Sau khi xâm nhập vào vết thương, nha bào nhanh chóng phát triển thành vi khuẩn và nó sản sinh ra ngoại độc tố với độc lực cao. Độc tố theo dây thần kinh về trung ương thần kinh. Độc tố tác động vào trung khu vận động, kích thích làm cho toàn bộ hệ thống cơ vân bị co cứng con vật mất dần sức lực và bị chết trong tình trạng ngạt thở và bị cạn kiệt năng lượng.

3. Triệu chứng

Lợn mắc uốn ván thường biểu hiện triệu chứng co cứng cơ vân, trông giống như lợn gỗ. Lợn mẫn cảm với mọi kích thích từ bên ngoài như tiếng động hoặc các kích thích cơ giới. Hiện tượng co cứng thường biểu hiện rõ nhất ở hàm, lưng, rồi nhanh chóng lan ra toàn thân. Lợn thường sùi bọt mép, co giật liên tục, lợn nằm nghiêng trong trạng thái co cứng toàn thân, đuôi duỗi thẳng. Lợn mắc bệnh uốn ván khi đã xuất hiện triệu chứng điển hình thì tỷ lệ chết rất cao.



Lợn bị bệnh uốn ván lúc còn sống: Các cơ co cứng



Lợn bị bệnh uốn ván lúc vừa chết: Các cơ co cứng

4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Để tránh được bệnh uốn ván thì công tác vô trùng trong các thao tác ngoại khoa thiến hoạn phải thực hiện nghiêm túc, dụng cụ, tay người thao tác phải được sát trùng, vết mổ phải được vô trùng cẩn thận trước khi tiến hành phẫu thuật. Sau khi mổ, xẻ, thiến, hoạn xong phải nhốt riêng gia súc không cho vết thương tiếp xúc với nước, chuồng trại phải sạch sẽ khô ráo. Trường hợp gia súc có các vết thương trầy xước thì phải rửa ngay vết thương bằng các dung dịch sát trùng nhẹ, mở rộng vết thương, cắt hết tổ chức dập, không để vết thương kín, yếm khí.

b. Trị bệnh

Làm sạch vết thương bằng cách mở rộng vết thương, cắt bỏ tổ chức dập nát rồi rửa bằng các dung dịch sát trùng như thuốc tím 0,1%, Rivanol 0,1%. Sau đó rắc bột kháng sinh như sulfamid, bột tetracyclin, bột Ichthyol để chống ruồi nhặng.

Để phá huỷ độc tố: tiêm giải độc tố uốn ván, kháng huyết thanh 80.000UI cho gia súc lớn. 40.000UI cho gia súc nhỏ, tiêm 2 lần. Cần chú ý phải dùng sớm mới có kết quả. Ngoài ra, có thể dùng các loại thuốc an thần như Magiê sulfat 10% hay Gluconat magiê 15% từ 100 – 200ml tiêm tĩnh mạch tai hay tiêm sâu vào bắp thịt cho con vật. Đồng thời, dùng các loại thuốc trợ sức như Vitamin B₁, trợ tim như cafein, Adrenalin và thuốc giãn phế quản cho vật dễ thở như Ephedrin và đặc biệt chú ý phải để vật ở nơi yên tĩnh tránh mọi kích thích tác động từ ngoài vào.

Cần chú ý rằng chỉ điều trị khi phát hiện sớm và chưa biểu hiện triệu chứng co cứng hàm. Nếu đã có triệu chứng điển hình thì nên loại thải.

BỆNH BẠI LIỆT CỦA LỢN NÁI ĐỂ

1. Nguyên nhân

Bệnh thường xảy ra ở lợn nái cao sản: đã đẻ nhiều lứa, sai con. Mặc dù lợn mẹ đã ăn đầy đủ đạm nhưng vẫn còn thiếu Ca (can xi), P (phốt pho), buộc lợn mẹ phải lấy những chất khoáng này từ trong cơ thể (khung xương, dây thần kinh) ra để tạo sữa. Kết quả xương và dây thần kinh của lợn mẹ bị thiếu khoáng, lợn mẹ bị động kinh co giật, mềm xương không đi đứng được hay bại liệt. Đôi khi, do lợn nái được nuôi trong chuồng chật chội, tối, thiếu ánh sáng, dẫn đến thiếu các yếu tố cần thiết cho quá trình tạo xương như: thiếu các Vitamin A, D sẽ không đồng hoá được Ca, P có trong thức ăn gây thiếu Ca, P dẫn đến bại liệt.

2. Triệu chứng

Sau 2 – 3 tuần, lợn nái bị hao cân, kém nhanh nhẹn, sau đó đi khập khiễng. Trước tiên 2 chân sau yếu dần, đi run rẩy hay nằm lỳ. Cũng có con đột nhiên nằm luôn không đứng dậy được. Thân nhiệt bình thường. Những ngày đầu lợn vẫn ăn uống bình thường, nhưng do không vận động, đi lại nên bị táo bón.

3. Điều trị

Cần tách con nuôi bộ hay tập cho ăn sớm, không cho con bú. Với lợn mẹ nên lót rơm dầy để lợn nằm tránh xây sát da. Chủ động trở mình cho lợn mẹ phòng lở loét hay bị tụ huyết. Cho lợn mẹ ăn thức ăn có chất lượng cao bổ xung thêm các yếu tố cần thiết như vitamin B₁₂, B₁, A, D... giúp cho sự đồng hoá Ca, P được tốt hơn.

Tiêm cho lợn mẹ các thuốc sau: Polycan, Calci-for, CaCl₂ 10% (chỉ tiêm tĩnh mạch), Gluco – Calci, Carbizol... Cũng có thể tiêm Vitamin nhóm B kết hợp Strychnin.

BỆNH PHÂN TRẮNG LỢN CON

1. Khái niệm

Bệnh phân trắng lợn con là một hội chứng tiêu chảy phân trắng của lợn con đang theo mẹ, đặc biệt từ sơ sinh đến 21 ngày tuổi. Bệnh xảy ra quanh năm, nhưng hay gặp nhất khi thời tiết thay đổi: nóng lạnh thất thường, mưa nhiều, độ ẩm cao...

2. Nguyên nhân gây bệnh

Bệnh phân trắng lợn con gây ra do các nguyên nhân tổng hợp sau:

a. Do điều kiện vệ sinh dinh dưỡng

Nhân tố bẩm sinh: do quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng lợn mẹ không đầy đủ, nhất là giai đoạn có chữa, lợn mẹ bị thiếu chất dinh dưỡng, khoáng, nhất là Fe, Co, Ca, Vitamin B₁₂... làm bào thai phát triển kém, do đó ấu súc mới sinh dễ bị bệnh phân trắng lợn con.



Đàn lợn con bị bệnh ỉa phân trắng: Gầy yếu, còi cọc

Do rối loạn trao đổi chất vì lợn con bú sữa mẹ kém phẩm chất, thiếu chất dinh dưỡng, nhất là thiếu Fe. Khi còn bú mẹ, lợn con rất cần nước, thiếu nước chúng sẽ uống nước bẩn...

b. Do đặc điểm sinh lý lợn con

Khi mới sinh, cơ thể lợn con chưa phát triển hoàn chỉnh về hệ tiêu hoá và hệ miễn dịch. Trong dạ dày lợn con thiếu a xít HCl (Clo hi đơ rích) nên pepsinogen tiết ra không trở thành men pepsin hoạt động được. Khi thiếu pepsin, sữa mẹ không được



Đàn lợn con bị bệnh ỉa phân trắng: Gầy yếu, còi cọc

tiêu hoá và bị kết tủa dưới dạng casein, gây rối loạn tiêu hoá, tiêu chảy phân màu trắng (màu của casein chưa được tiêu hoá). Hơn nữa khi mới sinh vỏ não và các trung tâm điều tiết thân nhiệt của lợn con chưa hoàn chỉnh, do vậy nó không kịp thích nghi với sự thay đổi bất thường của thời tiết, khí hậu. Hơn nữa lượng mỡ dưới da của lợn con lúc mới sinh chỉ có khoảng 1%. Lúc khí hậu thay đổi, lợn con mất cân



*Lợn con bị bệnh ỉa phân trắng:
Phân màu trắng đục, bết dính*

bằng giữa hai quá trình sản nhiệt và thải nhiệt. Đặc điểm này đã lý giải tại sao bệnh này lại hay xảy ra hàng loạt, ồ ạt khi khí hậu thời tiết thay đổi thất thường.

c. Do vi khuẩn đường ruột

Thường là kế phát. Khi sức đề kháng của lợn con giảm, E.coli, Salmonella phát triển nhanh chóng gây bội nhiễm, tăng độc lực gây bệnh.

3. Triệu chứng

Bệnh gặp nhiều ở lợn từ sơ sinh đến 21 ngày tuổi. Lợn kém bú, rồi bỏ hẳn, ủ rũ, đi đứng siêu vẹo. Lợn đi ỉa, da khô nhăn nheo, đầu to bụng hóp, lợn gầy sút rất nhanh, hậu môn thường dính bết phân. Niêm mạc mắt nhợt nhạt, 4 chân lạnh, thở nhanh. Lợn rặn rất nhiều khi ỉa. Màu phân lúc đầu xanh đen sau đó chuyển sang xám (màu tro bếp, màu xi măng) rồi chuyển thành màu trắng như cút cò, có mùi tanh, khắm đặc trưng. Phân dính nhiều vào đít, vào khoeo. Lợn con bị bệnh thường hay khát nước, nên tìm nước bẩn trong chuồng uống, làm bệnh nặng thêm nếu không đảm bảo đủ nước sạch. Đôi khi có lợn nôn ra sữa chưa tiêu hoá nên có mùi chua. Bệnh kéo dài 2 – 4 ngày, lợn suy nhược nhanh, co giật, run rẩy và chết. Tỷ lệ chết 50 – 80%.

Thể kéo dài gặp nhiều ở lợn từ 22 ngày tuổi. Bệnh có thể kéo dài từ 7 – 10 ngày. Lợn con vẫn bú nhưng giảm dần đi. Phân màu trắng đục, trắng vàng. Nhiều con mắt có dử và quầng thâm xung quanh. Lợn suy dinh dưỡng, niêm mạc nhợt nhạt, nếu chữa trị không kịp thời lợn thường chết sau 1 tuần bị bệnh. Lợn con từ 45 – 50 ngày vẫn còn bú mẹ cũng bị bệnh ỉa phân trắng với các triệu

chúng nhẹ hơn. Nếu bệnh kéo dài, lợn sẽ bị còi cọc.

4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Phòng bệnh bằng vệ sinh dinh dưỡng: chăm sóc, nuôi dưỡng lợn mẹ, lợn con tốt. Cần chú ý khâu thức ăn cho mẹ phải tốt cả về số lượng và chất lượng. Thực hiện tốt 3 khâu: chống lạnh, chống ẩm và chống bẩn, chuồng trại thoáng mát mùa hè, ẩm mùa đông... Tập cho lợn con ăn sớm với thức ăn có chất lượng cao.

Phòng bằng vắc xin cho cả mẹ và con: Vắc xin được chế từ các chủng E.coli gây bệnh phân trắng lợn con (autovaxin – vắc xin chuồng) bằng cách tiêm cho mẹ 1 – 2 tuần trước khi đẻ, hay cho mẹ uống 3 – 4 lần sau khi đẻ. Vắc xin có tác dụng bảo hộ 70% cho lợn khi đang cho con bú.

b. Trị bệnh

Dùng các thuốc hoá học có độ mẫn cảm cao với vi khuẩn E.coli và Salmonella gây bệnh như: Neomycin; Antidia, Đặc trị tiêu chảy, hay một số loại kháng sinh có nguồn gốc thảo dược: viên tồ mộc, becberin, palmatin, ngũ bội tử, nước sắc của các lá, quả chứa nhiều tanin như hồng xiêm, lá sim, lá ổi...

Dùng các chế phẩm sinh học: complex – subtilit, bột subtilit, bổ sung các nguyên tố vi lượng: Fe, Cu...



*Lợn con chết do bị bệnh ỉa phân trắng:
Dạ dày đầy hơi, gan sưng tấy máu*



*Lợn con chết do bị bệnh tiêu chảy:
Ruột đầy hơi, căng phồng*

II. BỆNH KÝ SINH TRÙNG THƯỜNG GẶP Ở LỢN

BỆNH SÁN LÁ RUỘT LỢN

1. Nguyên nhân

Do một loại sán lá (nhân dân thường gọi là sán lá hạt hồng hay sán lá trâu) gây nên. Hầu hết lợn nuôi trong các gia đình nông dân đều mắc bệnh sán lá ruột. Sán trưởng thành ký sinh ở ruột non của lợn mẩu hồng giống như hạt hồng, sán đẻ trứng theo phân ra ngoài gặp điều kiện thuận lợi trứng nở thành ấu trùng rồi chui vào ký chủ trung gian là ốc nước ngọt, phát triển qua các giai đoạn rồi chui ra khỏi ốc, phát



*Ốc nước ngọt (thấy ở ruộng lúa)
vật chủ trung gian của sán lá ruột lợn*

triển thành kén, kén bám vào thân cây cỏ và rau, lợn ăn phải rau cỏ có nhiễm kén sán lá ruột khi vào ruột lợn kén sẽ phát triển thành sán trưởng thành.

2. Triệu chứng lâm sàng

Lợn kém ăn, gầy yếu, suy dinh dưỡng, da khô, lông xù do sán hút hết chất dinh dưỡng. Lợn con chậm lớn, thường xuyên ỉa chảy, ngủ hay nghiêng răng. Lợn nái nhiễm sán lá ruột thường nuôi con kém, do ít sữa, niêm mạc nhợt nhạt do thiếu máu. Khi mổ khám nhìn ruột non bên ngoài không thấy có nhiều nốt sần to cứng, bên trong chứa nhiều sán lá.

3. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Không cho lợn ăn rau, bèo, rong sống. Khi cho lợn ăn rau sống phải rửa sạch.

Vệ sinh môi trường bằng cách quét dọn vệ sinh định kỳ, toàn bộ chất thải, phân rác... đem ủ để diệt trứng giun sán. Không dùng phân tươi, nước giải mới tưới cho cây làm thức ăn xanh của lợn.

b. Trị bệnh

Dùng Nimisol 1g cho 5kg thể trọng, trộn vào thức ăn cho lợn ăn vào buổi sáng khi đói.

BỆNH LỢN GẠO

1. Nguyên nhân

Do sán dây ở người gây ra. Sán trưởng thành ký sinh ở đường tiêu hoá của người, khi các đốt sán đã thành thực, chứa đầy trứng sán rụng đốt và thải ra ngoài theo phân. Lợn thả rong ăn phải phân người có đốt sán thành thực chứa đầy trứng sán. Khi vào đường tiêu hoá của lợn trứng sẽ phát triển thành ấu trùng vào máu rồi theo máu lưu hành tới cư trú ở mọi nơi như cơ, não và các cơ quan nội tạng (tim, phổi, gan). Người ăn thịt lợn chưa nấu chín, đặc biệt khi ăn tiết canh lợn bị nhiễm bệnh sẽ mắc bệnh. Khi vào cơ thể người, ấu trùng sẽ phát triển thành sán trưởng thành. Đó là vòng đời của sán dây.

2. Triệu chứng

Tuỳ vào mức độ nhiễm bệnh mà lợn có những biểu hiện sau:

Lợn kém ăn, gầy yếu, sút cân, đi lại khó khăn.

Dưới da và trong thịt có nhiều nốt cục lổn nhổn nhất là vùng xung quanh mạch máu. Mạch máu tắc nghẽn bởi những hạt gạo lợn, lợn có thể bị liệt hay què có khi kiệt sức mà chết.

3. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Người không được phóng uế bừa bãi, phải có hố xí. Phân người trước khi sử dụng bón ruộng, bón nương phải được ủ có rắc vôi bột.

b. Trị bệnh

Hiện nay vẫn chưa có thuốc điều trị bệnh gạo lợn mà chỉ dùng biện pháp phòng bệnh.

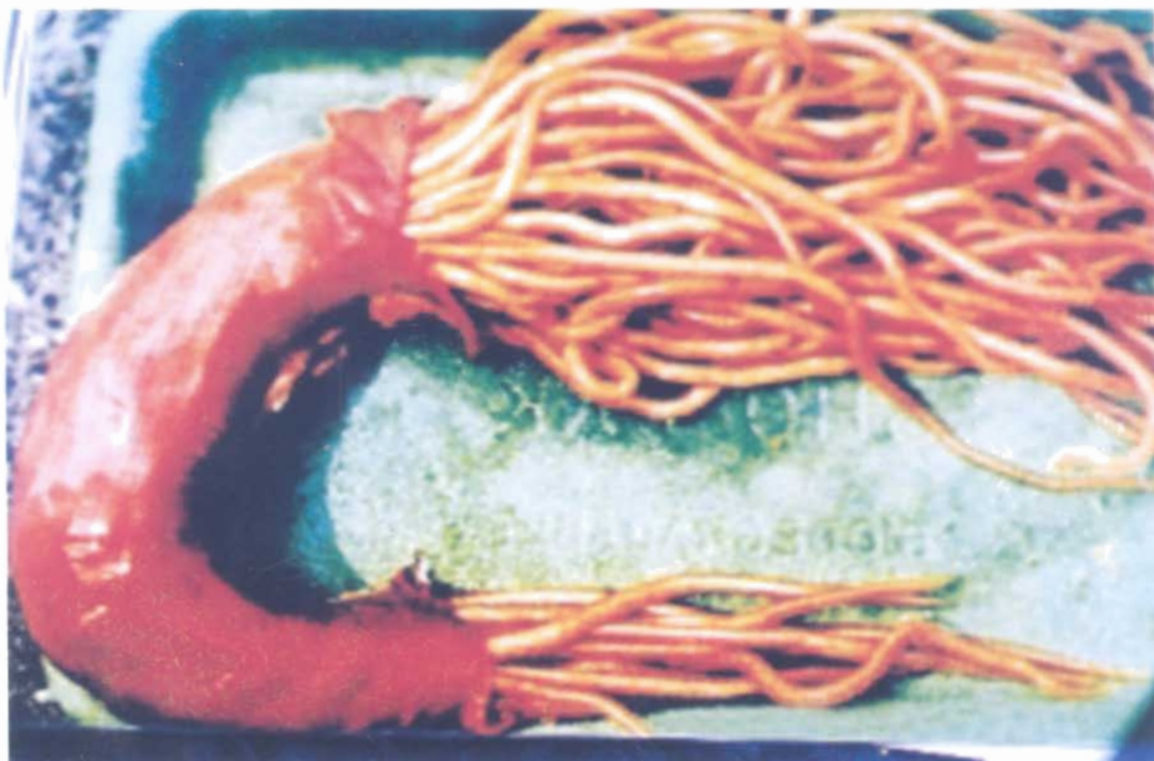
BỆNH GIUN ĐŨA LỢN

1. Nguyên nhân

Do một loài giun giống như chiếc đũa có tên là *Ascaris suum* ký sinh ở ruột non của lợn. Con cái thường to hơn, dài hơn con đực. Con đực có đuôi hơi cong về phía bụng.

2. Vòng đời

Giun đũa lợn không cần vật chủ trung gian. Khi lợn ăn phải trứng gây nhiễm có trong thức ăn xanh: rau muống, rau bắp, bèo... sẽ phát triển thành giun trưởng thành ký sinh ở ruột non. Giun cái phát triển nhanh, đẻ rất nhiều trứng. Trung bình một giun cái đẻ tới hai mươi bảy triệu trứng. Trứng theo phân ra ngoài, gặp độ ẩm thích hợp, nhiệt độ 24°C sau 2 tuần tế bào trứng sẽ phát triển thành ấu trùng. Qua 1 tuần lễ sau, ấu trùng lại lột xác trở thành trứng gây nhiễm bám vào rau xanh. Trứng này bị lợn ăn phải vào ruột non sẽ nở thành ấu trùng kỳ II. Ấu trùng kỳ II vào máu theo tuần hoàn về gan, sau 4 – 5 ngày ấu trùng di hành tới phổi sẽ lột xác thành ấu trùng kỳ III. Ấu trùng kỳ III từ mạch máu phổi chui vào khí quản, vào phế nang làm cho lợn bị ho. Ấu trùng chui lên hầu



Giun đũa ký sinh trong ruột lợn

rồi lại bị lợn nuốt xuống ruột non. Ở ruột non ấu trùng kỳ III lột xác một lần nữa thành giun trưởng thành. Hoàn thành vòng đời từ khi xâm nhập, phát triển thành giun trưởng thành hết 54 – 62 ngày. Tuổi thọ của giun đũa trong ruột lợn khoảng từ 7 – 10 tháng. Hết tuổi thọ giun theo phân ra ngoài.

3. Triệu chứng lâm sàng

Bệnh gây tác hại với lợn lớn không rõ. Với lợn choai từ 2 – 6 tháng tuổi có các triệu chứng sau: lợn chậm lớn, xù lông, gầy còm. Trong thời kỳ di hành của ấu trùng từ ruột lên phổi gây cho lợn viêm phổi và ho. Khi có nhiều giun dễ gây tắc ruột, tắc ống mật, thủng ruột.

Xét nghiệm phân sẽ tìm thấy trứng giun đũa trong phân (lợn nhỏ hơn 2 tháng tuổi không tìm thấy trứng trong phân).

4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Diệt căn bệnh trong cơ thể bằng cách định kỳ tẩy giun sán cho lợn, ủ phân diệt trứng giun, vệ sinh chuồng trại.

b. Trị bệnh

Có thể dùng các loại thuốc sau: Nimisol 1gr cho 5kg thể trọng; Tayzu 1gr cho 10kg trọng lượng trộn vào thức ăn. Tốt nhất nên cho lợn ăn vào buổi sáng. Ngoài ra, có thể dùng thêm các thuốc trị khác: piperazin, levamyzon...

PHẦN 4: MỘT SỐ BỆNH TRUYỀN NHIỄM THƯỜNG GẶP Ở GIA CẦM

BỆNH NIU CÁT XƠN GÀ (Newcastle)

1. Căn bệnh

Bệnh do một loài siêu vi trùng gây ra cho mọi lứa tuổi ở gà. Bệnh lây lan rất mạnh, khi bị bệnh tỷ lệ chết rất cao từ 90 – 100%.

2. Triệu chứng

Trong đàn xuất hiện những con gà ủ rũ, xoã cánh (khoác áo toi), gà mái ngẩn ngơ, gà trống tắt gáy, điều sừng to (do thức ăn tích lại không tiêu hoá được), gà khó thở thường kêu toóc toóc, da khô, chân lạnh, cầm chân dốc ngược có nước chảy ra trắng mồm. Gà đi ỉa chảy phân màu trắng hay xanh có lẫn nhớt.

Đặc biệt chú ý: gà chết ở mọi lứa tuổi, xác rất gầy, thịt tanh. Giai đoạn cuối ổ dịch trong đàn gà có nhiều con xuất hiện trạng thái thần kinh đi quay vòng, cổ quẹo, mổ không trúng thức ăn.



Gà bị Niu-cat-xơn: ỉa chảy, lông xù xơ xác, mắt lim dim nhắm nửa mở

3. Bệnh tích

Xác gầy, điều chứa đầy thức ăn.

Thể cấp tính: xuất huyết ở đường tiêu hoá (diều, dạ dày tuyến, ruột). Xuất huyết niêm mạc mắt.

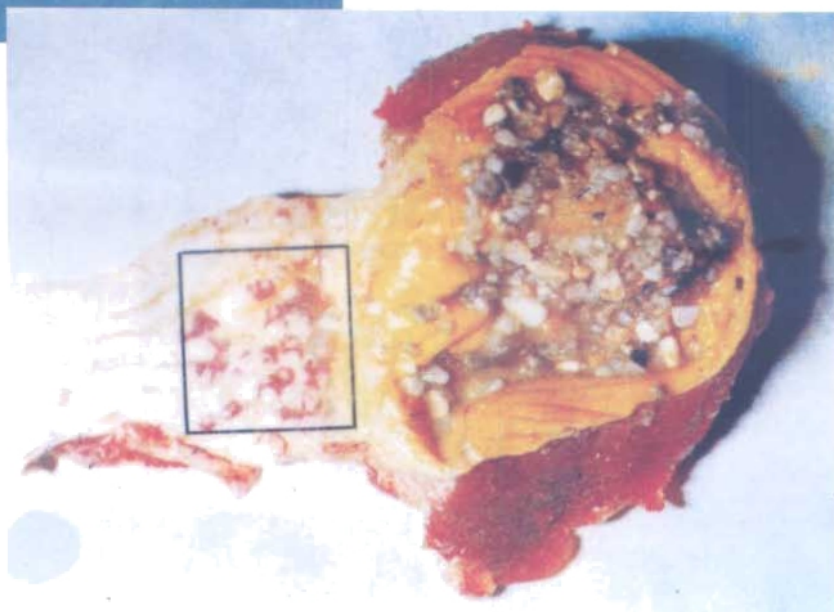
Bệnh kéo dài gây viêm giác mạc mắt, cuống phổi và khí quản. Dạ dày tuyến (cuống mề) xuất huyết vòng nhẫn, ruột bị viêm, xuất hiện những nốt loét có phủ bựa màu trắng vàng.



Gà bị Niu-cat-xơn: Triệu chứng thần kinh, đầu và cổ quẹo, thông xuống



*Dạ dày tuyến gà
bị Niu-cat-xơn:
Xuất huyết trên
niêm mạc*



4. Phòng trị

Với bệnh này không có cách chữa mà chỉ có phòng bệnh. Phương pháp phòng chủ yếu là dùng vắc xin.

Nhỏ mắt, mũi, miệng cho gà con dưới 2 tháng tuổi Vắc xin Lasota. Tiêm vắc xin Niu cat xơn (Newcastle) hệ 1 cho gà sau 2 tháng tuổi.

BỆNH GUMBORO

1. Căn bệnh

Bệnh Gumboro là bệnh truyền nhiễm cấp tính của gà do loài Binavirut gây ra, đặc điểm của bệnh là làm tê liệt hệ thống miễn dịch của gà. Bệnh lây lan cực nhanh, khi mắc bệnh tỷ lệ chết cao, có khi tới 50 – 60%.

2. Triệu chứng

Thể cấp tính: Tiêu chảy nhiều, phân trắng có lẫn nhầy. Gà mệt mỏi ủ rũ, uể oải, thường chống mỏ xuống đất, uống nước nhiều, tỷ lệ chết cao vào ngày thứ 3, thứ 4, sau đó bệnh thuyên giảm.

Thể suy giảm miễn dịch: Gà giảm sút về sức lực, còi cọc chậm lớn. Sự miễn cảm gia tăng với tất cả các bệnh do vi trùng, virus, ký sinh trùng...

3. Bệnh tích

Xuất huyết ở các cơ, đặc biệt là cơ đùi và cơ lườn, túi Fabricius sưng xuất huyết ở những ngày đầu, sau đó teo lại. Xuất huyết ở mảng giữa tiền mề và mề, thận sưng.

4. Phòng trị

Phòng bệnh bằng vệ sinh: Vệ sinh chuồng trại, chăm sóc, nuôi dưỡng tốt để nâng cao sức đề kháng của gà.

Phòng bệnh bằng vắc xin: Nhỏ vắc xin



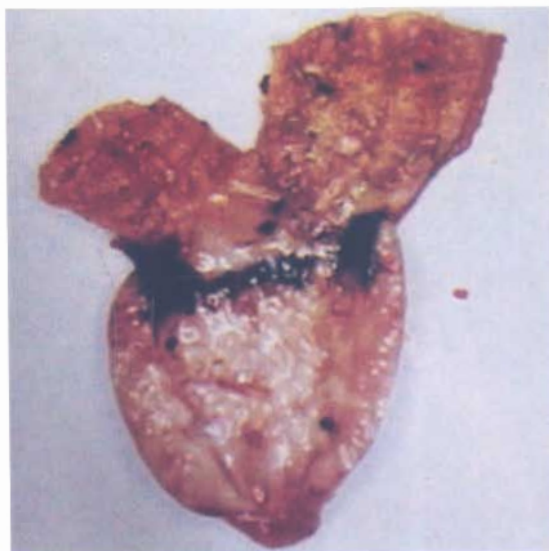
Đàn gà bị Gumboro: Nằm phủ phục, gục đầu



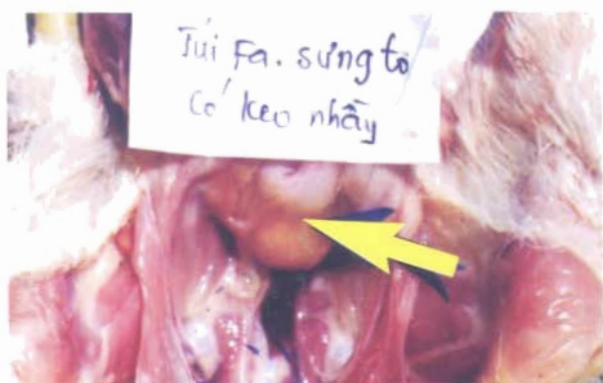
Đùi gà bị Gumboro: Xuất huyết cơ đùi rất nặng



*Túi Fabricius ở gà bị Gumboro:
Sưng to, dịch nhầy bao phủ*



*Dạ dày tuyến ở gà bị Gumboro:
Xuất huyết ở mảng giữa mề và
cuống mề*



*Túi Fabricius ở gà bị Gumboro:
Sưng to, dịch nhầy bao phủ*

Gumboro cho gà càng sớm càng tốt vào 1 ngày tuổi và lặp lại vào ngày thứ 14. Gà mái hậu bị nhỏ vắc xin trước khi đẻ 2 – 4 tuần để đạt mức độ bảo hộ cao nhất cho gà con.

5. Trị bệnh

Khi bị bệnh biện pháp duy nhất là làm tăng sức đề kháng cho gà bằng cách: Cho uống Antigum, điện giải, đường glucoza hoặc tiêm kháng thể Gumboro. Cần lưu ý không dùng kháng sinh khi điều trị bệnh gumboro, khi bệnh ghép với các bệnh khác phải ưu tiên điều trị bệnh gumboro trước sau đó mới điều trị bệnh ghép sau.

BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG GIA CẦM

1. Căn bệnh

Đây là một bệnh truyền nhiễm cấp tính của các loại gia cầm và thủy cầm do vi khuẩn *Pasterella*, bắt màu Gr(-) gây ra. Khi bị bệnh tỷ lệ chết cao.

2. Triệu chứng

Thể quá cấp: Gia cầm chết đột ngột, vừa ăn, đang đẻ... tự nhiên lăn ra chết.

Thể cấp tính: bỏ ăn, sốt cao, ỉa chảy phân màu nâu sẫm – màu kẹo sôcôla, mào yếm tím tái và phù thũng.

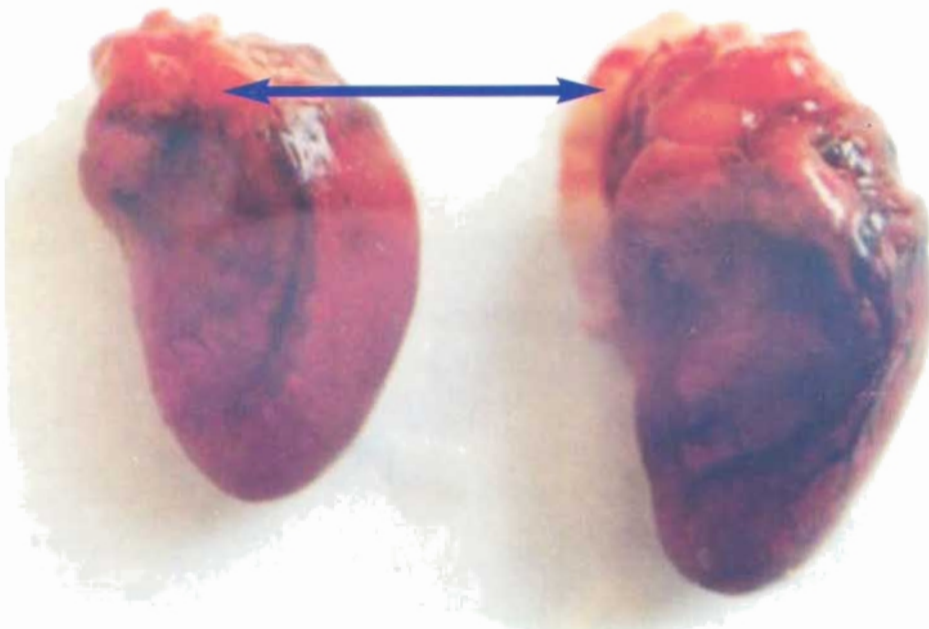
Thể mãn tính: viêm xoang, chảy nước mũi, suy nhược, rối loạn thần kinh, viêm các khớp đặc biệt là khớp đầu gối.

3. Bệnh tích

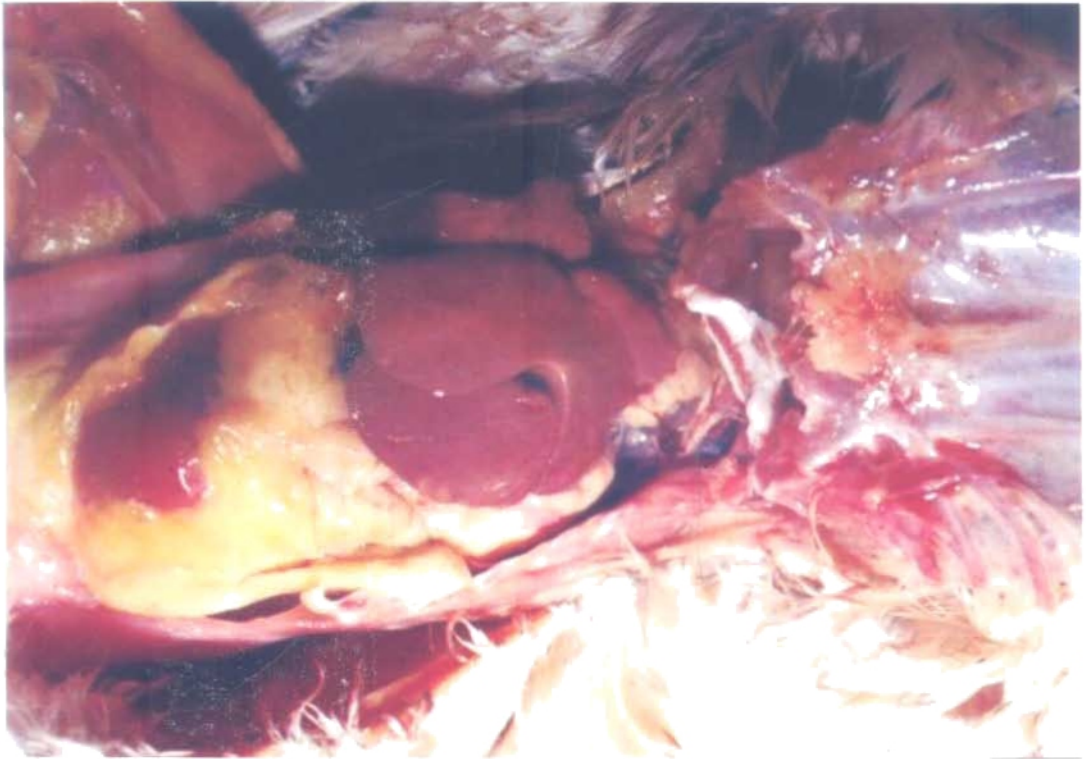
Xuất huyết các cơ quan, viêm bao tim, xoang bao tim tích nước vàng, viêm phúc mạc, viêm quanh gan, xuất hiện sợi huyết và lòng đỏ trứng trong xoang bụng, gan sưng to và có những ổ hoại tử.



Gà bị tụ huyết trùng: Mào, yếm sưng to và tụ máu



Tim gà bị tụ huyết trùng: Xuất huyết mỡ vành tim



*Gà chết do bệnh tụ huyết trùng:
Gan thoái hoá mỡ, bề mặt có điểm hoại tử trắng*

4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Phòng bệnh bằng vệ sinh, chăm sóc nuôi dưỡng.

Phòng bệnh bằng vắc xin: tiêm vắc xin tụ huyết trùng Neothyomix 0,3ml vào dưới da, 2 lần cách nhau 3 – 6 tuần, bắt đầu từ 2 tuần tuổi.

b. Trị bệnh

Streptomycin 1gr (1lọ) tiêm bắp đùi cho 10 kg gà ngày 1 lần, tiêm 2 – 3 ngày liền. Trộn thuốc toi gà hay thuốc toi thương hàn vào thức ăn, cho gà ăn liên tục 3 – 5 ngày.

BỆNH THƯƠNG HÀN GÀ

1. Căn bệnh

Bệnh thương hàn gà là một bệnh truyền nhiễm do loài vi khuẩn *Salmonella gallinarum* gây ra. Vi khuẩn bắt màu Gr(-). Bệnh phổ biến trên các đàn gà bố mẹ – gà đẻ trứng nuôi ở vùng dịch (bệnh thổ công). Bệnh làm sản lượng trứng giảm, giảm tỷ lệ ấp nở, tăng chi phí thức ăn cũng như thuốc thú y. Bệnh được truyền dọc và truyền ngang giống như *Salmonella Pullorum*.

2. Triệu chứng

Thể cấp tính của gà bị bệnh thương hàn thường xảy ra ở những đàn gà miễn cảm, có tiếp xúc với mầm bệnh. Tỷ lệ ốm tăng dần, tỷ lệ chết có thể lên tới 5 – 10% trong tuần đầu. Trong đàn gà phát hiện thấy những con gà ủ rũ, đi ỉa chảy phân xanh lẫn máu, gà lớn chậm, xác gầy. Với gà đẻ sẽ giảm sản lượng trứng, trứng nhạt màu, nhỏ và rất dễ vỡ do vỏ mỏng, sần sùi, không đều. Có khi còn đẻ trứng không vỏ...



Gà bị bệnh thương hàn: ỉa chảy, lông ườt, mào nhạt nhạt



Trứng gà bị bệnh thương hàn: Không có vỏ vôi, dị dạng



Trứng của gà mái bị thương hàn: Gà con yếu, không đập vỡ được vỏ trứng để chui ra

3. Bệnh tích

Bệnh tích chủ yếu ở buồng trứng, lúc đầu bị viêm, sau đó là teo rồi thoái hoá buồng trứng. Viêm ống dẫn trứng, viêm màng treo ruột. Gan, thận, lách sưng.

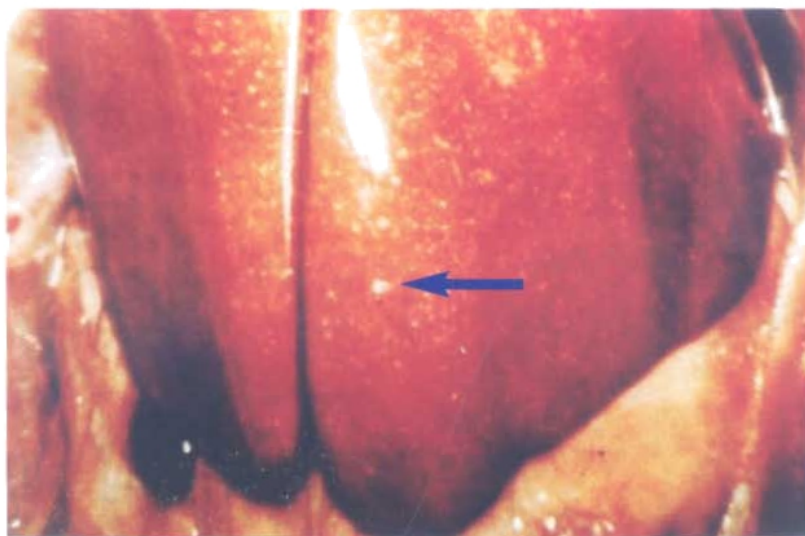
4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Đây là bệnh rất khó loại trừ được mầm bệnh. Khi phát hiện bệnh ở những đàn gà giống, nên loại thải những con mang trùng. Thường xuyên vệ sinh tiêu độc chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi.

b. Trị bệnh

Dùng kháng sinh Kanamycin 1ml/5kg thể trọng, tiêm bắp thịt cho gà; Imequyl 1gr/2lít nước, cho gà uống liên tục 3 – 5 ngày liền.



Gan gà bị thương hàn: Sưng to, bề mặt có điểm hoại tử trắng

BỆNH BẠCH LY GÀ CON

1. Căn bệnh

Bệnh do vi khuẩn *Salmonella. pullorum* gây ra. Bệnh xảy ra ở gà con, được truyền dọc từ mẹ sang con qua trứng. Bệnh cũng được truyền ngang do tiếp xúc giữa các con gà ốm, con khỏe ốm mang trùng và gián tiếp qua chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, ổ ấp... Mầm bệnh có thể sống trong đất một năm.

2. Triệu chứng

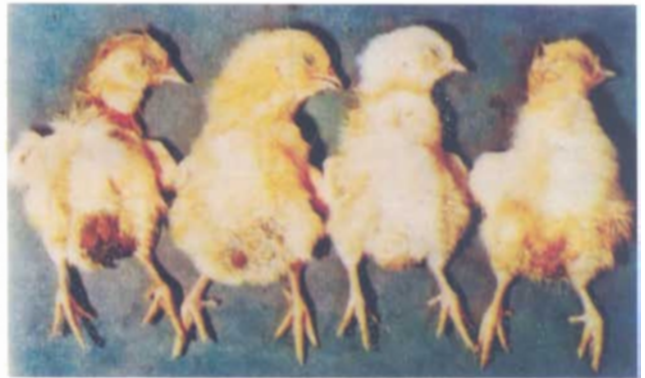
Gà con bị bệnh do lây truyền từ mẹ qua trứng. Tỷ lệ ốm ở đàn bị nhiễm thường trên 40%, tử vong bắt đầu từ khi mới nở đến 21 ngày tuổi. Gà ốm ủ rũ, kém ăn, nằm chật đống bên dưới bóng điện. Gà con rất yếu ớt, tiêu chảy ngay từ khi mới nở, phân trắng xanh, phân dính bết ở lông xung quanh hậu môn. Bụng to do lòng đỏ chưa được tiêu hết trong khi ấp. Gà khỏe mạnh cũng rất dễ bị lây nhiễm từ những gà bị bệnh mang trùng trong đàn sang. Từ 14 ngày tuổi trở lên gà ốm còi cọc, lông thưa, thường hay bị què do bị viêm khớp.



Gà con bị Bạch ly: ỉa phân bết vào đất

3. Bệnh tích

Trường hợp cấp tính, gan, lách sưng to. Gà con có túi noãn hoàng không tiêu, cứng, màu nâu, thường bị viêm rốn. Trường hợp mãn tính bị áp xe phủ tạng (tim, phổi, màng bụng), viêm ruột tịt mãn tính thể pho mát đặc trưng (bởi phân có màu ghi chứa trong ruột).



*Gà con chết do bị bạch ly:
Chết ngay trong ổ ấp, máy ấp*

4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Đây là bệnh rất khó loại trừ được mầm bệnh, khi phát hiện được bệnh ở những đàn gà giống nên loại thải những con mang trùng. Thường xuyên vệ sinh tiêu độc chuồng trại, các dụng cụ chăn nuôi.

b. Trị bệnh

Dùng kháng sinh: Neotesol, Imeqyl 1gr/2lít nước, cho gà uống liên tục 3 – 5 ngày.

BỆNH ĐẬU GÀ

1. Khái niệm

Là bệnh truyền nhiễm của loài gà do virus gây ra. Đặc điểm của bệnh là virus gây những mụn đậu trên da và tế bào thượng bì, gây viêm thể cata ở niêm mạc miệng, họng, mũi. Các loài động vật mắc: gà, chim bồ câu, vịt... Mỗi loài có một chủng gây bệnh riêng. Bệnh chủ yếu ở gà con, nhất là gà công nghiệp. Gà có thể chết do ngạt thở, do mù.

2. Nguyên nhân

Virus gây bệnh đậu gà thuộc họ Pox virus có kích thước rất nhỏ 180 – 300nm. Virus rất mẫn cảm với Ether và Chloroform. Virus đậu có sức đề kháng mạnh nhất khi chúng được làm khô, nhiệt độ thấp nó giữ được độc lực 1 năm. Virus hướng thượng bì, phát triển ở da và thượng bì. Chính ở đây virus đậu khu trú nhiều.

3. Triệu chứng

Gà bị bệnh ở 2 thể:

– Thể ngoài da: Gà mắc bệnh đậu, ở trên mào, mép nổi mụn sần sùi, có vẩy, đôi khi có cả ở trên thân và mi mắt.



Gà bị bệnh đậu: Nốt đậu đóng vẩy trên da, lưng và mào

– Thể kín (còn gọi là thể màng giả): Bệnh nặng, dễ gây bệnh kế phát, tỷ lệ chết cao. Gà bị bệnh, nốt đậu mọc ở phía trong niêm mạc đường hô hấp, miệng, niêm mạc mắt. Gà bị đau mắt, sổ mũi, trong miệng có màng giả. Tỷ lệ chết tùy thuộc thể bệnh và các vi khuẩn kế phát.



Gà bị bệnh đậu: Nốt đậu ở mào, khoé mắt

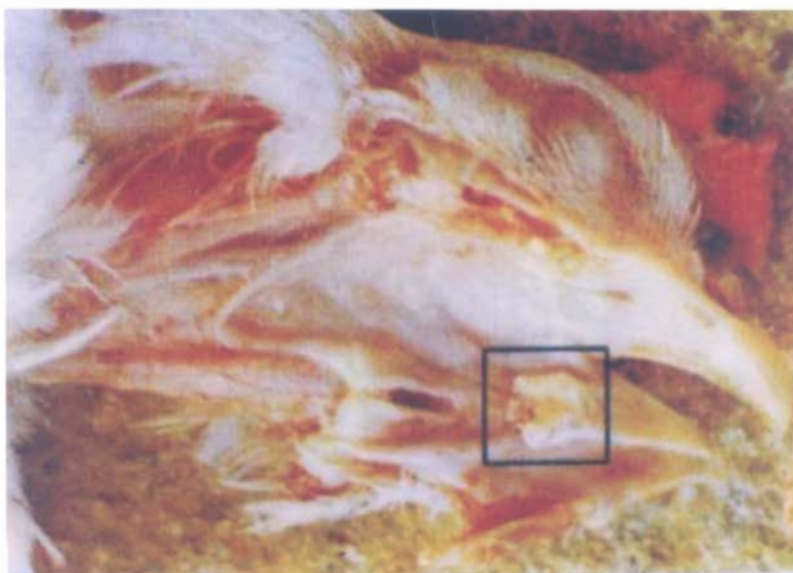
4. Phòng trị

a. Phòng bệnh

Phòng bệnh đậu cho gà vào lúc 5 – 7 ngày tuổi, chủng vắc xin đậu gà vào dưới da cánh, chỗ mỏng và ít mạch máu nhất.

b. Trị bệnh

Cho thêm các Vitamin vào thức ăn. Nếu gà bị bệnh ở thể kín trong đường hô hấp và tiêu hoá thì nên bổ sung các thuốc kháng sinh như Tetracyclin, để đề phòng bội nhiễm. Đối với những



Gà chết do bị đậu thể yết hầu: Màng giả giống bã đậu trên niêm mạc thực quản

mụn đậu đã vỡ ra, dùng các chất chua như chanh, quất hay dùng Xanh-metylen bôi vào vết thương bị loét trên da.

BỆNH DỊCH TẢ VỊT

1. Khái niệm bệnh

Là bệnh truyền nhiễm cấp tính của loài vịt, gây ra do loại virus thuộc họ Herpes. Vịt mọi lứa tuổi đều rất mẫn cảm, tỷ lệ chết cao. Đặc điểm của bệnh: gây viêm, xuất huyết ở da và các phủ tạng, vịt thường chết nhanh ở tình trạng bại huyết. Bệnh hay xảy ra nhất vào mùa gột vịt.

2. Căn bệnh

Virus dịch tả vịt thuộc nhóm Herpes. Virus có sức đề kháng kém, rất mẫn cảm với ether và chloroform, các chất diệt trùng và ánh sáng. Nước và các chất phù du có vai trò lớn trong việc truyền bệnh này. Trong tự nhiên, ngoài vịt, ngan, ngỗng cũng có thể bị.

3. Triệu chứng

Khi nhiễm bệnh, hiện tượng lây, lan rất nhanh. Vịt sốt, chảy nhiều nước mũi, mắt. Mũi, miệng luôn bị bầm, mắt kèm nhèm, sợ ánh sáng. Vịt không thích bơi, tách đàn, ít kêu. Hậu môn bắt phân, mầu xanh nát, lỏng. Đầu sưng to, do tổ chức liên kết dưới da bị phù thũng. Vịt gầy, chết rất nhanh sau khi bị liệt chân, giảm nhiệt độ. Vịt đẻ giảm hẳn tỷ lệ trứng. Vịt được gai giao cấu tòi ra, có những vết loét.



Đàn vịt bị dịch tả: ỉa chảy, liệt chân

4. Phòng trị

a. Trị bệnh

Bệnh không thể chữa được bằng các loại thuốc kháng sinh. Trường hợp đàn vịt mới chớm mắc vài con, để cứu đàn vịt chỉ còn cách tiêm vắc xin nhược độc cho toàn đàn với liều gấp 2 liều phòng. Nếu tiêm sớm có thể cứu được 90% vịt.

b. Phòng bệnh

Định kỳ tiêm vắc xin cho đàn vịt để năm 2 lần; vịt thịt lúc 1 tuần tuổi.



Thận, tim, dạ dày cơ xuất huyết ở vịt bị dịch tả

PHẦN 5: BỆNH CỦA TRÂU BÒ

I. MỘT SỐ BỆNH TRUYỀN NHIỄM THƯỜNG GẶP Ở TRÂU, BÒ

BỆNH NHIỆT THÁN

1. Khái niệm

Bệnh nhiệt thán hay còn gọi là bệnh than, là bệnh truyền nhiễm, thường ở thể cấp tính, chung cho nhiều loài gia súc và người, với đặc điểm sốt cao, tổ chức liên kết và phủ tạng thường bị thối máu tím sẫm, khó đông, lách sưng to và mềm nhũn như bùn.

2. Nguyên nhân gây bệnh

Là vi khuẩn Gr(+) có giác mô (vỏ bọc), hình thành nha bào khi ra khỏi cơ thể. Vi khuẩn có sức đề kháng cao với ngoại cảnh. Nó có thể sống tới 28 năm trong lòng đất.

3. Đường xâm nhập

Vi khuẩn xâm nhập chủ yếu qua đường tiêu hoá, gia súc ăn thức ăn và uống nước có chứa nha bào nhiệt thán sẽ mắc bệnh. Người mắc bệnh nhiệt thán chủ yếu do ăn thịt gia súc bị bệnh nhiệt thán. Ngoài ra, vi khuẩn còn có thể xâm nhập qua những vết thương sâu sát trên da.

4. Mùa phát bệnh

Bệnh có thể phát sinh quanh năm, nhưng thường phát sinh vào các tháng nóng ẩm, mưa nhiều (tháng 7, 8, 9). Lúc này các loại động vật như: giun đất, côn trùng hoạt động mạnh, là điều kiện làm cho nha bào nhiệt thán lan đi các nơi. Ở miền núi bệnh hay xảy ra vào mùa khô hanh, nước ở suối, ao tù bị cạn, tập trung nhiều nha bào nhiệt



*Trâu chết do bị bệnh nhiệt thán:
Bụng chướng to, lòi dom*



Người bị bệnh nhiệt thán: Mụn Nhiệt thán trên da đã bong vảy



Người bị bệnh nhiệt thán: Mụn Nhiệt thán trên da đã bong vảy

thán. Mùa khô cỏ hiếm nên trâu, bò thường phải gặm sát đất – dễ ăn phải nha bào hoặc uống nước ao tù, nước suối chứa nhiều nha bào, sẽ phát bệnh.

5. Triệu chứng

+ Ở trâu bò

a. Thể quá cấp tính

Bệnh tiến triển nhanh, con vật đột nhiên sốt cao ($41 - 42^{\circ}\text{C}$), đi run rẩy, thở gấp, bỏ ăn, hai má sưng, vã mồ hôi, các niêm mạc đỏ tím, đầu gục xuống, lưỡi thè ra, mắt đỏ ngầu. Sau đó con vật mất thăng bằng, quay cuồng lảo đảo, đứng không vững. Cuối cùng vật ngã quỵ, chết. Khi chết dạ cỏ lên men sinh hơi rất nhanh, ở miệng, hậu môn, âm hộ thường có máu tím hay đỏ sẫm chảy ra và máu không đông. Một số con biểu hiện triệu chứng thần kinh như nhảy xuống ao, húc đầu vào tường, đâm vào bụi rậm hoặc kêu rống lên. Tỷ lệ chết tới 100%.

b. Thể cấp tính

Trâu bò ủ rũ, lông dựng, tim đập nhanh, mắt lơ đãng, sốt cao, bỏ ăn, mắt

đỏ sẫm pha lẫn vết đen tím, con vật ỉa ra phân có lẫn máu, đái ra máu. Các lỗ tự nhiên như mũi, hậu môn, âm hộ thường có máu đỏ sẫm hoặc tím, hầu ngực, bụng sưng nóng và đau đớn. Tỷ lệ chết khoảng 80%.

+ Ở người

Người bị bệnh nhiệt thán là do tiếp xúc với trâu, bò bị bệnh khi giết mổ do da bị tổn thương. Cũng có thể do ăn thịt súc vật bị bệnh. Người bị bệnh sốt cao $40 - 42^{\circ}\text{C}$, chóng mặt buồn nôn khó thở, tức ngực, ho khan, ù tai, kiệt sức, bụng chướng to, đi tháo. Sau khi bị nhiễm do các vết thương hoặc xây xước chỗ da bị sưng đỏ lên, ngứa ngáy khó chịu. Sau đó chuyển thành mầu đỏ sẫm đau đớn

và rất ngứa. Xung quanh vết ban đỏ sẽ sưng phồng lên rồi loét dần ra, đỏ sẫm có đáy sâu màu tím. Người mắc bệnh nhiệt thán nếu không phát hiện và điều trị kịp thời tỷ lệ tử vong khá cao.

6. Bệnh tích

Sau khi chết bụng chướng to, lòi dom, lè lưỡi, các lỗ tự nhiên như mồm, mũi, hậu môn, âm hộ chảy dịch nhầy lẫn máu tím sẫm khó đông hoặc không đông, hạch hầu, hạch trước vai, hạch đùi sưng to tụ máu, dưới da có nhiều dịch vàng, thịt tím tái thâm máu, lách sưng to, tím sẫm và nát nhũn như bùn. Máu đen không đông.

7. Phòng trị

a. Điều trị

Dùng kháng huyết thanh chống bệnh nhiệt thán 100 – 200ml tiêm dưới da cho gia súc lớn, 50 – 100ml cho gia súc nhỏ.



Người bị bệnh nhiệt thán: Mụn nhiệt thán trên da tay đang đóng vẩy



Gia súc bị bệnh nhiệt thán phải đốt xác Mả nhiệt thán phải xây và có biển báo



*Người bị bệnh nhiệt thán:
Mụn nhiệt thán trên da đang đóng vảy*

Dùng penicillin 2 triệu đơn vị cho 100kg thể trọng tiêm bắp, ngày 2 lần, tiêm 5 ngày liền. Khi cần, có thể tiêm penicillin với liều gấp đôi liều này.

b. Phòng bệnh

Khi chưa có dịch, tiến hành tiêm vắc xin phòng bệnh nhiệt thán, mỗi năm 2 lần.

Khi phát hiện có dịch: Phải báo ngay cho chính quyền xã để kịp thời thông báo lên Ban thú y huyện, cần có biện pháp can thiệp kịp thời.

Cấm ngặt không được mổ thịt trâu bò chết khi nghi đó là bệnh nhiệt thán.

Tổ chức tiêm vắc xin nhiệt thán cho trâu, bò, ngựa ở trong địa phương có dịch và các địa phương xung quanh.

Súc vật chết phải chôn sâu trên 2m giữa 2 lớp vôi bột, nơi chôn phải cách xa bản, xóm (khu dân cư), nguồn nước. Mả nhiệt thán phải xây và rào kỹ và có biển báo. Không được chôn thả gia súc gần khu vực chôn gia súc chết vì nhiệt thán.

Tiến hành tẩy uế toàn bộ chuồng trại, phân rác nước tiểu bằng vôi bột hay phun thuốc sát trùng formon.

BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG

1. Khái niệm

Bệnh lở mồm long móng là bệnh truyền nhiễm cấp tính lây lan rất nhanh, rất rộng của nhiều loài thú nuôi, thú hoang, nhất là trâu, bò. Bệnh do virus gây ra. Đặc điểm của bệnh là hình thành các mụn nước ở niêm mạc mồm và da móng, gây tổn thất lớn về kinh tế, làm trở ngại tới sản xuất nông nghiệp vì thiếu sức kéo.

2. Nguyên nhân gây bệnh

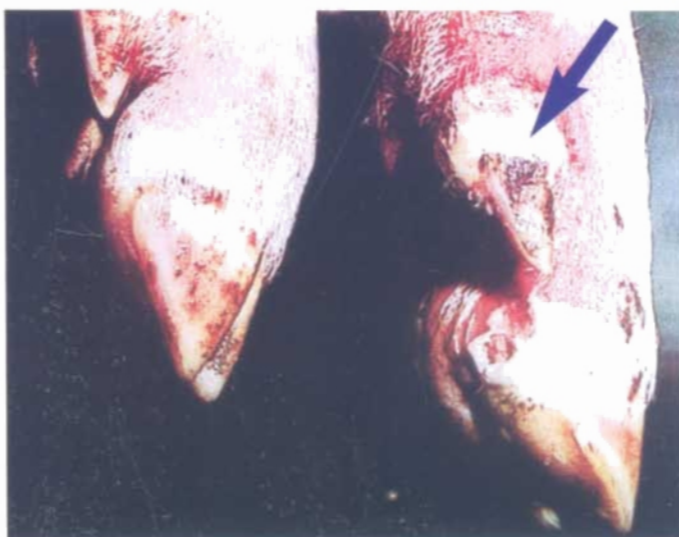
Do virus lở mồm long móng gây nên. Có nhiều típ và biến chủng. Chính vì thế mà trâu, bò đã mắc bệnh rồi, vẫn có thể mắc trở lại trong một thời gian ngắn. Virus xâm nhập vào cơ thể chủ yếu qua đường tiêu hoá, ngoài ra có thể qua các vết thương ngoài da, niêm mạc đường hô hấp. Bệnh lây lan rất nhanh do việc vận chuyển trâu bò bị bệnh. Bệnh thường xảy ra vào các tháng mưa phùn, ẩm ướt cuối xuân đầu mùa hè.

3. Triệu chứng

Con vật mệt mỏi, ủ rũ, lông dựng, sốt $41 - 42^{\circ}\text{C}$ kéo dài trong 2 – 3 ngày, sau đó xuất hiện các mụn nước ở niêm mạc mồm, chân và da chỗ móng, lưỡi dày lên, sưng to khó cử động, sau vài ngày mụn nước vỡ ra làm cho mồm bị loét. Trâu bò không ăn được, dịch viêm từ các mụn nước hoà với nước dãi liên tục chảy ra giống như bọt xà phòng. Trong mũi xuất hiện nhiều mụn nước, nước mũi chảy ra có mùi hôi thối. Ở chân, nhất là xung quanh vành



Trâu bị LMLM: Chảy nước bọt nhiều, trắng như bọt xà phòng



Lợn bị LMLM: Vết loét ở móng chân

móng, cũng xuất hiện rất nhiều mụn nước làm thành những vết loét. Nếu vệ sinh không tốt sẽ bị nhiễm trùng tạo thành những ổ loét, làm móng bị bong ra. Vú cũng xuất hiện nhiều mụn nước nhỏ, toàn bộ vú bị sưng, da vú tấy đỏ và rất đau. Gia súc đang nuôi con rất sợ cho con bú vì bị đau, lượng sữa bị cạn dần.

4. Phòng trị

a. Phương pháp điều trị

Tiêm kháng huyết thanh chống bệnh lở mồm long móng hoặc huyết thanh

của các con vật đã mắc bệnh khỏi, chữa cho súc vật đang bị bệnh. Liều dùng từ 120 – 150ml/ngày tùy theo trọng lượng, tiêm dưới da.

Dùng các chất chua như axit xitric 1%, axit axêtic 2%, thuốc tím 0,1% hay các quả chua như chanh, khế, quất sát vào các mụn loét trong miệng. Với các vết loét ở móng chân dùng nước muối 2 – 3% rửa sạch, sau đó dùng một trong 2 dung dịch sau:

Nước lá ổi sắc đặc 500ml, nghệ già nhỏ 100gr bôi vào vết loét sau cùng dùng bột sulfanilamid 150gr bôi vào.

Bột than xoan 50gr tỏi 10gr, nghệ 50gr, lá đào 50gr, dã nhỏ trộn với dầu lạc 200ml, bôi vào vết loét hàng ngày. Ngoài ra có thể dùng các dung dịch sát trùng khác như xanh metylen, formon 1%, cồn iod 5% bôi vào các vết loét.



Trâu bị LMLM: Vết mụn lồm, đỏ trên niêm mạc lợi trên



Trâu bị LMLM: Vết loét ở miệng

b. Phòng bệnh

Khi chưa có dịch:

Tiêm vắc xin đa giá chống bệnh lở mồm long móng 2lần/năm. Mỗi lần 2 mũi, mỗi mũi 2ml cách nhau 10 ngày.

Khi có dịch:

Khi có dịch, thú y cơ sở phải báo ngay với chính quyền địa phương để có biện pháp chống dịch kịp thời.

Tổ chức tiêm kháng huyết thanh chống bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò trong ổ dịch, tiêm vắc xin cho trâu bò xung quanh ổ dịch.

Phát hiện trâu, bò ốm cách ly triệt để và điều trị kịp thời tránh lây lan cho trâu, bò khỏe. Súc vật chết vì bệnh lở mồm long móng phải đem chôn, rắc vôi bột sát trùng và lấp đất kỹ.

Cấm vận chuyển, xuất nhập và mổ thịt gia súc khi đang có dịch.

Tiến hành tổng vệ sinh tẩy uế chuồng, trại và môi trường xung quanh, phân rác, nước tiểu các chất bài xuất của gia súc bệnh phải đốt, quét vôi toàn bộ chuồng trại.

Chú ý:

- Bệnh cũng lây lan cho lợn, gây nhiều thiệt hại về kinh tế.
- Bệnh lây lan cả sang người, gây các mụn dưới da.



Vết mụn đỏ trên bề mặt lưỡi bò bị LMLM



Chân lợn bị LMLM: Vành móng, kẽ móng loét, móng long

BỆNH UNG KHÍ THÁN

1. Khái niệm

Bệnh ung khí thán là một bệnh truyền nhiễm cấp tính của trâu, bò do vi khuẩn gây ra. Đặc điểm của bệnh là làm sưng các bắp thịt, xuất hiện các ung trong cơ bắp của trâu, bò.

2. Nguyên nhân

Do vi khuẩn Gr(+) gây lên. Vi khuẩn có nha bào, giác mô. Vi khuẩn sống trong điều kiện yếm khí. Bệnh có thể xảy ra quanh năm, song thường tập trung vào những tháng nóng ẩm, mưa nhiều. Nước mưa làm cho nha bào từ trong đất trôi ra ngoài, dính vào rơm cỏ, trâu bò ăn uống phải nha bào, sẽ mắc bệnh.

3. Triệu chứng

Có hai thể

a. Thể quá cấp tính

Bệnh tiến triển nhanh trong vòng 3 – 6 giờ, vật chết đột ngột, con vật đang ăn cỏ, đang làm việc đột nhiên ngã quỵ và chết trong một vài giờ. Một số trâu, bò thấy xuất hiện các ung trên đùi, bụng và nhiều vị trí khác, ung sưng rất nhanh.



Bò bị khí thũng dưới da cổ phồng to lên (chỗ mũi tên)



Xác bò bị chướng phồng do khí thũng

b. Thể cấp tính:

Bệnh thường tiến triển từ 2 – 3 ngày có khi kéo dài 1 tuần. Con vật sốt 39 – 39,5°C, ủ rũ, mệt mỏi song vẫn đi lại. Các ung xuất hiện trên mình con vật nhất là ở các bắp thịt mông, vai, đùi và bụng. Chỗ sưng không cố định, có thể di chuyển từ mông vai xuống đùi, bụng, ức, bẹn và chân. Lúc đầu khối u nóng, đau, sau đó to dần lên, da căng lùm bùm, ấn tay vào khối u có tiếng kêu lạo sạo. Khi khối u vỡ toác ra trông giống như quả dưa bở, dịch chảy ra ngoài, tế bào thượng bì bị tróc từng mảng. Da nơi ung nhọt bị nhăn nheo có màu thâm tím. Khi có ung ở đùi và chân, con vật đi lại khó khăn, ung ở lưỡi con vật thè lưỡi ra ngoài, khó thở. Con vật có thể bị chết do nhiệt độ hạ.

4. Bệnh tích

Xác chết chậm thối, mổ ra thấy mùi bơ ôi, khắp cơ thể chỗ bắp thịt có ung với kích cỡ khác nhau màu thâm tím, đen xám hay nâu xám, trong có chứa các chất keo nhầy giống như thịt đông, cắt vào sâu thấy sùi bọt khí. Day tay lên da nơi có khối ung, nghe có tiếng kêu lạo sạo. Ngoài ra còn có thể phát hiện được các ung ở trong nội tạng.

5. Phòng trị

a. Điều trị bệnh

Dùng kháng huyết thanh chống bệnh ung khí thán 150 – 200ml tiêm tĩnh mạch tiêm làm 3 lần, mỗi lần cách nhau 12 giờ.

Tiêm bắp thịt Penicillin 2 triệu đơn vị cho 100kg trọng lượng, tiêm ngày 2 lần, tiêm 3 – 5 ngày liền.

b. Phòng bệnh

Dùng vắc xin phòng bệnh ung khí thán tiêm phòng cho trâu, bò, liều tiêm 5ml/ con trâu, bò và 2ml cho bê, nghé. Tiêm dưới da, một năm tiêm một lần.

Khi phát hiện có trâu, bò chết vì bệnh ung khí thán không được mổ thịt, phải chôn sâu, có rắc vôi bột. Đồng thời báo cáo với chính quyền địa phương để có biện pháp chống dịch. Cách ly triệt để và điều trị kịp thời gia súc bệnh, không vận chuyển, mua, bán, mổ thịt gia súc trong vùng có dịch.

Thực hiện tổng vệ sinh tẩy uế chuồng trại giống như bệnh nhiệt thán.

BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG TRÂU BÒ

1. Khái niệm

Bệnh tụ huyết trùng trâu bò là bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn gây ra với đặc điểm tụ huyết và xuất huyết ở những vùng đặc biệt trên cơ thể.

2. Nguyên nhân gây bệnh

Do vi khuẩn *Pasteurella*, bắt mầu Gr(-) gây ra. Vi khuẩn có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong đất ẩm thiếu ánh sáng, trong giếng nước bẩn có chứa nhiều chất hữu cơ. Trong nền chuồng trại, vi khuẩn có thể sống được từ vài tháng đến 1 năm. Bệnh thường xảy ra quanh năm ở các vùng nóng ẩm, nhưng thường tập trung vào mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 9.



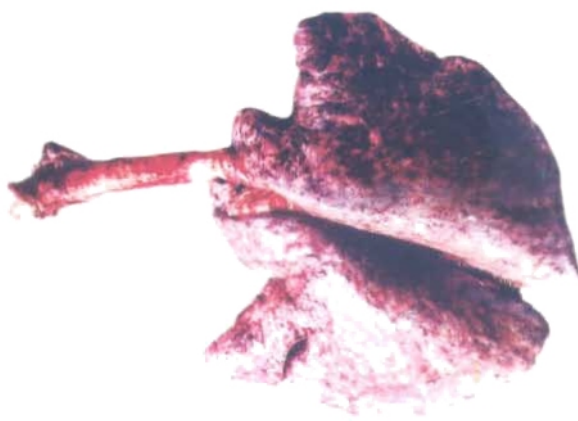
Trâu khoẻ mạnh



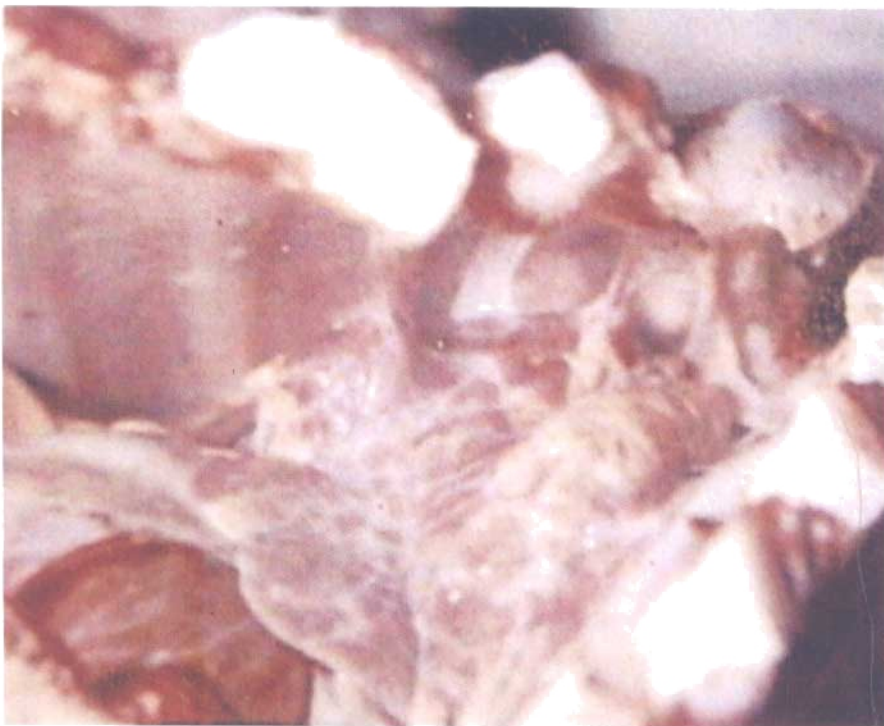
Trâu bị tụ huyết trùng: Khó thở, chảy nhiều nước giãi trắng



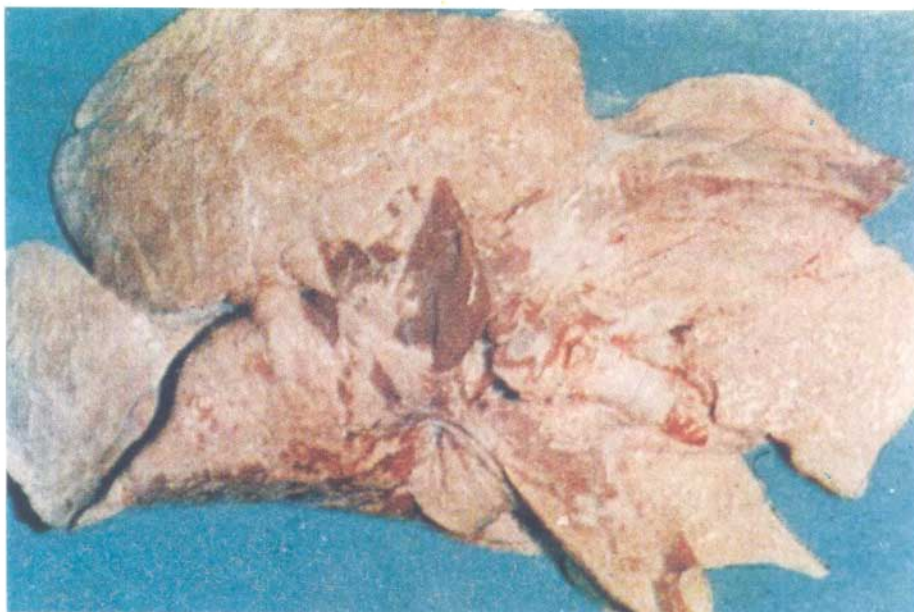
Bò khoẻ mạnh



Phổi trâu bị tụ huyết trùng: Tụ máu, viêm gan hoá cả một đám lớn



*Phổi bò bị tụ huyết
trùng:
Màng phổi dày lên*



*Phổi trâu bị tụ
huyết trùng cấp:
Viêm gan hoá cả
thủy phổi*

3. Triệu chứng

Thời gian nung bệnh từ 1 – 3 ngày, con vật mệt mỏi búт dứt, sốt cao 41 – 42⁰C. Các niêm mạc mắt mũi đỏ sẫm rồi tái xám, nước mắt nước mũi chảy liên tục. Hạch hầu sưng to làm cho con vật thè lưỡi ra, thường gọi là trâu bò 2 lưỡi. Hạch lâm ba trước vai sưng, thủy thũng, làm cho con vật đi lại khó khăn. Vật thở mạnh do viêm phổi, tràn dịch màng phổi. Lúc đầu vật đi táo bón, sau đó đi

ỉa chảy dữ dội, phân lẫn máu và niêm mạc ruột. Bụng chướng to, có chứa nhiều dịch trong phúc mạc. Lúc gần chết con vật nằm liệt, đái ra máu, thở rất khó khăn, có nhiều chấm xuất huyết ở các niêm mạc.

4. Bệnh tích

Tụ huyết và xuất huyết ở niêm mạc mắt, mồm, mũi và tổ chức dưới da. Thịt màu tím hồng thấm nhiều nước.

Hệ thống hạch lâm ba sưng to, thuỷ thũng và xuất huyết, rõ nhất là hạch hầu, hạch vai và hạch trước đùi.

Tim sưng to, trong xoang bao tim, màng phổi, xoang ngực và xoang bụng tích nhiều nước vàng. Phổi viêm, gan hoá từng đám.

5. Phòng trị

a. Điều trị

Dùng kháng huyết thanh chống bệnh tụ huyết trùng trâu bò, tiêm dưới da, trâu bò 60 – 100ml; bê nghé 20 – 40ml.

Tiêm Streptomycin 2gr cho 100kg thể trọng, tiêm ngày 2 lần, tiêm liên trong 4 đến 5 ngày, ngoài ra cần trợ sức trợ lực cho con vật.

b. Phòng bệnh

Tiêm vắc xin phòng bệnh tụ huyết trùng trâu bò 2 lần một năm.

Khi đã có dịch xảy ra phải báo cáo ngay cho chính quyền địa phương để có biện pháp dập dịch. Súc vật chết không được mổ thịt mà phải đem chôn cùng với vôi bột. Toàn bộ chuồng trại và môi trường xung quanh phải tẩy uế đốt rác bẩn, Khi ủ phân phải chôn vôi bột để diệt mầm bệnh.

II. MỘT SỐ BỆNH NỘI, NGOẠI KHOA THƯỜNG GẶP Ở TRÂU BÒ

A. BỆNH NỘI KHOA

BỆNH CHƯỞNG HƠI DẠ CỎ

1. Khái niệm

Chướng hơi dạ cỏ là một bệnh hay gặp ở trâu bò, với đặc điểm nhiều hơi tích đọng trong dạ cỏ, vượt quá khả năng ợ hơi của con vật, dễ dẫn đến ngạt thở và chết rất nhanh.

2. Nguyên nhân

Do trâu bò ăn phải những thức ăn dễ lên men, sinh hơi. Đặc biệt về mùa xuân chúng ăn nhiều cỏ xanh, cỏ non có chứa nhiều nước, chất nhầy; Những thức ăn có chứa nhiều glucit như bã mía, cặn đường, thân cây ngô, ngọn mía; Thức ăn có nhiều chất nhầy như dây khoai lang; Thức ăn có nhiều protit thực vật như bã đậu; Thức ăn mất phẩm chất bị mốc, lúa ngập nước, cỏ ủ; ăn phải cây có độc như lá sắn, lá xoan, măng tre hoặc các dạng thức ăn có chứa muối nitrit bên trong như cây bắp cải trắng, lá lim.

Do chần thả, lao động vào lúc giá rét, có nhiều sương muối.

Do kế phát từ cảm nắng, bị què, bại liệt, ốm lâu ngày con vật không đi lại, nằm lì một chỗ.

Kế phát từ bệnh liệt dạ cỏ, dạ cỏ bội thực, tắc thực quản, viêm họng làm con vật không ợ được hơi, viêm màng bụng.



Bò bị bệnh chướng hơi dạ cỏ: Hồng bên trái phồng căng, to

3. Triệu chứng

Thành bụng phía bên trái phát triển rất nhanh từng phút, từng giờ với các biểu hiện của triệu chứng điển hình sau:

Gia súc có biểu hiện đau đớn, không yên tĩnh, đi lại khó khăn, hai chân trước dạng ra để thở.



Bò chướng hơi nhẹ: Hõm hông trái hơi căng to



Trâu chướng hơi nhẹ: Hõm hông trái hơi căng

Sờ, nắn vùng dạ cỏ thấy bụng căng tròn như chiếc trống cái. Hõm hông trái căng to, cao hơn cả cột sống. Gõ có âm trống, vùng hơi lan rộng lên phía trước sườn 2 – 3 và toả xuống phía dưới. Nghe vùng dạ cỏ, lúc đầu nhu động dạ cỏ tăng, sau giảm rồi mất hẳn, chỉ còn nghe được tiếng nổ lép bép của bọt khí. Nghe vùng ruột, thấy nhu động ruột giảm, làm gia súc táo bón. Vật bỏ ăn, bỏ nhai lại, không ợ hơi, vật thở khó, niêm mạc mắt, mũi, hậu môn xung huyết, sau đỏ tím tái. Tim đập nhanh, tĩnh mạch cổ phình to. Vật bí đái, lòi dom, máu chảy ra ở hậu môn.

4. Điều trị

Hộ lý: Cho vật nhin ăn 1 – 2 ngày, sau đó cho ăn rơm, cỏ khô, không cho ăn thức ăn xanh.

Tìm mọi cách làm thoát hơi trong dạ cỏ.

Dắt gia súc lên dốc.

Thò tay kéo lưỡi nhíp nhàn để kích thích sự ợ hơi, thổi và xát bột bồ kết vào cuống lưỡi để kích thích sự ợ hơi.

Thải trừ các chất chứa trong dạ cỏ bằng các thuốc tẩy.

Uống 300 – 500g $MgSO_4$ hay Na_2SO_4 , hoà trong 2 lít nước.

Moi phân ở trực tràng, kích thích nhu động dạ cỏ.

Chú ý: Khi gia súc bị chướng hơi cấp không được dùng Pilocarpin vì sẽ làm vỡ dạ cỏ hay làm gia súc tăng tiết nước bọt, con vật sẽ bị sặc.

Dùng các thuốc ức chế sự lên men sinh hơi: Ichthyol 20 – 25 g/con; Formol 10 – 15 ml và NH_4OH 15ml/con; rượu cần tỏi (50gram tỏi bóc vỏ giã nát hoà trong 300ml rượu/con); cho uống nước lá thị sắc 500 – 1000ml; nước dưa chua 500ml...

Trợ sức, trợ lực cho vật bằng Cafein hay Glucoza.

Tất cả các biện pháp trên không được ta phải chọc troca hoặc dùng kim tiêm dạ cỏ để tháo hơi trong dạ cỏ ra ngoài.

Chú ý: Cho hơi ra từ từ tránh gia súc bị sốc, chết do tụt máu não.

BỆNH LIỆT DẠ CỎ

1. Khái niệm

Liệt dạ cỏ là bệnh làm làm cho cơ trơn dạ cỏ không co bóp, thức ăn đình trệ lâu ngày trong dạ cỏ, làm cho gia súc bị viêm ruột kế phát hay bị nhiễm độc.

2. Nguyên nhân

Do điều kiện ngoại cảnh: thay đổi về thời tiết, khẩu phần ăn, khai thác gia súc quá sức. Với bò sữa thường do thiếu vận động và ăn quá nhiều thức ăn tinh.

Do kế phát từ các quá trình bệnh lý làm giảm nhu động: sốt cao, cảm nắng, cảm nóng, viêm màng bụng...

3. Triệu chứng

Con vật giảm hay bỏ ăn; giảm nhai lại, không ợ hơi, khát nước, miệng hôi, khô, có bọt lưỡi, vùng dạ cỏ mềm. Nếu không kế phát chướng hơi, thể tích dạ cỏ không tăng. Bệnh kéo dài, hõm hông bên trái lõm sâu, thông xuống phía dưới (xệ xuống). Kiểm tra dạ cỏ qua trực tràng, thấy thức ăn trong đó như ở dạng cháo đặc. Dạ cỏ mất khả năng co bóp khi bị kích thích, nghe không nghe thấy nhu động, gia súc bị táo bón, bí ỉa. Nếu bệnh kéo dài, con vật sốt cao do bị viêm ruột cấp. Có thể bị đi ỉa ra máu.

4. Điều trị

Bệnh kéo dài quá 10 – 15 ngày, tiên lượng sẽ rất xấu, khó điều trị.

Hộ lý tăng cường vận động, giảm thức ăn tinh, tăng thức ăn thô, xanh, cho uống nước không hạn chế.

Xoa bóp, kích thích nhu động dạ cỏ bằng các tinh dầu thực vật, ngày 2 – 3 lần, mỗi lần 10 – 15 phút hay có thể dùng các thuốc: pilocarpin 0,2 – 0,3g/con, tiêm dưới da; strychnin sulphat 0,05 – 0,1g/con.

Thải trừ các chất chứa.

Uống thuốc tẩy $MgSO_4$, Na_2SO_4 , thụt rửa dạ cỏ bằng dung dịch Natri bicarbonat 1%.

Ức chế sự lên men của vi sinh vật dạ cỏ, giống như trong bệnh chướng hơi dạ cỏ.

Dùng các thuốc làm giảm sự toan huyết: Tiêm tĩnh mạch dung dịch $NaHCO_3$ 3%, liều lượng 200 – 300ml/con, glucoza ưu trương 20 – 40% liều lượng 300 – 500 ml/con.

Dùng các thuốc trợ tim, trợ sức Vitamin B₁. Cafein.

BỆNH VIÊM RUỘT THỂ CA TA CẤP TÍNH

1. Khái niệm

Là bệnh làm rối loạn nhu động và khả năng tiết dịch của ruột. Bệnh chỉ gây ra thể viêm nhẹ trên bề mặt niêm mạc ruột, làm cho thức ăn không tiêu hoá hết, nhu động ruột tăng, gây tiêu chảy.

2. Nguyên nhân

Do thức ăn: thay đổi thức ăn một cách đột ngột. Chế độ cho ăn không đúng qui trình, thay đổi giờ và người chăn nuôi...

Do ăn phải thức ăn thiu, thối, thức ăn nhiễm độc hoặc ăn quá nhiều muối.

Do bị cảm hàn: nước mưa, gió lùa làm cho vật bị nhiễm lạnh đau bụng, đi ỉa.

Do thiếu vitamin, nhất là gia súc non: Vitamin A, B, D, E. C dẫn đến táo bón quá mức, gặp nhiều ở gia súc cày kéo bị khai thác quá sức.

Do kế phát từ các bệnh truyền nhiễm ở thời kỳ đầu như phó thương hàn, tụ huyết trùng, dịch tả, lao.

Do các bệnh ký sinh trùng như giun, sán, cầu trùng.

3. Triệu chứng

Con vật thường sốt nhẹ, giảm ăn, giảm nhai lại, bị đau bụng, đau quặn từng cơn. Sôi bụng, khi nghe, thấy âm róc rách như nước chảy ở ruột non. Gia súc bị tiêu chảy nhanh, phân loãng có nhiều nước lẫn các mảnh thức ăn chưa tiêu hoá, bọt khí dịch nhầy. Phân dính bết vào kheo, đuôi.

Nếu viêm ở tiểu tràng, kết tràng và trực tràng, vật thường xuyên nặn ỉa, có hiện tượng đi kiết, trong phân có dịch nhầy, máu tươi.

4. Điều trị

Hộ lý: Bắt vật nhịn ăn từ 2 – 3 ngày, tiêm trợ sức bằng glucoza vào tĩnh mạch. Mùa đông chú ý phòng lạnh.

Dùng các thuốc kháng khuẩn đường ruột: Trâu, bò dùng Sulphaguanidin 160viên/con/ngày, chia 2 lần.

Canh trùng Subtilis uống 0,5 lít/con/ngày. Uống 3 ngày liền. Dùng thuốc làm se niêm mạc: uống các lá cây hay quả có chất chát như hồng xiêm, búp ổi....

BỆNH VIÊM DẠ DÀY, RUỘT CẤP TÍNH

1. Khái niệm

Bệnh hay xảy ra với đàn gia súc ở nước ta vào mùa Đông Xuân. Bệnh có tính chất khu vực với biểu hiện đi ngoài ra máu.

2. Nguyên nhân

Do thức ăn kém, mất phẩm chất, nước uống bẩn, chế độ chăm sóc, sử dụng, quản lý đàn gia súc kém, gia súc bị suy dinh dưỡng, sức đề kháng kém làm cho gia súc bị bệnh.

Do tác động của các chất độc kích thích vào vách ruột: As, Hg, CCl_4 , Pb, NaCl, thuốc trừ sâu, chloralhydrat...

Do kế phát từ các bệnh truyền nhiễm: Nhiệt thán, dịch tả, phó thương hàn, tụ huyết trùng thể đường ruột.

Do kế phát từ các bệnh ký sinh trùng đường máu: Lê dạng trùng, biên trùng, tiên mao trùng.

Do kế phát từ các bệnh nội khoa: Viêm gan, gan thoái hoá mỡ.

Do bội nhiễm các vi khuẩn có hại ở đường tiêu hoá khi sức đề kháng bị giảm.

3. Triệu chứng

Con vật sốt cao $40 - 41^{\circ}\text{C}$, bỏ ăn, mệt mỏi, kém nhai lại, miệng có mùi hôi, nhiều nước bọt loãng. Gia súc nhỏ hay bị nôn, ruột non và dạ múi khế tăng nhu động.

Trạng thái phân: khi sốt đi táo, sau đi lỏng, phân đen mầu bùn lẫn nhiều nước, ỉa vọt cần câu, trong phân có lẫn máu phân mầu cà phê, có màng giả (ở trâu, bò thể màng giả mầu trắng dài hàng mét). Gia súc đi ỉa 20 – 30 lần/ngày. Phân tanh, khắm, mùi khó chịu. Loét ở niêm mạc miệng. Sau đó nhiệt độ giảm dần từ $39,5^{\circ}\text{C}$ xuống 39°C rồi xuống tới 37°C . Con vật bị lạnh ở 4 chi và cuống tai, mắt hõm sâu, lông xù, gầy sút rất nhanh, cuối cùng con vật nằm xuống không đứng dậy được, liệt dạ cỏ.

Nước tiểu: Con vật bí đái, nước tiểu đục có lẫn protein, bilirubin. Khi nhiệt độ giảm đến 35°C gia súc chết.

4. Điều trị

Hộ lý: Giữ ấm cho con vật, bắt nhin ăn 2 – 3 ngày, chỉ cho uống nước và

điện giải, glucoza.

Thải trừ chất chứa trong đường tiêu hoá, thụt rửa ruột.

Dùng các thuốc kháng sinh: Biomycin, Streptomycin; Neomycin, Ampicilin...

Dùng thuốc sát trùng: Thuốc tím 0,1% uống ngày 2 lít chia 2 lần

Formol 10 –15ml con. Uống thêm chất chát như nước sắc búp chè, lá ổi, quả hồng xiêm xanh, chuối xanh...

Ichthyol 20 – 25g/con pha vào nước cho uống.

Chú ý: Chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời bệnh mới có hiệu quả cao.

B. BỆNH NGOẠI KHOA

BỆNH VIÊM KẾT MẠC MẮT

1. Nguyên nhân

Do những kích thích về cơ giới như: bị đánh trúng mắt, bị vật lạ rơi vào. Do các hoá chất độc hoặc do kể phát các bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng (dịch tả, phó thương hàn, tiên mao trùng...), những tổ chức gần mắt bị bệnh cũng có thể làm viêm lan đến mắt.

2. Triệu chứng

Bệnh ở thể cấp: Sưng to cả 2 mí mắt, kết mạc mắt bị xung huyết mầu đỏ thẫm. Vật sợ ánh sáng, mắt nhắm nghiền. Nước mắt chảy ra lúc đầu trong, sau đục rồi đặc như mủ.

Bệnh ở thể mãn: Mí mắt ít sưng hơn, nước mắt chảy nhiều, thường xuyên có dử mắt. Mắt bị ngứa, vật hay dùng móng chân sau để dụi vào mắt bị viêm gây tổn thương mí mắt. Sau đó do tổ chức liên kết tăng sinh, làm cho 2 mí mắt bị lộn ra ngoài mầu đỏ giống như tổ chức thịt non bệnh lý.

3. Điều trị

Trường hợp cấp tính:

Giai đoạn đầu chườm lạnh. Dùng a xít boric 3% hay nước muối sinh lý để rửa mắt. Sau đó dùng đơn thuốc sau:

Penicillin 1 triệu UI (2lọ)/100kg thể trọng, nước cất 10ml, hoà tan, tiêm bắp ngày 2 lần, tiêm liên tục trong 3 ngày liền. Có thể dùng Novacain pha với Penicillin phong bế vào hố thái dương hay tiêm trực tiếp vào hốc mắt. Nhỏ mắt bằng Chloramphenicol 0,4%.

Trường hợp bệnh ở thể mãn

Kết mạc mắt đã tăng sinh. Dùng a xít boric 3% rửa sạch mắt, gây tê bằng novocain 1% ở hố thái dương, gây tê thấm ở dưới da mí mắt. Cắt bỏ toàn bộ tổ chức mí mắt tăng sinh, dùng gạc vô trùng ép chặt để cầm máu. Hàng ngày tiêm Penicillin vào bắp thịt. Sau 2 ngày kiểm tra nếu còn tổ chức tăng sinh, tiếp tục cắt kỳ hết mới thôi.

C. BỆNH KÝ SINH TRÙNG

BỆNH SÁN LÁ GAN Ở LOÀI NHAI LẠI

1. Căn bệnh

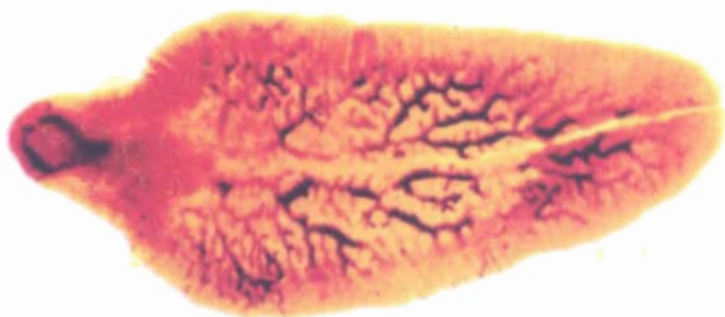
Bệnh do sán lá gây ra. Những sán này thường ký sinh ở ống dẫn mật, đôi khi thấy cả ở phổi, tim của trâu, bò, dê, cừu. Thậm chí thấy cả ở người. Bệnh thường gây viêm gan ở thể cấp hay mãn tính, làm xơ gan, viêm, tắc ống dẫn mật, dẫn đến rối loạn toàn thân, làm gia súc bị suy dinh dưỡng gầy còm.

2. Vòng đời

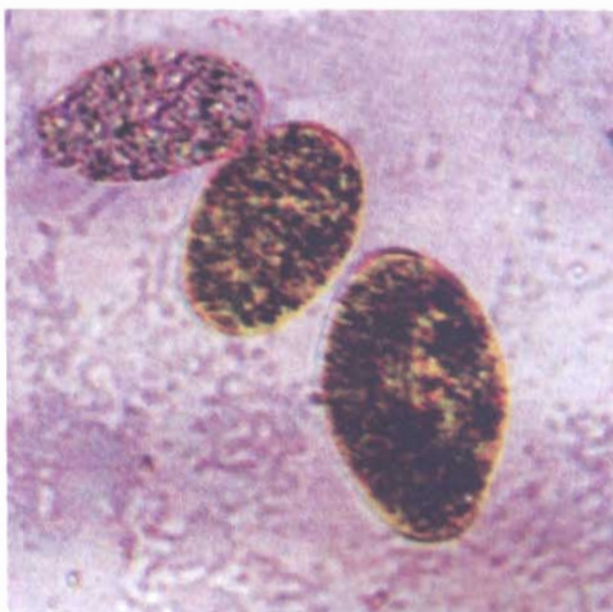
Sán trưởng thành ký sinh trong ống dẫn mật của loài nhai lại. Sau khi thụ tinh, mỗi con đẻ hàng chục vạn trứng. Trứng theo ống dẫn mật về ruột, rồi theo phân ra ngoài. Nếu gặp điều kiện thuận lợi (nhiệt độ từ 15 – 30°C, pH từ 5 – 7,5, nước và ánh sáng... thích hợp), sau 10 – 25 ngày, trứng phát triển thành ấu trùng Miracidium có nhiều lông. Ấu trùng

đẩy bật nắp trứng chui ra ngoài, bơi lội tự do trong nước. Nếu gặp vật chủ trung gian là ốc Limnae Auncularia, Niridis, ấu trùng chui vào trong ốc tiếp tục phát triển thành vĩ ấu rồi thành nang ấu sau đó chui qua miệng ra khỏi ốc, lại bơi lội tự do trong nước, bám vào cỏ, cây ở vùng lầy lội. Trâu, bò ăn phải cỏ, cây, nang ấu sẽ đi vào ruột, đến ống mật, phát triển thành sán trưởng thành, rồi lại đẻ trứng theo vòng đời trên.

SÁN LÁ GAN (*Fasciola Hepatica*)



Tiêu bản không cố định



TRÙNG
SÁN LÁ



3. Triệu chứng

Con vật gầy dần, suy nhược, thiếu máu, niêm mạc nhợt nhạt, lông rụng, da mốc. Gia súc bị tiêu chảy thường xuyên, có hiện tượng phù ở mi mắt, yếm ngực, viêm sơ gan.

Kiểm tra phân thấy trứng sán lá gan màu vàng, hình bầu dục, có nắp, vỏ mỏng.

4. Điều trị

Hiện nay hay dùng Dertyl – B. Thuốc ít độc. Trâu, bò dùng 4mg/kg trọng lượng, cho uống. Có thể tẩy sán lá gan bằng phương pháp tiêm dung dịch thuốc Fasimex.

5. Phòng bệnh

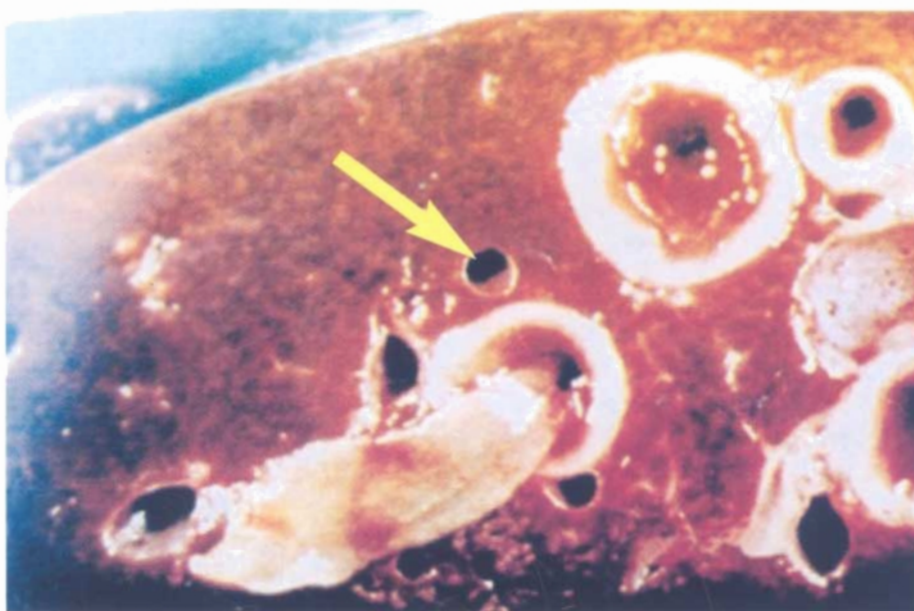
Định kỳ tẩy sán để tiêu diệt mầm bệnh, hàng năm nên tẩy toàn đàn.

Bò bị sán lá gan: ỉa chảy phân, dính quanh mông và kheo

Ủ phân để diệt trứng sán.

Chăn dắt luân phiên trên đồng cỏ.

Diệt ký chủ trung gian bằng các hoá chất: CuSO_4 , vôi bột, hay nuôi vịt, ngan, ngỗng... để chúng ăn ốc



Vết tích của sán lá trên gan

BỆNH GIUN ĐŨA BÊ NGHÉ

1. Nguyên nhân

Bệnh được truyền từ mẹ sang con qua bào thai. Do một loài giun tròn giống chiếc đũa gây ra. Giun cái trưởng thành ký sinh trong ruột non bê nghé, đẻ trứng, trứng theo phân ra ngoài, gặp điều kiện thích hợp (như nhiệt độ, ẩm độ) trứng phát triển thành dạng trứng có khả năng gây bệnh. Bê nghé ăn phải thức ăn hay uống nước có dạng trứng này sẽ mắc bệnh.

2. Triệu chứng



Bê bị giun đũa:

Bụng ỏng, kém vận động, luôn nằm một chỗ, áp bụng xuống đất

Trong thời kỳ còn là ấu trùng, giun đũa di hành làm tổn thương một số khí quan trong cơ thể như khí quản, phổi, gan. Khi giun đũa trưởng thành ở ruột non, nếu quá nhiều giun sẽ làm tắc ruột hay thủng ruột hoặc giun chui vào ống mật. Mặt khác giun đũa còn tiết các chất độc làm bê nghé bị trúng độc, dẫn đến ỉa chảy, bê nghé gầy sút nhanh.

Về lâm sàng: Bệnh xảy ra phổ biến ở bê nghé từ 11 – 30 ngày tuổi. Bê nghé thường chết vào ngày thứ 7 – 16. Bê nghé ủ rũ, lù xù, chậm chạp đầu cúi, lưng cong, đuôi cụp. Lúc đầu còn theo mẹ, khi bệnh nặng nghé bỏ bú, không theo



(Giun đũa kỹ sinh ở ruột non bê)

mẹ, nằm một chỗ, thờ yếu, đau bụng, nằm ngửa dầy dụa, đập chân lên phía trước bụng. Có khi nghe rõ tiếng sôi bụng. Bê, ghé gầy sút nhanh chóng, da khô, lông rụng, mắt lơ đờ, niêm mạc nhợt nhạt, mũi khô, hơi thở thối.

Phân màu trắng, mùi rất thối, con vật ỉa chảy nặng, ỉa vọt cần câu, phân dính ở khuỷu chân và xung quanh hậu môn. Có thể xem đây là một triệu chứng điển hình giúp cho việc chẩn đoán xác định bệnh giun đũa bê ghé.

3. Điều trị

Dùng Mevebet 0,5gr/kg thể trọng cho uống vào 2 buổi sáng.

Piperazin 0,3 – 0,5gr/kg thể trọng trộn lẫn với thức ăn hay hoà vào nước cho uống.

Sulfat đồng 1% 2ml/kg thể trọng cho uống.

Phenolthiazin 0,05g/kg thể trọng uống 2 lần trong ngày, uống 2 ngày liền.

Tetramysol 10mg/kg thể trọng. Cho uống sau khi bê ghé đã bú hoặc ăn.

HỘI CHỨNG NGÃ NƯỚC DO KÝ SINH TRÙNG ĐƯỜNG MÁU GÂY NÊN Ở TRÂU BÒ

1. Nguyên nhân

Do một trong những loại động vật đơn bào sau đây gây ra:

- + Tiên mao trùng: là loại sinh vật giống hình chiếc lông mao, hình mũi khoan. ký sinh ở trong máu (ngoài hồng cầu) gây nên.

- + Biên trùng: là loại sinh vật đơn bào hình cầu, ký sinh ở trong máu (rìa hồng cầu) gây nên.

- + Lê dạng trùng là loại sinh vật đơn bào có hình giống quả lê, ký sinh ở trong máu (trong hồng cầu) gây nên.

Mùa phát bệnh thường là vào mùa nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 4 tới tháng 9. Ở thời gian này, các điều kiện sinh thái thuận lợi cho các loài ruồi, mòng phát triển, hoạt động hút máu và truyền bệnh tiên mao trùng, các loài ve, bét hút máu và truyền bệnh biên trùng, lê dạng trùng cho đàn trâu, bò, ngựa.

2. Triệu chứng

Trâu, bò sốt 40 – 41°C, các cơn sốt thường gián đoạn (không liên tục) không theo quy luật. Khi sốt cao, con vật thường biểu hiện trạng thái thần kinh: mất thăng bằng, quay cuồng, đi vòng tròn hay run rẩy từng cơn.

Trâu bò biểu hiện trạng thái thiếu máu, niêm mạc mắt, mũi, miệng nhợt nhạt. Một số con biểu hiện trạng thái viêm kết mạc mắt và giác mạc mắt (mắt đỏ, niêm mạc sưng đỏ và chảy dử liên tục).

Trâu bò thường đi ỉa chảy kéo dài sau những cơn sốt. Hầu hết trâu bò suy nhược, mất dần sức đề kháng, thường chết do kiệt sức.



*Nghe bị ngã nước:
Mi mắt sưng, da khô, lông rụng*



*Ngựa con bị ký sinh trùng đường máu:
Còi cọc, chậm lớn, da khô, lông rụng*

3. Điều trị

Dùng các hoá dược sau: Naganin (Naganol) 1g/100kg thể trọng pha với nước cất hay nước sinh lý tiêm tĩnh mạch tai, tiêm 2 lần cách nhau 1 ngày; Trypadium liều 1g/100kg thể trọng pha với nước cất hay nước sinh lý thành dung dịch 2% tiêm tĩnh mạch tai hoặc tiêm sâu vào bắp thịt, tiêm 1 lần; Azidin 1llo 1.18g pha với 20ml nước sinh lý tiêm tĩnh mạch tai hay tiêm sâu vào bắp thịt cho 150 kg thể trọng sau khi tiêm 15 ngày nếu bệnh chưa khỏi, tiêm nhắc lại lần thứ 2.

Trong thời gian điều trị phải cho trâu bò nghỉ làm việc, cần lưu ý trước khi tiêm thuốc vào tĩnh mạch cần tiêm thuốc trợ sức trợ tim cho con vật (long não hoặc Cafein) ngoài ra phải làm tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng.

PHẦN 6: MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA LOÀI CHÓ

BỆNH ĐẠI

1. Khái niệm về bệnh

Bệnh đại là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm chung cho người và nhiều động vật. Bệnh gây ra do virus có tính hướng thần kinh. Đặc điểm của bệnh là virus tác động vào hệ thống thần kinh, gây rối loạn thần kinh trung ương, tạo trạng thái hoảng loạn (điên đại) cho động vật và người.

2. Nguyên nhân

Do virus đại có trong thiên nhiên gọi là virus đại đường phố. Chó, mèo, trâu bò, động vật hoang dại (cáo, cầy, mèo rừng...) đều có thể bị. Bệnh hay gặp nhất ở chó. Virus có sức đề kháng yếu. Sau khi xâm nhập vào cơ thể người và động vật, virus sẽ di chuyển theo dây thần kinh vận động vào tuỷ sống rồi lên não, gây nên trạng thái điên đại.

Virus đại được truyền trực tiếp từ chó dại sang chó khỏe và người qua nước bọt tại vết cắn. Trước khi chó phát ra các triệu chứng đại từ 8 – 14 ngày, nước bọt đã có virus. Mèo, chó sói, chồn khi bị đại cũng có virus trong nước bọt và cũng truyền bệnh cho các động vật khác và người như chó dại cắn.

Thời gian từ khi bị cắn đến khi phát bệnh (cả người và động vật) được gọi là thời gian ủ bệnh. Thời gian ủ bệnh dài hay ngắn phụ thuộc vào vết cắn ở gần hay xa thần kinh trung ương (não bộ – đầu) và loài gia súc. Ở người trung bình 40 ngày, chó 25 ngày.

3. Triệu chứng

Bệnh có 2 thể rõ:

Thể điên cuồng: Sau thời gian ủ bệnh, chó lên cơn dữ dội, mắt đỏ ngầu, chảy dãi như bọt xà phòng quanh mép, không còn cảm giác, đi như điên lao vào mọi người kể cả chủ để cắn xé một cách tàn bạo. Chó bỏ ăn hay nhai nuốt bất kể vật gì mà nó nhìn thấy. Chó sủa có tiếng khàn hay rú man rợ từng hồi. Vài ngày sau chó bỏ nhà đi hay nằm lì ở xó tối chờ chết với xác gầy, kiệt sức, bại liệt, trên mình có nhiều vết thương do nó tự cắn xé. Chó chết sau 2 – 5 ngày.

Thể bại liệt: Chó thể hiện các trạng thái bất thường: ngơ ngác, bồn chồn, ăn ít hay bỏ ăn. Sau đó lặng lẽ chui vào xó tối nằm lì – Thể đại câm hay thể đại im lặng. Vài ngày sau đó chó bị liệt chân, liệt hàm không tự há mồm ra được nhưng nước bọt vẫn chảy quanh mép. Chó chết từ 3 – 5 ngày trong trạng thái bại liệt hoàn toàn. Thể đại này rất nguy hiểm

4. Phòng chống

Khi đã lên cơn, không thể chữa được kể cả người và động vật. Chỉ phòng được bệnh bằng cách tiêm vắc xin đại nhược độc.

Phòng cho chó: phải định kỳ tiêm vắc xin phòng bệnh đại cho chó. Cứ 8 – 12 tháng tiêm 1 lần bằng vắc xin đại (Rabisin). Khi chó cắn người, không được tự ý đánh chết chó, mà phải để theo dõi qua 15 ngày. Sau 15 ngày mà chó vẫn bình thường, không có biểu hiện của bệnh đại thì mới yên tâm. Tốt nhất, an toàn nhất, nếu bị chó cắn phải đi tiêm phòng ngay. Trường hợp trong vòng 15 ngày, chó chết (vì bất cứ lý do gì) đều bắt buộc phải tiêm vắc xin phòng đại.

Không được thả rông chó để tránh sự lây nhiễm vì rút từ chó, mèo và các thú khác bị đại sang cho nhau, để hạn chế chó cắn người.

Chó chết vì bệnh đại phải đem chôn hay đốt xác.

BỆNH SÀI SỐT CHÓ – BỆNH CA RÊ

1. Khái niệm

Bệnh Carê là bệnh truyền nhiễm cấp tính của loài chó do virus gây nên với đặc điểm: sốt cao, ỉa chảy và gây ra những triệu chứng thần kinh.

2. Nguyên nhân

Bệnh do một loài virus gọi là virus carê làm chết nhiều chó, đặc biệt chó dưới 1 năm tuổi. Chó ở các lứa tuổi đều có thể mắc, nhưng chó con 2 – 3 tháng tuổi thường mắc ở thể nặng và tỷ lệ chết cao 90 – 100%. Bệnh lây lan trực tiếp từ chó bệnh sang chó khỏe hay gián tiếp do con người vô tình truyền virus từ chó bệnh sang chó khỏe khi chăm sóc chó.

3. Triệu chứng



Chó bị bệnh care: Bại liệt và cô triệu chứng thần kinh, co giật liên tục

Chó sốt cao 40 – 42⁰C, các niêm mạc đều bị sưng tấy, mắt sưng húp, nước mắt và dử mắt chảy liên tục, mũi chảy mủ xanh và dịch nhầy. Chó khó thở, khi thở có tiếng khò khè. Chó nôn liên tục, ỉa chảy lẫn máu và dịch nhầy. Do ỉa chảy, bị mất nước và chất điện giải, làm cho chó kiệt sức và chết nhanh. Hội chứng thần kinh cũng xảy ra một cách phổ biến ở chó bệnh như run rẩy, đi lại

siêu vẹo, có những cơn co giật, giãy dụa, mắt trợn ngược, hai hàm răng luôn đập vào nhau, rãi rớt chảy liên tục. Trên bề mặt da bụng, bẹn, nách của chó xuất hiện những mụn mủ nhỏ như hạt ngô và vỡ loét ra.

4. Điều trị

Dùng kháng huyết thanh tiêm dưới da liều 10ml cho chó 10kg; chó 15kg tiêm 15ml; chó từ 20kg trở lên tiêm 20ml.

Dùng đơn thuốc sau đây:

Cắt nôn bằng cách tiêm atropin, hay primeran 2ml tiêm dưới da.

Bổ sung nước và chất điện giải bằng biện pháp cho uống ozeron 5%, tiếp nước muối sinh lý 0,9% hay nước đường Glucoza 5% vào tĩnh mạch kheo chó.

Cầm ỉa chảy bằng cách cho uống thuốc đặc trị tiêu chảy chó mèo (ADP), Imodium hay Bisepton ngày uống 1 lần.

Tiêm các loại kháng sinh như: Gentamycin, Streptomycin + Penicillin.

Khi chó có triệu chứng thần kinh, dùng các loại thuốc có tính chất an thần: Seduxen, Meproamat, Novocain.

Sử dụng các thuốc trợ tim mạch, trợ sức, trợ lực cho chó như: Cafein, Spactein; Vitamin B₁; Vitamin B₁₂, Vitamin K; Vitamin C.

5. Phòng bệnh

Tiêm vắc xin phòng bệnh Carê cho chó 1 năm một lần liều 3ml cho một con, tiêm dưới da.

Khi phát hiện thấy chó có biểu hiện bệnh, phải cách ly, điều trị kịp thời để tránh lây lan.

Chuồng trại và nơi thả chó phải làm vệ sinh thường xuyên. Định kỳ tổng tẩy uế, tổng vệ sinh, giết chết nhân tố trung gian truyền bệnh và chống ô nhiễm môi trường.

BỆNH VIÊM RUỘT CẤP

1. Khái niệm về bệnh

Đây là bệnh phổ biến ở chó, đặc biệt là chó cảnh và chó nghiệp vụ. Bệnh xảy ra quanh năm; nhưng tập trung nhiều vào mùa nóng và mùa mưa ẩm ướt. Đặc điểm của bệnh là nôn mửa, tiêu chảy dữ dội ở chó.

2. Nguyên nhân

Do giun móc. Giun móc có những móc nhọn, giống như những cái kim cắm vào vách ruột non ở phần tá tràng, không tràng, hút máu tạo ra những tổn thương và xuất huyết đường tiêu hoá.

Do vi khuẩn có sẵn trong ruột xâm nhập vào vết thương gây viêm ruột cấp tính.

Do chó ăn phải thức ăn thiu thối có chứa vi khuẩn Salmonella, E. coli.

Do Virus Carê hay Virus Parvo xâm nhập vào hệ thống tiêu hoá, phá hoại niêm mạc dạ dày và ruột.



Chó bị viêm ruột:: Nôn liên tục, ỉa chảy, mất nước, gầy còm, mắt trũng

3. Triệu chứng

Vài ngày đầu tiên chó ít ăn hoặc bỏ ăn, sốt 39,5 – 40⁰C, mệt mỏi thích uống nước. Sau đó chó nôn mửa liên tục đồng thời ỉa chảy dữ dội phân có màu xám vàng lẫn niêm mạc dạ dày và ruột. Phân có mùi tanh rất đặc trưng. Chó kiệt sức rất nhanh.

4. Phòng trị

a. Điều trị

Dùng đơn thuốc sau đây:

Cắt nôn bằng cách tiêm Atropin, hay Primeran 2ml, tiêm dưới da.

Bổ sung nước và chất điện giải bằng biện pháp cho uống Ozeron 5%, tiếp nước muối sinh lý 0,9% hay nước đường Glucozza 5% vào tĩnh mạch kheo chó.

Cầm ỉa chảy bằng cách cho uống thuốc đặc trị tiêu chảy chó mèo (ADP), Imodium hay Bisepton ngày uống 1 lần.

Chống bội nhiễm bằng biện pháp tiêm các loại kháng sinh như Gentamycin, Streptomycine + Penicilline.

Khi chó có triệu chứng thần kinh, dùng các loại thuốc có tính chất an thần: Seduxen, Meprobat, Novocain.

Sử dụng các thuốc trợ tim mạch, trợ sức trợ lực cho chó như: Cafein, Spactein; Vitamin B₁; Vitamin B₁₂, Vitamin K; Vitamin C.

b. Phòng bệnh

Phòng bệnh bằng vắc xin: tiêm vắc xin phòng bệnh Parvo và Carê cho chó 1 năm một lần, tiêm dưới da.

Định kỳ tiến hành tẩy giun sán cho chó.

Khi phát hiện thấy chó có biểu hiện bệnh, phải cách ly, điều trị kịp thời để tránh lây lan.

Chuồng trại và nơi thả chó phải làm vệ sinh định kỳ, hạn chế các nhân tố trung gian, môi giới truyền bệnh: ve, ghẻ, bọ nhậy...

PHẦN 7: MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở MÈO

BỆNH VIÊM RUỘT ỈA CHẢY Ở MÈO

1. Nguyên nhân

Do giun móc. Giun móc có những móc nhọn giống như những cái kim cắm vào vách ruột non, hút máu, tạo ra những tổn thương và xuất huyết.

Do vi khuẩn có sẵn trong ruột xâm nhập vào vết thương, gây viêm ruột cấp tính.

Do mèo ăn phải thức ăn thiu thối có chứa vi khuẩn Salmonella, E. coli. Gặp nhiều nhất ở mèo còn non.

Do thay đổi thức ăn đột ngột từ loại thức ăn này sang loại thức ăn khác.

2. Triệu chứng

Mèo bỏ ăn, mũi khô, mắt kèm nhèm có rỉ. Mắt và miệng mèo bầm, hơi thở có mùi hôi. Da khô, lông rụng; cầm da gáy nhấc mèo lên thấy 2 chân sau và đuôi duỗi thẳng. Mèo có cảm giác đau bụng, luôn mồm kêu meo meo. Mèo khát nước, thích uống nước, kém vận động và nằm co ro một chỗ. Mèo đi ỉa chảy, mầu phân đen hay vàng, phân mèo mất mùi chua, chuyển sang mùi thối khắm.



Mèo bị ỉa chảy: lông rụng, mắt có rỉ, phân màu đen hay vàng



Mèo bị ỉa chảy: uống nước nhiều

3. Phương pháp điều trị

Nhốt mèo lại, không cho mèo ăn thức ăn tanh. Cho mèo uống nước sạch pha với Orezon hay glucoza với liều lượng một thìa cà phê pha với 30ml nước cho mèo uống. Dùng thuốc đặc trị tiêu chảy chó mèo ADP cho uống với liều lượng cứ 1/2 thìa cà phê pha với 10ml nước Orezon hay nước đường Glucoza rồi dùng bơm tiêm nhựa cho uống 2 lần một ngày, cho uống liên trong 3 ngày. Có thể thay thế ADP bằng một trong các loại thuốc sau: Béc – Be – Rin, Clorocid hoặc thuốc Đặc trị tiêu chảy mèo với liều lượng như trên bao bì hướng dẫn.

Chú ý: Khi mèo ăn trở lại không nên cho mèo ăn quá nhiều thức ăn tanh. Trong những ngày đầu có thể dùng khoai lang nướng hay luộc trộn với một ít thịt nạc cho mèo ăn trong 2 ngày khi mèo mới khỏi bệnh.

BỆNH VIÊM PHỔI Ở MÈO

1. Nguyên nhân

Do mèo hít phải các loại khí độc như: khí lò gạch, lò vôi, khí bar chuột...Do vi khuẩn có sẵn ở đường hô hấp của mèo sinh sản nhanh về số lượng, tăng mạnh về độc lực, khi sức khỏe của mèo giảm trong các trường hợp khí hậu thay đổi đột ngột, bất lợi cho sức khỏe của mèo.

2. Triệu chứng

Mèo bỏ ăn, mũi khô, mắt mũi kèm nhèm, rỉ mắt và rỉ mũi màu xanh chảy ra. Miệng mèo bắn, hơi thở có mùi hôi. Da khô, lông rụng, cầm da gáy nhấc mèo lên, 2 chân sau và đuôi duỗi thẳng. Mèo có cảm giác khó thở, tiếng thở có kèm theo âm khò khè. Mèo không vận động, thích nằm co ro một chỗ.



Mèo bị viêm phổi: mắt kèm nhèm, mũi có dịch

Mèo sốt trên $39,2^{\circ}\text{C}$ (thân nhiệt chuẩn của mèo là $38,5$ đến $39,2^{\circ}\text{C}$). Lúc đầu đi táo sau đó ỉa chảy, phân mất mùi chua và chuyển sang mùi thối khắm. Mèo chết trong vòng một tuần nếu không được can thiệp kịp thời.

3. Phương pháp điều trị

Nhốt riêng mèo lại, dùng thuốc đặc trị tiêu chảy cho mèo ADP cho uống: cứ $1/2$ thìa cà phê pha với 10ml nước Orezon hay nước đường Glucoza rồi dùng bơm tiêm nhựa cho uống 2 lần một ngày, cho uống liền trong 3 ngày. Có thể tiêm cho mèo các loại thuốc kháng sinh như Ampicillin 30.000 đơn vị cho 1kg thể trọng, hay Pneumotic 1ml cho 3kg thể trọng, tiêm vào bắp lưng cho mèo, tiêm ngày 2 lần/ngày, tiêm 3 ngày liền. Ngoài ra cần tăng cường trợ sức trợ lực cho mèo bằng cách tiêm các loại thuốc bổ như vitamin B1, vitamin B12, đồng thời cần chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho mèo ăn uống đầy đủ bằng các loại thức ăn có chất lượng cao.

HỘI CHỨNG NGÃ NƯỚC DO KÝ SINH TRÙNG ĐƯỜNG MÁU GÂY NÊN Ở MÈO

1. Nguyên nhân

Do một số loài động vật đơn bào bao gồm:

- Tiên mao trùng: là loại sinh vật giống hình chiếc lông mao, hình mũi khoan.
- Biên trùng: là loại sinh vật đơn bào hình cầu.
- Lê dạng trùng: là loại sinh vật đơn bào có hình giống quả lê.

Các sinh vật trên sống ký sinh trong máu của mèo, phá vỡ hồng cầu, gây ra tình trạng suy dinh dưỡng do thiếu máu. Bệnh do ký sinh trùng đường máu lây truyền bởi các côn trùng như ve, mòng hút máu vật có bệnh rồi truyền cho vật khỏe.

2. Triệu chứng

Mèo từ nơi khác mới chuyển tới thường mắc bệnh này nên dân gian thường gọi là mèo bị ngã nước. Khi bị bệnh, mèo có biểu hiện một số triệu chứng sau:

Sốt cách nhật, kém ăn, gầy yếu, da khô, lông rụng. Mèo đi ỉa chảy liên miên, phân loãng có mầu cà phê, phân mèo mất mùi chua chuyển sang mùi thối. Niêm mạc mắt nhợt nhạt, có xuất hiện những điểm vàng. Trên da bụng có những chấm xuất huyết như muỗi đốt hay những chấm mầu vàng. Mèo bị bệnh ký sinh trùng đường máu rất nguy hiểm vì chúng chính là những động vật mang trùng có thể gây bệnh cho những mèo hay chó khỏe thông qua ve, mòng truyền bệnh.



Mèo bị ký sinh trùng đường máu: gầy còm, da khô, lông rụng



*Mèo bị ký sinh trùng đường máu:
Mắt kèm nhèm, niêm mạc mắt nhợt nhạt, có dử*

3. Điều trị

Cách ly mèo ốm. Dùng Azidin pha với nước muối sinh lý tiêm sâu vào bắp thịt, hay truyền tĩnh mạch cho mèo với liều 1g cho 20kg mèo (cần lưu ý rằng thuốc này có độ độc cao, có thể gây ra phản ứng, do đó trước khi tiêm 20 phút nên tiêm dưới da cho mèo 2ml spartein hay 2ml cafein). Đồng thời với việc điều trị bằng Azidin phải tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng bằng cách cho mèo ăn những thức ăn dễ tiêu giàu chất dinh dưỡng, tăng cường trợ sức trợ lực cho mèo bằng cách tiêm các loại Vitamin B₁, B₁₂, B complex hoặc có thể truyền đường Glucoza cho mèo.

HỘI CHỨNG TRÚNG ĐỘC Ở MÈO

1. Nguyên nhân

Do mèo ăn phải chất độc như: bả chuột, chuột chết do trúng bả (bả chết 3 đời). Do uống phải nước có chất độc: nước rửa bình phun thuốc trừ sâu, nước xóc bình ắc quy, pin điện... Do liếm phải các chất như thuốc diệt côn trùng ngoài da, thuốc trị ghẻ, dầu nhớt, thuốc diệt gián, kiến ...

2. Triệu chứng

Ban đầu mèo có biểu hiện bồn chồn, chạy lung tung, kêu la... Sau đó có triệu chứng như: run rẩy, đi xiêu vẹo, đi quay vòng... Tiếp đến: nôn mửa, sùi bọt mép, co giật... Cuối cùng: giãn đồng tử mắt, liệt toàn thân, thân nhiệt hạ và tử vong.

3. Điều trị

Phải phát hiện và điều trị sớm, điều trị kịp thời bằng một số phương pháp sau:

Đỡ mèo ở nơi yên tĩnh. Dùng ngay Glucoza (đường gluco) pha đặc: 1 muỗng canh đường gluco pha với 100ml nước (khoảng gần nửa cốc thủy tinh) cho mèo uống ngay. Nếu không có đường Gluco ta dùng nước muối ấm 5% cho uống hoặc dùng lòng trắng trứng đánh vào nước ấm (khoảng 100ml) cho uống. Dùng Ô xy già pha với sữa cho uống: 10ml Ôxy già cộng với 100ml sữa cho uống. Làm như vậy nếu sau 15 đến 20 phút mèo nôn ra được thì có thể cứu được. Nếu mèo nôn ra được, ta cần cho uống thêm nước đường Gluco. Nếu có thể thì chuyển (tiếp) Glucoza vào tĩnh mạch cho mèo liều lượng từ 20 đến 50ml là tốt nhất.

Chú ý: Không được tiêm Atropin khi mèo bị trúng độc. Chỉ tiêm nếu ngày sau mèo còn sống (đã nôn ra hết chất độc) mà vẫn bị sùi bọt mép.

HỘI CHỨNG DO GIUN GÂY RA Ở MÈO

1. Nguyên nhân

Do một số loài giun như:

Giun móc có hình giống như móc câu một đầu dài, một đầu ngắn, màu trắng, nhỏ, dài từ 10 – 20mm.

Giun kim là loại giun có hình giống chiếc kim khâu, ký sinh ở ruột mèo.

Nhờ có đầu nhọn nhỏ, giun bám vào ruột của mèo hút chất dinh dưỡng làm cho mèo suy dinh dưỡng, gầy còm. Mặt khác, chúng tạo ra những vết thương trầy xước trên niêm mạc ruột tạo điều kiện cho vi khuẩn xâm nhập, gây hiện tượng viêm ruột ỉa chảy của mèo. Giun trưởng thành đẻ trứng, trứng theo phân ra ngoài lột xác thành ấu trùng cảm nhiễm rồi có thể theo thức ăn nước uống hay chui qua da vào cơ thể mèo gây bệnh.

2. Triệu chứng

Mèo từ 1 – 4 tháng tuổi thường mắc bệnh giun. Khi bị bệnh, mèo kém ăn, nôn mửa liên tục, gầy yếu, bụng ỏng, đít beo, da khô, lông rụng mèo đi ỉa chảy phân loãng màu đen như mầu cà phê, phân mèo mất mùi chua chuyển sang mùi thối.



Mèo bị giun sán: Gầy còm

3. Điều trị

Dùng Mebendazon hay Tetramison 8 – 10mg/1kg thể trọng. Để đề phòng phản ứng

thuốc nên cho mèo ăn nhẹ trước khi dùng thuốc Hanmectin 1ml/2kg thể trọng, tiêm dưới da cho mèo.

Trong thời gian tẩy, nhốt mèo theo dõi giun ra, thu gom phân lại một chỗ rồi rắc vôi bột để diệt trứng giun.

BỆNH SÁN DÂY Ở MÈO

1. Nguyên nhân

Do loài sán dây ký sinh ở ruột non của mèo gây nên. Sán dây có màu trắng, dài nhiều đốt. Các đốt có thể đứt và theo phân ra ngoài. Đầu sán nhỏ, có rất nhiều móc bám chắc vào thành ruột. Những đốt sán cuối chứa đầy trứng khi theo phân ra ngoài, rơi vào nước. Sau 8 –10 ngày nở thành ấu trùng. Bọ gạo ăn vào, sau mấy tuần ấu trùng phát triển thành ấu trùng gây nhiễm. Cá nước ngọt ăn phải bọ gạo có chứa ấu trùng, ấu trùng chui vào ký sinh ở thịt của cá. Mèo ăn phải cá sống chứa ấu trùng sẽ bị bệnh.

2. Triệu chứng lâm sàng

Sán dây ở ruột non nhiều sẽ gây tắc nghẽn ruột, gây những cơn đau bụng giữ dội ở mèo. Mèo nằm ngửa dấy dựa tỏ vẻ rất đau đớn. Độc tố của sán dây tiết ra gây hại cơ quan tạo máu và thần kinh. Do sán bám vào thành ruột hút chất dinh dưỡng làm cho mèo gầy rộc nhanh chóng, chân sau siêu vẹo, lông sù, cứng và rụng đứng, đôi khi có dấu hiệu thần kinh như đi quay vòng, kêu gào, cào cấn, mèo đi ỉa chảy liên miên, phân lẫn nhiều đốt sán mùi thối khắm, mèo thường xuyên lê dít cọ dít xuống đất do bị ngứa ngáy.

3. Biện pháp điều trị

Trong dân gian dùng nhiều nguyên liệu địa phương có sẵn như lưu huỳnh (diêm sinh), hạt cau già, hạt bí ngô già nghiền nhỏ trộn vào thức ăn cho mèo ăn để tẩy sán dây hoặc có thể dùng thuốc Nichlorsamít để tẩy sán dây cho mèo. Cần chú ý sử dụng theo liều chỉ định của thú y vì loại thuốc này rất dễ gây độc cho mèo. Đồng thời với việc tẩy sán, cần nâng cao thể trạng cho mèo bằng việc tăng cường trợ sức trợ lực và bồi bổ cơ thể cho mèo. Khi tẩy sán phải nhốt mèo lại, thu gom phân ủ kín có rắc vôi bột để diệt trứng sán, tránh làm mầm bệnh phát tán ra ngoài.

PHẦN 8: MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG TRONG CHĂN NUÔI GIA SÚC SINH SẢN

I. TUỔI THÀNH THỰC VỀ TÍNH

1. Khái niệm

Tuổi thành thực về tính là tuổi mà gia súc bắt đầu có khả năng sinh sản được, khi đó các cơ quan sinh dục đã phát triển hoàn thiện, con vật xuất hiện phản xạ sinh dục, gia súc cái bắt đầu động dục, gia súc đực bắt đầu có hiện tượng xuất tinh. Tuổi thành thực về tính phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chế độ chăm sóc nuôi dưỡng, khí hậu thời tiết, giống loài, tính biệt. Con cái bao giờ cũng thành thực về tính sớm hơn con đực.

2. Tuổi thành thực về tính của một số loài gia súc

Loài gia súc cái	Tuổi	Loài gia súc đực	Tuổi
Ngựa	12 – 18 tháng	Ngựa	18 – 24 tháng
Bò	8 – 12 tháng	Bò	12 – 28 tháng
Trâu	1,5 – 2 năm	Trâu	2 – 2,5 năm
Lợn	6 – 8 tháng	Lợn	8 – 10 tháng
Chó	8 – 10 tháng	Chó	10 – 12 tháng
Dê, cừu	6 – 8 tháng	Dê, cừu	8 – 10 tháng

II. TUỔI THÀNH THỰC VỀ THỂ VÓC

1. Khái niệm

Tuổi thành thực về thể vóc là tuổi mà các cơ quan bộ phận trong cơ thể gia súc đã phát triển hoàn chỉnh và khi đó chiều dài thân của gia súc không tăng được nữa. Tuổi thành thực về thể vóc bao giờ cũng muộn hơn tuổi thành thực về tính.

2. Tuổi thành thực về thể vóc của một số loài gia súc

Loài gia súc cái	Tuổi	Loài gia súc đực	Tuổi
Ngựa	36 tháng	Ngựa	48 tháng
Bò sữa	18 tháng	Bò sữa	24 – 30 tháng
Bò cày	20 – 24 tháng	Bò cày	24 – 30 tháng
Trâu	30 – 36 tháng	Trâu	36 – 40 tháng
Lợn	8 – 10 tháng	Lợn	10 – 12 tháng
Chó	11 – 13 tháng	Chó	13 – 15 tháng
Dê, cừu	8 – 10 tháng	Dê, cừu	10 – 12 tháng

Để đảm bảo khả năng sinh sản cho gia súc không nên cho phối giống ngay sau khi gia súc vừa mới thành thực mà nên cho phối giống lần đầu vào thời điểm trước khi thành thực về thể vóc. Trong thực tế ở gia súc cái thường bỏ qua lần động dục đầu tiên.

III. HIỆN TƯỢNG CÓ THAI

1. Khái niệm

Có thai là hiện tượng sinh lý đặc biệt của cơ thể cái nó được bắt đầu từ khi phối giống có kết quả đến khi đẻ xong.

2. Thời gian có thai của một số loài gia súc

Loài gia súc	Thời gian trung bình (ngày)	Thời gian dao động (ngày)
Ngựa	336 (11 tháng)	320 – 336
Bò	282 (9 tháng 10 ngày)	274 – 291
Trâu	315 (10 tháng rưỡi)	310 – 320
Lợn	114 (3 tháng 3 tuần 3 ngày)	110 – 118
Chó	60 (2 tháng)	58 – 63
Mèo	58 (2 tháng)	58 – 60
Dê, cừu	150 (5 tháng)	146 – 161
Thỏ	31 (1 tháng)	29 – 33

IV. QUÁ TRÌNH SINH ĐẺ CỦA GIA SÚC

1. Khái niệm

Gia súc cái mang thai trong một thời gian nhất định, tùy thuộc vào từng loài gia súc. Khi bào thai đã phát triển đầy đủ, dưới tác động của hệ thống thần kinh và nội tiết, gia súc mẹ xuất hiện những cơn rặn đẻ, đẩy bào thai, nhau thai và các sản phẩm trung gian ra ngoài, gọi là quá trình sinh đẻ.

2. Những biểu hiện của gia súc mẹ khi gần đẻ

Trước khi đẻ 2 – 3 ngày, bộ phận sinh dục bên ngoài sưng to, phù và nhão ra, niêm dịch từ đặc chuyển sang loãng dần và độ nhớt tăng lên.

Ở tiểu gia súc có hiện tượng cắn ổ, đại gia súc có hiện tượng sụt mông, phù tứ chi.

Bầu vú căng to và có sữa đầu.

3. Các giai đoạn của quá trình sinh đẻ

a. Giai đoạn mở cổ tử cung.

Được tính từ khi con mẹ có triệu chứng rặn đẻ đến khi cổ tử cung mở hoàn toàn, kết thúc giai đoạn này là hiện tượng vỡ ối. Đặc điểm của giai đoạn này là những cơn rặn của con mẹ còn yếu và thưa, càng về cuối giai đoạn này cường độ những cơn rặn càng mạnh dần lên, thời gian nghỉ giữa 2 lần rặn rút ngắn dần lại.

b. Giai đoạn sổ thai

Được tính từ khi vỡ ối đến khi nào thai cuối cùng được đẩy ra khỏi cơ thể mẹ. Đặc điểm của giai đoạn này là con mẹ tập trung tất cả sức lực để rặn đẩy bào thai ra ngoài (dạng chân, cong lưng, nghiêng răng, mím môi mà rặn) thời gian giai đoạn này dài hay ngắn tùy thuộc vào từng loài gia súc và sức khỏe của mẹ và số lượng bào thai.

c. Giai đoạn bong nhau

Tính từ khi sổ bào thai cuối cùng đến khi toàn bộ nhau thai con được đẩy ra khỏi cơ thể mẹ. Thời gian này phụ thuộc vào từng loài gia súc, trâu bò từ 4 – 6 giờ và không quá 12 giờ, ngựa 20 đến 60 phút, lợn từ 10 đến 60 phút, dê cừu 30 phút đến 2 giờ. Quá thời gian kể trên mà nhau thai con không được đẩy ra khỏi cơ thể mẹ thì gọi là bệnh sát nhau.

4. Đối với lợn

Trước khi đẻ 3 ngày cặp vú giữa vắt được nước trong.

Trước khi đẻ 1 ngày cặp vú giữa vắt được vài giọt sữa trắng.

Khi cặp vú trước vắt được sữa đầu thì khoảng nửa ngày sau lợn đẻ.

Khi cặp vú sau vắt được sữa đầu thì chỉ vài giờ sau lợn đẻ.

a. Biểu hiện của lợn mẹ lúc gần đẻ

Lợn mẹ bồn chồn, đứng nằm không yên, có hiện tượng cắn ổ.

Bộ phận sinh dục ngoài sưng to, phù thũng và nhão ra, chảy nhiều dịch nhờn trắng.

Bầu vú sưng to và có sữa đầu.

b. Phương pháp đỡ đẻ cho lợn:

Chuồng lợn đẻ: Phải có chuẩn bị, vệ sinh tiêu độc trước. Lót chuồng bằng rơm rạ hay cỏ khô sạch sẽ và mềm mại.

Trước đẻ vài ngày phải tắm sạch sẽ cho lợn mẹ.

Lợn thường đẻ về đêm nên cần chuẩn bị người trực, ánh sáng...

Chuẩn bị: Xô màn, vải mềm, sạch để lau nhót cho lợn con, cồn iod 5%, panh, kéo, bơm tiêm và thuốc kháng sinh...

Khi lợn đẻ, người đỡ đẻ ngồi cạnh dùng tay đã vô trùng nhẹ nhàng đỡ lợn con ra rồi nhanh chóng dùng vải mềm lau sạch nhót ở miệng, mũi, mắt và toàn thân lợn con.

Cắt rốn: Dùng tay trái giữ thân lợn con, dùng ngón tay cái và ngón giữa vuốt máu từ phía ngoài vào phía bụng lợn con, giữ chặt dây rốn ở vị trí cách bụng 5 – 7cm, dùng ngón cái và ngón trỏ xoắn và bầm đứt dây rốn. Dùng cồn iod 5% sát trùng.

c. Bấm răng nanh cho lợn con:

Dùng ngón trỏ và các ngón bàn tay trái mở miệng lợn con, dùng bấm móng tay hoặc kìm cắt răng nanh bấm cụt răng nanh. Cần thận kéo bấm phải lợi của lợn con.

Sau 45 – 60 phút giúp lợn con bú sữa đầu.

Cho lợn mẹ uống nước ấm có pha ít muối hoặc nước cháo ấm có pha ít muối.

PHẦN 9: MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở GIA SÚC SINH SẢN

BỆNH BẠI LIỆT TRƯỚC KHI ĐẺ

1. Khái niệm về bệnh

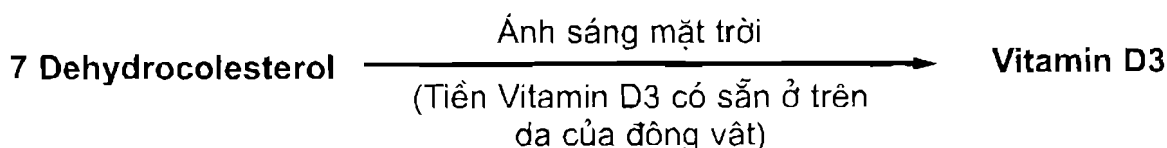
Bại liệt trước khi đẻ là một quá trình bệnh lý thường xảy ra ở gia súc cái sinh sản trong thời gian mang thai. Đặc điểm của bệnh là con vật mất khả năng vận động, chỉ nằm bẹp một chỗ.

2. Nguyên nhân gây bệnh

Nguyên nhân chính gây ra bệnh là sự thiếu hụt khoáng, đặc biệt là canxi và photpho. Hiện tượng này xảy ra khi:

Khẩu phần thức ăn thiếu khoáng.

Gia súc mẹ bị nuôi nhốt lâu ngày trong chuồng, ít được tiếp xúc với ánh sáng mặt trời, ảnh hưởng tới quá trình sản sinh Vitamin D3.



Chính vitamin D3 là chất xúc tác cho quá trình hấp thu Can xi và Photpho. Thiếu Vitamin D3 thì quá trình hấp thu Ca và P bị cản trở.

Do tỷ lệ Ca và P không hợp lý, hàm lượng P quá cao.

Do gia súc mẹ bị viêm ruột, không hấp thu được Ca và P bởi vì Ca và P chủ yếu được hấp thu qua niêm mạc ruột non.

Tất cả các nguyên nhân trên làm cho hàm lượng Ca và P trong máu của con mẹ bị giảm thấp, không đủ cung cấp cho việc hình thành và hoàn thiện bộ xương của bào thai. Để đáp ứng cho việc hình thành, hoàn thiện bộ xương của các bào thai, con mẹ buộc phải rút Ca và P từ xương mình; từ đó làm thay đổi cấu tạo tổ chức của xương mình, đặc biệt là khung xương chậu và chi sau, từ đó gây ra bại liệt.

3. Triệu chứng

Con vật ăn “dở” (thích ăn những thức ăn mà ngày bình thường nó không ăn như đá, sỏi, đất, cát, con vật gặm đất cát vôi vữa trên nền chuồng, xung quanh tường). Thường lúc đầu con vật đi lại khó khăn, đi cà nhấc, đi thậm thọt (lợn què) sau đó nằm xuống và không đứng dậy được. Cũng có trường hợp vật đang đi lại bình thường, đột nhiên hét lên rồi nằm xuống, mất hoàn toàn khả năng vận động. Khi nằm xuống trong thời gian đầu vật còn tự trở mình được, các hoạt động về hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá còn diễn ra bình thường; một thời gian sau sẽ kế phát một số bệnh khác như viêm phổi, viêm dạ dày và ruột, chướng bụng đầy hơi. Nếu nằm lâu sẽ dẫn đến tình trạng thối loét da thịt. Hậu quả của bệnh này thường dẫn đến hiện tượng đẻ khó do khung xương chậu bị biến dạng.

4. Phương pháp điều trị

Cho gia súc ăn những thức ăn giàu chất dinh dưỡng, dễ tiêu, bổ sung khoáng nhất là Ca, P như bột cá, bột xương, bột sò, bột cua, bột ốc, cua đồng vv...

Dùng các loại thuốc: Carbiron, Ravit Fort, Polycal tiêm bắp hoặc tĩnh mạch, có thể dùng Canxichlorua tiêm vào tĩnh mạch, ngoài ra có thể dùng các loại dầu nóng như cồn long não, salysilatmetyl, rượu gừng... xoa bóp. Nên dùng vòng cổ định gia súc đứng trong giống để điều trị sẽ có kết quả tốt hơn, rút ngắn được thời gian điều trị và chi phí cho việc điều trị thấp hơn.

Chú ý:

Đối với bệnh bại liệt trước khi đẻ, không dùng strychnin để điều trị vì rất dễ gây hiện tượng sảy thai; đồng thời trong quá trình điều trị nếu phải dùng kháng sinh (trong các trường hợp nhiễm trùng kế phát) thì không nên dùng Gentamycin vì đây là loại kháng sinh tác động rất mạnh tới đường niệu, rất dễ gây sảy thai.

Bệnh bại liệt sau khi đẻ có triệu chứng gần giống như bệnh bại liệt trước khi đẻ.

Chú ý: Về phương pháp điều trị giống nhau nhưng riêng đối với bệnh bại liệt sau khi đẻ có thể dùng strychnin để điều trị.

BỆNH XUẤT HUYẾT TỬ CUNG

1. Khái niệm về bệnh

Bệnh xuất huyết tử cung là bệnh xảy ra trong thời gian gia súc cái mang thai với đặc điểm có hiện tượng máu chảy từ cơ quan sinh dục ra ngoài.

2. Nguyên nhân

Do gia súc bị ngã đột ngột, bị trượt ngã, sứt hãm, sứt hố, do phối giống nhầm khi gia súc đã có thai.

Do các nguyên nhân làm cho cơ thành bụng, cơ tử cung căng lên quá mức.

Tất cả các nguyên nhân trên, làm tổn thương hệ thống mạch máu giữa nhau mẹ và nhau con dẫn đến xuất huyết tử cung.

3. Triệu chứng

Triệu chứng chủ yếu của bệnh là có máu chảy từ cơ quan sinh dục ra ngoài. Máu đã mất màu đỏ, thường có màu nâu và đã có những cục máu đông. Niêm mạc mắt, miệng, mũi... nhợt nhạt trắng bệch. Con vật run rẩy co ro, đứng không vững, sức lực giảm sút nhanh.

4. Điều trị

Hộ lý: để con vật vào nơi yên tĩnh, ở tư thế đầu thấp đuôi cao, nhằm giảm áp lực xoang chậu, đắp nước lạnh vào vùng hông khum.

Sử dụng các loại thuốc sau:

Tiêm vitamin K từ 3 – 5ml cho gia súc nhỏ, 5 – 8ml cho gia súc lớn.

Adrenaline (0,1%) – 0,5ml cho gia súc nhỏ, 3 – 5ml cho gia súc lớn.

Truyền tĩnh mạch nước muối sinh lý 0,9% hay đường Glucoza 5%, tùy theo trọng lượng cơ thể, có thể truyền từ 50 – 500ml.

Cần chú ý tiêm thuốc trợ tim như Cafein hay Spartein cho vật bị bệnh.

BỆNH RẶN ĐỂ QUÁ SỚM (ĐỘNG THAI)

1. Khái niệm về bệnh

Rặn đẻ quá sớm là bệnh xảy ra trong thời gian gia súc cái mang thai với đặc điểm con mẹ xuất hiện những cơn rặn, những cơn co bóp của tử cung trước thời gian sinh đẻ một số tuần hay một số ngày.

2. Nguyên nhân

Do tác động cơ giới như khi gia súc bị đánh, bị húc vào bụng, bị ngã đột ngột, sụt hầm, sa hố, lợn tranh nhau ổ nằm, tranh nhau máng ăn, máng uống, bị dồn chuồng, cửa ra vào chuồng quá hẹp v.v.

Do các nguyên nhân làm cho cơ thành bụng, cơ tử cung căng lên quá mức, như đầy hơi dạ dày và ruột, do táo bón, ỉa chảy làm gia súc rặn nhiều.

Do rối loạn môi quan hệ cân bằng giữa các hormone điều khiển quá trình sinh sản.

Tất cả các nguyên nhân trên kích thích làm tử cung xuất hiện những cơn co bóp gây ra những cơn rặn trước thời gian sinh đẻ bình thường.

3. Triệu chứng

Con mẹ xuất hiện những cơn rặn, những cơn co bóp của tử cung trước thời gian sinh đẻ bình thường. Lúc này cơ thể mẹ chưa xuất hiện những triệu chứng điển hình của quá trình sinh đẻ bình thường như: âm hộ chưa sưng to, chưa phù thũng và nhão ra, chưa có hiện tượng sụt mông, bầu vú chưa căng và chưa có sữa đầu. Con vật đứng nằm không yên, hai chân cào đất, kêu rống, cong lưng cong đuôi mà rặn.

5. Điều trị

Hộ lý: để vật ở nơi yên tĩnh với tư thế đầu thấp đuôi cao.

Ước chế hiện tượng rặn bằng các phương pháp sau:

- Tiêm Atropin 3 – 5 ml.
 - Gây tê lõm khum đuôi bằng Novocain.
 - Với bò cho uống rượu trắng 500 – 650ml.
 - Ngựa tiêm Morphin 0,4gr hay cho uống Chloralhydrad 25 – 30gr.
- Ngoài ra, có thể dùng rễ cây gai sắc lên cho vật uống.

BỆNH ÂM ĐẠO LỘN RA NGOÀI

1. Khái niệm về bệnh

Đây là bệnh thường xuất hiện ở gia súc cái trong thời gian gia súc mang thai với đặc điểm là thành của âm đạo bị lộn trái trở lại và đẩy ra khỏi mép âm môn.

2. Nguyên nhân gây bệnh

Do con vật nằm lâu trên nền chuồng quá dốc về phía đuôi, cung và thai đè mạnh lên âm đạo.

Do thức ăn không đầy đủ, thiếu vi ta min B1 làm cho con vật bị phù, con vật bị suy dinh dưỡng hoặc các yếu tố khác làm sức khoẻ của con vật bị giảm sút.

Bào thai quá to hoặc quá nhiều thai, con mẹ nằm lâu trên nền chuồng quá dốc về phía đuôi càng làm cho áp lực xoang chậu tăng cao.

Gia súc đã đẻ quá nhiều lứa. Tổ chức dây chằng âm đạo bị giảm sút, không giữ nổi âm đạo ở vị trí bình thường.

Do kế phát từ một số bệnh nội khoa như chướng bụng đầy hơi, bội thực dạ cỏ, ỉa chảy, táo bón, con vật rặn mạnh kích thích cơ quan sinh dục co bóp tạo điều kiện cho âm đạo lộn ra ngoài.

3. Triệu chứng

Thể không hoàn toàn: Phần âm đạo lộn ra ngoài có thể to bằng nắm tay, quả cam hình quả lê, bắt chuối mầu hồng, bộ phận này chỉ nhìn thấy khi gia súc nằm xuống còn khi gia súc đứng lên và đi lại thì bộ phận trên sẽ thụt vào trong.

Thể hoàn toàn: Bộ phận âm đạo lộn ra ngoài to bằng quả bóng, quả bưởi. Nhìn rõ cổ tử cung và hiện tượng đóng nút ở cổ tử cung. Gia súc luôn cong lưng cong đuôi để rặn, đứng lên nằm xuống liên tục. Do sự cọ sát của đuôi và sự va chạm với ngoại cảnh, âm đạo sẽ bị xây xát, thể tích âm đạo ngày càng to ra, âm đạo bị viêm nhiễm khuẩn. Nếu để lâu không can thiệp kịp thời sẽ dẫn đến tình trạng cơ thể bị nhiễm trùng máu, mặt khác có thể sẽ đẻ non hoặc sảy thai.

4. Phương pháp điều trị

Cố định gia súc ở tư thế đầu thấp đuôi cao. Buộc đuôi con vật sang một bên, rửa sạch bộ phận âm đạo lộn ra ngoài bằng các dung dịch sát trùng ở nồng độ thích hợp như phèn chua 2%, Rivanol 0,1%, thuốc tím 0,1%, Tanin 2%, nước muối 5%, axit Boric 3%. Thắt những mạch máu bị vỡ (bằng chỉ ngoại khoa), bôi mỡ kháng sinh lên những chỗ bị tổn thương trên niêm mạc âm đạo. Bôi trơn âm đạo bằng dầu thực vật sau đó nhét âm đạo vào vị trí cũ. Khâu 2/3 phía trên mép âm môn bằng chỉ mềm bản to. Giữ nguyên trong 4–5 ngày cho đến khi gia súc không còn hiện tượng rặn và 2 bên mép âm môn có các nếp nhăn. Cần chú ý: nếu gia súc rặn mạnh có thể gây tê lõm khum – đuôi bằng dung dịch Novocain 3%.

BỆNH RẶN ĐỂ QUÁ YẾU

1. Khái niệm về bệnh

Đây là bệnh thường xảy ra trong thời gian gia súc sinh đẻ với đặc điểm là những cơn co bóp của tử cung, cơn rặn của con mẹ quá yếu, không đủ cường độ để đẩy bào thai ra ngoài.

2. Nguyên nhân

Bào thai quá to, dịch thai quá nhiều hay có nhiều thai, làm tử cung bị giãn quá độ, dẫn đến mất đàn tính, không co bóp được.

Do chế độ chăm sóc nuôi dưỡng gia súc trong thời gian có thai kém làm cho con mẹ bị suy dinh dưỡng, sức lực yếu, không đủ sức rặn.

Do lượng hormon kích đẻ Oxytocin của cơ thể tiết ra quá ít, làm cho tử cung co bóp không đủ cường độ đẩy bào thai ra ngoài.

Do chiều hướng tư thế của thai không bình thường.

3. Triệu chứng

Có thể ngay từ đầu và suốt trong quá trình sinh đẻ, con mẹ đều rặn yếu, các cơn rặn thưa thớt, khoảng cách giữa 2 lần rặn dài, thời gian sổ thai kéo dài, bào thai không được đẩy ra khỏi cơ thể mẹ.

Với trường hợp rặn đẻ quá yếu do tư thế chiều hướng của bào thai không bình thường thì lúc đầu các cơn rặn của con mẹ diễn ra một cách bình thường đúng quy luật nhưng sau đó sức rặn của con mẹ yếu dần

Cần lưu ý rằng sự khác biệt giữa bệnh rặn đẻ quá sớm và bệnh rặn đẻ quá yếu là ở chỗ các triệu chứng điển hình của cơ thể mẹ lúc gần đẻ chưa xuất hiện ở bệnh rặn đẻ quá sớm và đã xuất hiện đầy đủ ở bệnh rặn đẻ quá yếu.

4. Điều trị

Xoa bóp từ thành bụng xuống xoang chậu, buộc nước ấm vào thành bụng hoặc热敷 nước ấm 60°C vào âm đạo.

Dùng thuốc kích thích tử cung co bóp bằng cách tiêm Oxytocin 4 – 6 ml cho con mẹ.

Chú ý: Chỉ dùng thuốc khi cổ tử cung đã mở hoàn toàn, chiều hướng và tư thế của bào thai bình thường.

BỆNH SÁT NHAU

1. Khái niệm

Trong quá trình sinh đẻ bình thường, sau khi sổ thai một thời gian nhất định (phụ thuộc vào từng loài gia súc, trâu bò từ 4 – 6 giờ và không quá 12 giờ, ngựa 20 đến 60 phút, lợn từ 10 đến 60 phút sau khi sổ bào thai cuối cùng, dê cừu từ 30 phút đến 2 giờ), nhau thai con sẽ được đẩy ra ngoài. Nếu quá thời gian kể trên mà nhau thai con không được đẩy ra khỏi cơ thể mẹ thì gọi là bệnh sát nhau.

2. Nguyên nhân

Do sau khi đẻ xong sức rặn của con mẹ quá yếu, con mẹ kiệt sức, không còn đủ sức rặn để đẩy nhau thai con ra ngoài.

Do nhau thai mẹ và nhau thai con dính chặt vào nhau, thường thấy trong các trường hợp viêm màng thai. Riêng ở trâu, bò do cấu tạo núm nhau mẹ và núm nhau con liên kết với nhau theo hình thức cài răng lược rất chặt chẽ, chỉ cần một nguyên nhân nào đó làm giảm sức rặn của con mẹ sẽ dẫn đến sát nhau.

3. Triệu chứng

Quá thời gian quy định mà vẫn không thấy nhau thai được đẩy ra ngoài, ở trâu bò chỉ thấy có cuống nhau treo lòng thòng ở mép âm môn, con vật thỉnh thoảng cong lưng cong đuôi để rặn. Nếu để lâu không can thiệp, nhau thai sẽ bị phân huỷ, vi khuẩn xâm nhập gây viêm tử cung. Lúc này con vật sẽ có những triệu chứng cục bộ và toàn thân. Điển hình: sốt cao, bỏ ăn, chướng bụng đầy hơi, ngừng tiết sữa, từ cơ quan sinh dục luôn thải ra ngoài một hỗn dịch có mùi hôi thối khó chịu.

Đối với lợn: Bệnh ít xảy ra hơn so với trâu, bò, Lợn bị sát nhau thường có trạng thái không yên tĩnh, hơi đau đớn, nhiệt độ tăng, lợn thích uống nước, thỉnh thoảng rặn, từ cơ quan sinh dục luôn thải ra ngoài một hỗn dịch màu nâu.

4. Điều trị (Có 2 phương pháp điều trị)

a. Phương pháp bảo tồn

Rửa sạch bộ phận sinh dục bên ngoài bằng các dung dịch sát trùng nhẹ. Dùng dụng cụ thú y cắt bỏ những phần lòng thòng phía ngoài mép âm môn. Tiêm dưới da thuốc oxytocin 6 – 8ml cho gia súc lớn 2 – 3ml cho gia súc nhỏ để kích thích tử cung co bóp, đẩy nhau thai con ra ngoài. Đồng thời, hàng ngày

tiến hành thụt rửa cơ quan sinh dục bằng dung dịch sát trùng ở nồng độ thích hợp. Sau khi thụt rửa, kích thích cho các dung dịch sát trùng được đẩy ra ngoài hết, rồi đưa kháng sinh vào.

Cần chú ý: Phương pháp này thường sử dụng cho lợn; còn đối với trâu bò phải trước 24 giờ.

b. Phương pháp bóc nhau

Cố định gia súc ở nơi thoáng mát sạch sẽ. Rửa sạch bộ phận sinh dục bên ngoài bằng các dung dịch sát trùng nhẹ. Thụt vào tử cung 3 – 4 lít nước ấm pha muối nồng độ 3%. Một tay cầm cuống nhau kéo nhẹ, tay kia đưa thẳng vào cơ quan sinh dục, ngón trỏ và ngón giữa kẹp núm nhau mẹ, ngón cái xoa nhẹ lên trên bề mặt núm nhau mẹ để lật núm nhau con ra. Làm lần lượt từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong. Sau khi bóc xong, tiến hành thụt rửa lại tử cung bằng các dung dịch sát trùng, kích thích cho các dung dịch sát trùng ra ngoài hết và đưa kháng sinh vào.

Chú ý:

Khi bóc nhau phải phân biệt núm nhau mẹ và núm nhau con: núm nhau mẹ dày, hình nấm có chân đế (kẹp tay được) còn núm nhau con mỏng không có chân đế (không kẹp tay được).

Phân biệt chỗ bóc rồi và chỗ chưa bóc: chỗ bóc rồi sờ vào nháp như sờ vào cằm râu, chỗ chưa bóc sờ vào nhẵn bóng như sờ vào má trẻ thơ.

BỆNH TỬ CUNG LỘN BÍT TẮT

1. Khái niệm về bệnh

Đây là bệnh thường xuất hiện ở gia súc cái trong thời gian gia súc sinh đẻ với đặc điểm là thành của tử cung bị lõn trái trở lại và đẩy ra khỏi mép âm môn.

2. Nguyên nhân gây bệnh

Do trong thời gian có thai con vật ít được chăn thả, bị nuôi nhốt trong chuồng mà nền chuồng quá dốc về phía đuôi.

Do thức ăn không đầy đủ, thiếu vi ta min B1 làm cho con vật bị phù, con vật bị suy dinh dưỡng hoặc các yếu tố khác làm sức khỏe của con vật bị giảm sút.

Bào thai quá to hoặc quá nhiều thai, phù thũng màng thai làm cho tử cung bị nhão.

Đường sinh dục bị khô mà gia súc rặn quá mạnh hay do người đỡ đẻ kéo thai quá nhanh.

Do sử dụng quá liều thuốc kích đẻ.

3. Triệu chứng

Bộ phận tử cung lõn ra ngoài to bằng quả bóng, cái xô; nhìn rõ hệ thống nhau thai mẹ. ở trâu bò trông giống như ổ trứng gà có chỗ còn dính cả núm nhau con. ở lợn nhìn giống khúc ruột già nhìn thấy nhiều gai thịt trên niêm mạc tử cung. Gia súc luôn cong lưng, cong đuôi để rặn, đứng lên nằm xuống liên tục. Do sự cọ sát của đuôi và sự va chạm với ngoại cảnh, tử cung sẽ bị xây sát, thể tích ngày càng to ra, tử cung bị viêm nhiễm khuẩn. Nếu để lâu không can thiệp kịp thời sẽ dẫn đến tình trạng cơ thể bị nhiễm trùng máu, gây tử vong cho gia súc mẹ.

4. Phương pháp điều trị

Cố định gia súc ở tư thế đầu thấp đuôi cao. Buộc đuôi con vật sang một bên. Rửa sạch bộ phận tử cung lõn ra ngoài bằng các dung dịch sát trùng ở nồng độ thích hợp như phèn chua 2%, Rivanol 0,1%, thuốc tím 0,1%, Tanin 2%, nước muối 5%, axít Boric 3%. Bóc hết những núm nhau con còn dính lại trên niêm mạc tử cung. Thắt những mạch máu bị vỡ bằng chỉ ngoại khoa, bôi mỡ kháng sinh lên những chỗ bị tổn thương trên niêm mạc tử cung, bôi trơn âm đạo tử cung bằng dầu thực vật. Nhét tử cung vào vị trí cũ. Khâu 2/3 phía trên mép âm môn bằng chỉ mềm bản to. Giữ nguyên trong 4 – 5 ngày cho đến khi gia súc không còn hiện tượng rặn và 2 bên mép âm môn có các nếp nhăn. Cần chú ý nếu gia súc rặn mạnh, có thể gây tê lõm khum đuôi bằng dung dịch Novocain 3%.

BỆNH VIÊM TỬ CUNG

1. Khái niệm về bệnh

Đây là quá trình bệnh lý thường xảy ra ở gia súc cái sinh sản nói chung và lợn nái sinh sản nói riêng, bệnh thường xảy ra trong thời gian sau khi đẻ. Đặc điểm của bệnh là quá trình viêm làm phá huỷ tế bào tổ chức ở các lớp (các tầng) của tử cung, gây hiện tượng rối loạn sinh sản, làm ảnh hưởng lớn (thậm chí làm mất) khả năng sinh sản của gia súc cái.

2. Nguyên nhân

Do trong quá trình sinh đẻ, đặc biệt các trường hợp đẻ khó, phải can thiệp bằng tay hay dụng cụ, làm xây sát niêm mạc đường sinh dục cái.

Do kế phát từ một số bệnh, như sạt nhau không can thiệp kịp thời làm cho nhau thai bị phân huỷ thối rữa trong tử cung, gây hiện tượng nhiễm trùng tử cung.

Do công tác vệ sinh trước, trong và sau khi đẻ không đảm bảo như nơi sinh, nền chuồng, dụng cụ đỡ đẻ không vô trùng.

Tất cả những nguyên nhân trên tạo điều kiện cho các tập đoàn vi khuẩn xâm nhập từ bên ngoài vào tử cung, vào những vết trầy xước của niêm mạc tử cung. Chúng sinh sôi nảy nở tăng cường về số lượng và độc lực gây viêm. Các vi khuẩn thường gặp rong bệnh viêm tử cung là Streptococcus, Staphylococcus, E.coli .v.v...

3. Phân loại các thể viêm tử cung

Tuỳ vào vị trí tác động của quá trình viêm đối với tử cung, người ta chia ra 3 thể viêm khác nhau:

a. Viêm nội mạc tử cung

Đó là quá trình viêm xảy ra ở trong lớp niêm mạc của tử cung. Đây là thể viêm nhẹ nhất trong các thể viêm tử cung.

b. Viêm cơ tử cung

Đó là quá trình viêm xảy ra ở lớp cơ tử cung, có nghĩa là quá trình viêm đã xuyên qua lớp niêm mạc của tử cung đi vào phá huỷ tầng giữa (lớp cơ vòng và cơ dọc của tử cung). Đây là thể viêm tương đối nặng trong các thể viêm tử cung.

c. Viêm tương mạc tử cung

Đó là quá trình viêm xảy ra ở lớp ngoài cùng (lớp tương mạc của tử cung).

Đây là thể viêm nặng nhất và khó điều trị nhất trong các thể viêm tử cung.

Để chẩn đoán phân biệt các thể viêm tử cung, người ta dựa vào những triệu chứng điển hình ở cục bộ và toàn thân. Việc chẩn đoán phân biệt các thể viêm tử cung có ý nghĩa quan trọng trong việc áp dụng những phác đồ điều trị thích hợp với từng thể viêm, nhằm đạt kết quả điều trị cao: thời gian điều trị ngắn, chi phí cho điều trị thấp; đặc biệt là đảm bảo khả năng sinh sản cho gia súc cái nói chung và lợn nái sinh sản nói riêng sau khi khỏi bệnh.

4. Chẩn đoán phân biệt các thể viêm tử cung

Các triệu chứng	Viêm nội mạc	Viêm cơ	Viêm tương mạc
Sốt (°C)	Sốt nhẹ 38,5 – 39,5	Sốt cao 39,5 – 40,5	Sốt rất cao 40,5 – 41,5
Dịch viêm: – Màu – Mùi	Trắng, xám Tanh	Hồng, nâu đỏ Tanh thối	Nâu rỉ sắt Thối khắm
Phản ứng đau	Đau nhẹ	Đau rõ	Rất đau kèm theo triệu chứng viêm phúc mạc
Phương pháp điều trị	1 hoặc 2	3 hoặc 4	3 hoặc 4

5. Các phương pháp điều trị bệnh viêm tử cung

Phương pháp 1

Thụt rửa tử cung bằng dung dịch Rivanol 0,1% hay thuốc tím 0,1%, ngày 1 lần. Sau khi thụt rửa, đợi cho dung dịch thụt rửa được đẩy hết ra ngoài, dùng Neomycin 12mg/kg thể trọng thụt vào tử cung, ngày 1 lần, liệu trình điều trị từ 3 – 5 ngày.

Phương pháp 2

Dùng PGF2a hay các dẫn xuất của nó tiêm dưới da 2ml (25mg), tiêm 1 lần, sau đó thụt vào tử cung 200ml dung dịch Lugol, thụt ngày 1 lần, liệu trình điều trị từ 3 – 5 ngày.

Phương pháp 3

Oxytoxin 6ml tiêm dưới da, Lugol 200ml, thụt tử cung, Ampicillin 3 – 5gr tiêm bắp hay tĩnh mạch tại, ngày 1 lần, liệu trình điều trị từ 3 – 5 ngày. Có thể dùng Neomycin 12mg/kg thể trọng, thụt tử cung, nhưng không dùng chung với Lugol.

Phương pháp 4

Dùng PGF2 α hay các dẫn xuất của nó tiêm dưới da 2ml (25mg) tiêm 1 lần, Lugol 200ml, Ampicillin 3 – 5gr tiêm bắp hay tĩnh mạch tai, ngày 1 lần, liệu trình điều trị từ 3 – 5 ngày. Có thể dùng Neomycin 12mg/kg thể trọng, thụt tử cung, nhưng không dùng chung với Lugol, vì Lugol sẽ phá huỷ Neomycin.

Lưu ý:

Phương pháp 1 chỉ dùng điều trị bệnh viêm nội mạc tử cung; các thể viêm khác như viêm cơ hay viêm tương mạc tử cung thì không dùng vì lúc này sự co bóp của tử cung rất yếu (hoặc bị mất hoàn toàn). Nếu thụt rửa, dung dịch thụt rửa và các chất bẩn không được đẩy hết ra ngoài, nó sẽ tích lại tại các vết loét sâu trên thành tử cung, làm cho bệnh càng nặng thêm, đặc biệt là dễ dẫn tới tình trạng rối loạn sinh sản. Các công trình nghiên cứu đã chứng minh được rằng phương pháp dùng PGF2 α điều trị bệnh viêm tử cung cho kết quả điều trị cao thời gian điều trị ngắn, gia súc cái chóng hồi phục khả năng sinh sản; bởi vì PGF2 α tạo ra những cơn co bóp nhẹ nhàng đẩy hết các dịch viêm và chất bẩn ra ngoài. Đồng thời, PGF2 α có tác dụng làm nhanh chóng hồi phục cơ tử cung. Ngoài ra, PGF2 α còn có tác dụng phá vỡ thể vàng, kích thích nang trứng phát triển, làm gia súc cái động dục trở lại, Lugol có chứa nguyên tố Iod có tác dụng sát trùng đồng thời thông qua niêm mạc tử cung cơ thể hấp thu được nguyên tố Iod có tác dụng kích thích cơ tử cung hồi phục nhanh chóng và giúp cho buồng trứng hoạt động, noãn bao phát triển, làm xuất hiện lại chu kỳ động dục.

PHẦN 10: KỸ THUẬT CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG MÈO

I. Một số giống mèo thông thường đang được nuôi trong cộng đồng

Mèo mướp: là giống mèo có màu lông xám, trên đầu và thân có các sọc màu đen.

Mèo vàng là giống mèo có lông chủ yếu màu vàng, trên đầu và thân có các vân màu đen, xám.

Mèo đen là giống mèo có màu lông đen tuyền.



Mèo mướp



Mèo vàng



Mèo đen



Mèo trắng

Mèo trắng là giống mèo có lông chủ yếu màu trắng hoặc trắng tuyền.

Mèo tam thể là giống mèo có lông nhiều màu (ít nhất là 3 màu).



Mèo tam thể



Mèo tam thể

2. Chọn mèo giống

Một con mèo khỏe mạnh cần phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

Dáng đi nhanh nhẹn, lông mượt, mắt sáng, xung quanh miệng và vành mắt sạch sẽ không có rỉ bẩn. Dùng tay nắm da gáy mèo nhấc lên khỏi mặt đất thấy hai chân sau và đuôi quật về phía trước bụng. Đối với mèo còn nhỏ trước 35 ngày tuổi để biết được giới tính của mèo, ta nhìn vào phía sau dưới hậu môn nếu có 3 chấm đen (tính cả hậu môn) đó là mèo đực, 2 chấm đen đó là mèo cái.

3. Chăm sóc, nuôi dưỡng mèo

Làm quen và cố định mèo: Khi mới mang mèo về nhà phải buộc dây cố định. Dây buộc vào cổ mèo sao cho nút buộc dễ cởi nhưng lại là nút chết để không làm mèo nghẹn cổ. Dây buộc dài khoảng 80 – 100cm. Cột mèo vào cọc gỗ hay cọc sắt ở chỗ sạch sẽ không có vật cản như chân bàn, chân ghế, chạn đựng thức ăn để tránh mèo bị cuốn dây làm nghẹn thở. Dùng hộp các tông thành thấp, độn vải mềm, rồi để cạnh nơi buộc mèo làm ổ cho mèo. Cần chú ý thường xuyên quan sát và thay đệm lót cho mèo. Thời gian cố định khoảng 3 ngày là mèo con quen nhà, có thể thả mèo tự do. Cách dạy mèo đi vệ sinh: dùng chậu nhựa hoặc hộp các tông thành thấp, cho sỉ than hay cát vào rồi để cạnh nơi buộc mèo, theo bản năng, mèo sẽ đi vệ sinh vào đó. Chú ý phải thường xuyên thay sỉ than hay cát, không để lưu



Buộc dây khoanh có thắt nút sẵn vào cổ mèo

cửu bản thủ. Thức ăn của mèo chủ yếu là cơm, cá, thịt và rau. Cần chú ý rằng ở lứa tuổi còn non, mèo con rất cần thức ăn nhiều đạm; do đó phải thường xuyên có cá làm thức ăn cho mèo. Cá nên nướng hay kho. Chú ý không cho mèo ăn mặn.

4. Phát hiện mèo cái động dục

Khi mèo cái nuôi được khoảng 6 tháng sẽ bắt đầu động dục. Khi động dục mèo phát ra tiếng kêu gọi đực, âm thanh phát ra rõ rệt nhất về ban đêm thanh vắng. Thời gian mèo động dục khoảng 3 đến 4 ngày. Thời gian chịu đực khoảng ngày thứ 3. Mèo cái được càng nhiều mèo đực phối càng tốt vì như vậy màu sắc lông của đàn con sẽ đẹp hơn và sức sống của mèo con cao hơn.

5. Chăm sóc mèo đẻ

Mèo cái chữa 58 đến 62 ngày (2 tháng) sẽ đẻ. Khi chuẩn bị đẻ mèo mẹ có những biểu hiện sau: Mèo mẹ tìm ổ đẻ, có hiện tượng sệ bụng rõ rệt, mèo mẹ đi lại chậm chạp thận trọng, bộ phận sinh dục bên ngoài sưng to và nhào ra, bầu vú căng to, vắt có sữa đầu màu trắng đặc sánh chảy ra. Khi thấy mèo mẹ có hiện tượng biểu hiện sắp đẻ, ta phải làm ổ cho mèo đẻ. Ổ đẻ được làm bằng hộp các tông hoặc chậu nhựa có đệm lót bằng vải mềm và phải để ở nơi kín đáo sạch sẽ, yên tĩnh, ít người qua lại. Để cho mèo mẹ tự đẻ, tự liếm và cắn rốn con. Chỉ can thiệp khi thực sự cần thiết. Tuyệt đối không cho người lạ qua lại chỗ mèo đẻ vì nếu có người lạ xuất hiện sẽ gây kích thích cho mèo mẹ (dân gian thường gọi là phải vía) mèo mẹ sẽ tha con đi nơi khác, thậm chí cắn chết con.

6. Chăm sóc mèo con

Mèo con mới đẻ mắt hoàn toàn nhắm. Mèo con có khả năng tự tìm vú mẹ thông qua khứu giác và mèo mẹ đảm nhiệm việc dọn vệ sinh cho mèo con trong suốt thời gian bú sữa. Thức ăn chủ yếu của mèo con là sữa mẹ; do đó trong thời gian nuôi con cần chăm sóc nuôi dưỡng mèo mẹ chu đáo. Cho mèo mẹ ăn 3 – 4 bữa trong ngày bằng thức ăn giàu dinh dưỡng như thịt, cá, rau. Nếu thấy mèo mẹ ít sữa, mèo con bị đói và luôn mồm kêu thì có thể dùng sữa bò pha với nước ấm cho mèo mẹ uống thêm nhằm tăng thêm lượng sữa nuôi con. Khoảng ngày thứ 13 tính từ lúc sinh, mèo con bắt đầu mở mắt. Khoảng ngày thứ 35 có thể tập cho mèo con ăn bằng bột hay cơm nhão. Sau 45 ngày tuổi, khi mèo con đã tự ăn được cơm, thì ta tách mẹ.

7. Phương pháp cho mèo uống thuốc

Cho mèo uống thuốc trong các trường hợp mèo bị bệnh: để cho mèo uống thuốc cần phải làm như sau: Cho mèo vào một túi vải mềm, chắc, hoặc dùng một khăn bông dày, mềm, cuộn mèo lại để đầu mèo thò ra ngoài, một người giữ chặt 4 chân mèo, người khác dùng tay nắm da gáy mèo kéo ngửa về phía sau rồi dùng bơm tiêm nhựa đưa qua mép vào miệng và bơm nhẹ nhàng thuốc vào miệng mèo. Kỹ thuật này cũng có thể áp dụng trong trường hợp cho mèo con uống sữa khi cần thiết.



Cách cho mèo uống thuốc

8. Phương pháp tiêm cho mèo

Tiêm cho mèo dùng trong các trường hợp mèo bị bệnh hoặc tiêm phòng vắc xin. Để tiêm cho mèo, cần phải làm như sau: Cho mèo vào một túi vải mềm chắc hoặc dùng một khăn bông dày mềm cuộn mèo lại để đầu mèo quay vào phía trong, 2 chân sau thò ra ngoài. Một người dùng tay nắm da gáy mèo cố định chặt đầu mèo và 2 chân trước của mèo, người khác kéo 2 chân sau của mèo để lộ phần sau lưng rồi dùng bơm tiêm nhựa cùng kim tiêm cắm vào vùng cơ lưng mèo, bơm nhẹ nhàng thuốc vào.



Cách tiêm cho mèo

LỜI NGỎ!



Ts. Bs. Nguyễn Hữu Vũ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Giám đốc Công ty

Công ty cổ phần Dược và vật tư thú y (HANVET) thành lập ngày 01.10.1988, là doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện cổ phần hoá.

Hơn 15 năm xây dựng và phát triển đến nay Công ty HANVET đã vững mạnh và là doanh nghiệp sản xuất thuốc thú y lớn nhất ở phía Bắc. Với đội ngũ chuyên gia là các giáo sư, tiến sĩ, dược sĩ, bác sĩ thú y giỏi, chuyên sâu, những công nhân tay nghề cao và hệ thống thiết bị máy móc hiện đại, quy trình công nghệ tiên tiến, HANVET luôn nghiên cứu đưa ra thị trường những sản phẩm độc đáo, công nghệ cao đem lại hiệu quả thiết thực cho người chăn nuôi.

Nguyên liệu dùng trong sản xuất được chọn lọc từ các công ty quốc tế, có uy tín trên thế giới.

Công ty hiện sản xuất và lưu hành hơn 150 sản phẩm trên toàn quốc với nhiều chủng loại, trong đó rất nhiều sản phẩm công nghệ cao, chế phẩm sinh học có thể thay thế hàng ngoại nhập như: Han - Prost, Hanoxylin LA, Hanmolin LA, Hamcoli - S, Hantox, Handertil - B, Hanmectin, Gonaestrol, Anti - Gumboro, Hancipro, Hanlopatol... Đặc biệt HANVET tự hào trong lĩnh vực nghiên cứu và sản xuất chế phẩm sinh học với hiệu quả kỳ diệu trong phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm đó là các chế phẩm độc đáo: Kháng thể Gumboro (HANVET K.T.G), kháng thể viêm gan siêu vi trùng vịt ngan (HANVET K.T.V), kháng thể E.coli (HANVET K.T.E).

Trong khuôn khổ cuốn sách này, chúng tôi chỉ đưa vào đây các sản phẩm nổi bật chất lượng, hiệu quả kinh tế cao trong phòng và trị bệnh cho gia súc, gia cầm và đặc biệt có một số sản phẩm là các chế phẩm sinh học đảm bảo an toàn cho người sử dụng, vật nuôi nhưng giá thành thấp mà hiệu quả rất cao.

Nỗ lực không ngừng, năm 2003 HANVET là doanh nghiệp sản xuất thuốc thú y đầu tiên ở phía Bắc được Tổ chức Quốc tế JAS-ANZ chứng nhận HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐẠT TIÊU CHUẨN ISO 9001:2000. Ngoài ra, Công ty HANVET còn được Bộ Nông nghiệp và PTNT trao **10 giải thưởng Bông lúa vàng** trong đó: 1 giải tập thể nghiên cứu khoa học và 9 giải cho 09 sản phẩm độc đáo, chất lượng cao.

Đây là cuốn sách có giá trị thực tiễn, giúp các các học viên, người chăn nuôi hiểu biết thêm về cách phòng và trị một số bệnh ở gia súc, gia cầm. Trong điều kiện còn nhiều hạn chế, chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp và sự thông cảm của các bạn đồng nghiệp.

TS.BS Nguyễn Hữu Vũ

PHẦN 11: MỘT SỐ THUỐC THÚ Y THƯỜNG DÙNG

CÁCH SỬ DỤNG VÀ TÁC DỤNG ĐIỀU TRỊ CỦA MỘT SỐ LOẠI THUỐC THÔNG DỤNG

THUỐC KHÁNG SINH

Tên thuốc: SPECTINOMYCIN 5%

Dạng thuốc: Uống phòng và trị tiêu chảy ở gia súc.

Tác dụng: Đặc trị và phòng bệnh: Viêm ruột - ỉa chảy, ỉa phân trắng, nhiễm E. coli huyết ở lợn con theo mẹ, bệnh phù mắt ở lợn con trước và sau cai sữa. Chữa các chứng lỵ - ỉa chảy nói chung ở gia súc non.

Cách dùng: Cho lợn con uống hay nhỏ vào miệng (25 giọt = 1 ml).



Liều lượng: Phòng: 3 ml/con. Chữa: 2 ml/4 kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 10 ml.

Tên thuốc: AMPI - KANA

Dạng thuốc: Thuốc bột pha tiêm.

Tác dụng: - Chữa bệnh đóng dấu, nhiệt thán, thương hàn, phó thương hàn, hô hấp mãn tính, sổ mũi ở gia cầm; bệnh do tụ cầu gây bệnh lở loét, mụn, nhọt, viêm màng não, tụ huyết trùng.

Cách dùng: Tiêm bắp, dưới da.



Liều lượng: Trâu, bò: 10 mg/kg thể trọng. Lợn, dê: 15 mg/kg thể trọng.

Gia cầm: 20 mg/kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 1 gram.

Tên thuốc: TOI GÀ VỊT

Dạng thuốc: Bột.

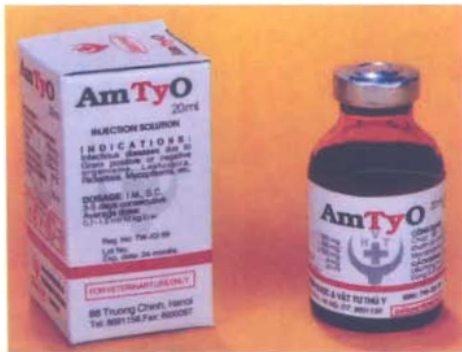
Bao gói: Gói 50 gram.

Tác dụng: Dùng phòng trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+), Gr(-) gây ra cho gia cầm: chứng lòng đỏ không tiêu, tụ huyết trùng (mào tím, tích sưng to), tiêu chảy, phân xanh, phân trắng hay mầu cà phê.

Cách dùng: Trộn với thức ăn.



Liều lượng: Liều trị: 1 gói cho 100 gà, vịt con 1 tuần tuổi/ngày. Ăn 3 ngày liên tục. Gà thịt 1 - 2kg dùng 1 gói/25 - 50 con. Gia cầm >3kg 1 gói/15 - 20con. Liều phòng bằng 1/2 liều trị.



Tên thuốc: AMTYO

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm (SĐK: TW - X2 - 99).

Tác dụng: Đặc trị các bệnh do xoắn khuẩn: Bệnh nghé (Leptospirosis), bệnh hồng lỵ ở lợn do Treponema. Suyễn, tụ huyết trùng, viêm phổi - phế, màng phổi. Viêm đường tiêu hoá do vi khuẩn yếm khí, ỉa chảy, kiết lỵ. Nhiễm khuẩn máu, chứng sốt cao không rõ nguyên nhân.

Cách dùng: Tiêm bắp, dưới da.

Liều lượng: Trâu, bò: 7 - 8 ml/100kg thể trọng.

Lợn, dê, bê, nghé: 1 - 1,5 ml/10 kg thể trọng.

Lợn con: 1,5 - 2 ml/10 kg thể trọng.

Chó, mèo: 1 - 1,5 ml/10 kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 20 ml - 100 ml



Tên thuốc: TOI THƯƠNG HÀN

Dạng thuốc: Bột

Bao gói: Lon 100 gram

Tác dụng: Dùng phòng trị các loại bệnh do vi khuẩn Gr(+), Gr(-) gây ra cho gia súc, gia cầm: hội chứng tiêu chảy nhiễm khuẩn, tiêu chảy phân vàng, xanh, trắng hay mầu cà phê, bệnh viêm đường hô hấp.

Cách dùng: Trộn với thức ăn.

Liều lượng: Liều trị: cho lợn 100 gram/ 150 - 200kg thể trọng. Gia cầm: 100 gram/100 - 150 kg thể trọng. Ăn 3 ngày liên tục. Liều phòng bằng 1/2 liều trị.



Tên thuốc: COLIDOX - PLUS

Dạng thuốc: Thuốc bột uống.

Tác dụng: Gia cầm: CRD, CRD kết hợp, viêm xoang, thở khò khè, khẹt. Bệnh sổ mũi (coryza), viêm túi khí, vẩy mủ ở ngan, vịt; Viêm ruột - ỉa chảy, bạch lỵ, phân xanh, ỉa ra máu, tụ huyết trùng, thương hàn.

- Gia súc: Viêm đường hô hấp, viêm ruột - ỉa chảy, lỵ phân trắng, lẫn máu; tụ huyết trùng, nhiễm khuẩn máu.

Cách dùng: Pha thuốc với nước uống hoặc trộn thức ăn.

Gia cầm: - Liều chữa: 1g/2 lít nước uống hoặc 1kg thức ăn.

- Liều phòng: 1/2 liều chữa.

Gia súc:

Lợn: 0,5 - 1 g/10kg thể trọng.

Bê, nghé: 2 - 3 g/50kg thể trọng.

Trâu, bò: 3 - 5g/50kg thể trọng. (Dùng 3 - 5 ngày)

Bao gói:

Gói 20 gram.



Tên thuốc: ĐẶC TRỊ TIÊU CHẢY CHÓ MÈO

Dạng thuốc: Bột.

Tác dụng: Dùng phòng trị các loại bệnh do vi khuẩn Gr(+), Gr(-) gây ra. Đặc biệt các vi khuẩn gây bệnh ở đường tiêu hoá, gây hội chứng tiêu chảy nhiễm khuẩn, (phân lẫn máu), viêm miệng, mũi và tuyến nước bọt, bệnh ở đường sinh dục của khuyển cảnh.

Cách dùng: Trộn với thức ăn hay hoà nước cho uống.

Liều lượng: Liều trị trong ngày: Với chó dùng 1gr/4kg thể trọng. Mèo dùng 1gr/2kg thể trọng.

Bao gói: Gói 10 gram.



Tên thuốc: HANCOTMIX-FORTE

Dạng thuốc: Thuốc bột uống đặc trị bệnh ở đường tiêu hóa

Tác dụng: *Gia cầm:* Chủ trị bệnh bạch ly, phân xanh, phân lẫn máu do cầu trùng, CRD kết hợp, tụ huyết trùng, thương hàn.

- *Gia súc:* Phân trắng, nhiễm độc bại huyết do E. coli, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm phế quản.

Cách dùng: *Gia cầm:* 0,5 - 1,5g/lít nước uống hoặc 1,5-2,5 g/kg thức ăn.

Lợn: 5 - 10g/lít nước uống hoặc 0,5 kg thức ăn.

Bao gói: Gói 20gram; 50gram; 100gram.



Tên thuốc: CRD - STOP

Dạng thuốc: Thuốc bột uống đặc trị bệnh ở đường hô hấp.

Tác dụng: Chữa các bệnh CRD, CRD kết hợp, khạc, vầy mủ, khô khè, viêm xoang mũi, sưng đầu ở gia cầm. Đặc trị các hội chứng viêm nhiễm đường hô hấp ở gia súc: Suyễn lợn, viêm phổi, màng phổi, khí quản. Chữa các bệnh đường tiêu hoá, bại huyết kể phát.

Cách dùng: Pha thuốc với nước uống hoặc trộn thức ăn.

Liều lượng: Gia cầm: - Chữa bệnh: 2 g/lít nước. Phòng bệnh: 0,5 - 1 g/lít nước.
Gia súc: 1 g/10 kg thể trọng.

Bao gói: Gói 20 gram.



Tên thuốc: **ENTEROSEPTOL**

Dạng thuốc: Thuốc bột uống đặc trị bệnh ở đường tiêu hóa.

Tác dụng: Đặc trị ỉa chảy ra máu; Kiết lỵ, hồng lỵ, viêm ruột, bạch lỵ, thương hàn, tụ huyết trùng, phân vàng, phân xanh, phân lẫn máu, lợn con ỉa phân trắng. Chữa các bệnh tụ huyết trùng, CRD, viêm phổi, phế quản, nhiễm trùng huyết, bội nhiễm khi mắc các bệnh do siêu vi trùng...

Cách dùng: Pha nước hay trộn thức ăn.

Liều lượng: Gia cầm: 1 g/1,5 - 2 kg thể trọng.

Lợn: 1 g/6 - 8 kg thể trọng. Bê, nghé: 1 g/10 kg thể trọng.

Bao gói: Gói 10 gram.



Tên thuốc: **GENORFCOLI®**

Tác dụng: Chuyên trị viêm ruột - ỉa chảy: Phân trắng, phân xanh, phân vàng, phân lẫn máu, phân lẫn nhầy, thương hàn, phó thương hàn.

Bệnh sưng phù đầu lợn, tụ huyết trùng, viêm đường hô hấp, CRD, CRD kết hợp.

Cách dùng:

Genorfcoli: Dung dịch tiêm

Tiêm bắp thịt: Gia súc: 1 ml/7 - 10 kg thể trọng. Lợn con: 1 ml/4 - 5 kg thể trọng. Gia cầm: 1 ml/3 - 5 kg thể trọng.

Genorfcoli: Thuốc bột uống - Pha nước uống hoặc trộn thức ăn.

Gia súc: 1 - 2 g/10kg thể trọng. Gia cầm: 1,5 - 3 g/10kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 10 ml; 20 ml; 100 ml. Gói 10g; 100g.



Tên thuốc: **GENTA - COSTRIM**

Dạng thuốc: Thuốc bột uống đặc trị bệnh ở đường tiêu hóa

Tác dụng:

Gia cầm: Chữa các bệnh viêm ruột - ỉa chảy, phân trắng, phân xanh, phân lẫn máu do cầu trùng, CRD, khô khè, vẩy mủ, sưng đầu, tụ huyết trùng, thương hàn.

Gia súc: Các bệnh nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, tiết niệu - sinh dục, viêm vú.

Cách dùng: Pha nước uống hay trộn thức ăn.

Phòng bệnh: 1 g/20 kg thể trọng.

Chữa bệnh: 1 g/10 kg thể trọng.

Bao gói: Gói 10gram; 50gram.



Tên thuốc: GENTAMICIN 4%

Tác dụng: Viêm phổi, màng phổi, phế quản; viêm đường tiết niệu - sinh dục, viêm thận, tử cung - âm đạo, viêm vú, bại huyết.

- Bệnh tụ huyết trùng, đóng dấu, tiêu chảy do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Cách dùng: Tiêm bắp thịt, dưới da.

Trâu, bò: 6 - 8 ml/100 kg thể trọng.

Lợn, chó: 4 - 6 ml/50 kg thể trọng.

Gia cầm: 1 ml/3 kg thể trọng.

Bao gói: Ống 5ml. Lọ 5ml; 20ml; 100ml.



Tên thuốc: GENTA - TYLO

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm dùng cho chó, mèo.

Tác dụng: Viêm phổi, viêm ruột - ỉa chảy, viêm đường tiết niệu - sinh dục, bệnh vàng da (nghệ), loét da do vi khuẩn. Phòng bội nhiễm một số bệnh do virus: Carre, Parvovirus...

Cách dùng: Tiêm bắp thịt: 1 ml/3 - 5 kg TT liên tục 3 - 5 ngày

Bao gói: Lọ 10 ml.



Tên thuốc: HAMCOLI - FORTE

Dạng thuốc: Thuốc bột uống đặc trị bệnh ở đường tiêu hóa.

Tác dụng: Chủ trị và phòng bệnh nhiễm khuẩn: Bạch lỵ, phân xanh, phân trắng, phân lẫn máu, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột, phòng và chống các bệnh kế phát bội nhiễm khi mắc các bệnh do virus.

Cách dùng: Hoà nước uống hay trộn thức ăn.

Gia súc: 50 g/20 kg thức ăn.

Gia cầm: 5 g/5 lít nước.

Phòng bệnh: 1/2 liều chữa.

Bao gói: Gói 10gram; 50gram và 100 gram.



Tên thuốc: HAMCOLI - S

Dạng thuốc: Hỗn dịch kháng sinh tiêm hoạt phổ rộng

Tác dụng: HAMCOLI - S là hỗn dịch tiêm vô trùng, có tác dụng hiệp đồng của Amoxycillin và Colistin tạo cho chế phẩm có phổ tác dụng rộng. Thuốc hấp thụ nhanh, đạt nồng độ diệt khuẩn trong máu cao và kéo dài đến 24 giờ. Thuốc được tác dụng: Các bệnh viêm ruột - ỉa chảy: Phân trắng, phân xanh, phân lẫn máu; viêm ruột, thương hàn, phó thương hàn, phù thũng sau cai sữa... Bệnh viêm phổi, màng phổi, phế quản, tụ huyết trùng, đóng dấu... Hội chứng viêm vú - dạ con - mất sữa (MMA), nhiễm khuẩn đường tiết niệu -

sinh dục.

Cách dùng: Tiêm bắp thịt (I.M.), dưới da (S.C.) hoặc trong phúc mạc (I.P.)

Liều trung bình: 1 ml/10 kg TT, mỗi ngày 1 lần, liên tục 3 ngày.

Chú ý: Lắc kỹ trước khi lấy thuốc vào bơm tiêm.

Dùng kim tiêm có 9,12,16.

Không dùng cho gia súc chữa

Thời gian ngưng thuốc: Thịt: 14 ngày, sữa: 3 ngày.

Bao gói: Đóng lọ 20 ml, 50 ml hay chai 100 ml.

Tên thuốc: HAN - D.O.CLOR (NEODEXIN)

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm.

Tác dụng: Chuyên chữa các bệnh viêm phổi, phế quản, viêm ruột - ỉa chảy.

- Đặc trị bệnh nghệt Leptospira ở lợn, chó.
- Chữa viêm vú, tử cung, dạ con, bệnh ngoài da, mụn nhọt có mủ.
- Các bệnh sốt không rõ nguyên nhân.

Cách dùng: Tiêm bắp, dưới da, phúc mạc.

Đại gia súc: 1 ml/10 kg thể trọng.

Tiểu gia súc: 1 ml/7 - 8 kg thể trọng.

Gia cầm: 1 ml/5 kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 20ml; 100ml.





Tên thuốc: HANOXYLIN® L.A

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm

Tác dụng: Chỉ cần một liều tiêm của Hanoxylin® LA có tác dụng kéo dài tương đương với 3 liều tiêm bắp của Oxytetracyclin thông thường.

- Ỉa chảy do E.Coli, Salmonella: Phân trắng, phân vàng, phân xanh, phổ thương hàn, thương hàn.

- Đặc trị bệnh suyễn, CRD, viêm phổi, leptospirosis (bệnh nghé), bệnh truyền nhiễm (Anaplasmosis), tụ huyết trùng, đốm máu, viêm vú, viêm dạ con, hội chứng viêm dạ con - vú - mất sữa MMA ở lợn nái.

Cách dùng: Thuốc tác dụng kéo dài 3 - 5 ngày.

Gia súc: Tiêm sâu bắp thịt 1 ml/10 kg thể trọng.

Gia cầm: Tiêm dưới da sau gáy 0,25 ml/kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 20ml; 100ml.

Tên thuốc: HANTRIL

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm, uống.

Tác dụng: Chữa bệnh viêm nhiễm đường dạ dày - ruột, hô hấp, niệu - dục: Ỉa chảy phân trắng, phân xanh, phân vàng, tụ huyết trùng, thương hàn, phó thương hàn. Viêm phổi, suyễn, CRD, CRD kết hợp ỉa chảy, khạc, vẩy mủ, sưng đầu.

Cách dùng:

Hantril - 50: Tiêm bắp, dưới da. Trâu, bò: 0,8 - 1 ml/10 kg thể trọng. Lợn: 1 - 1,5 ml/10 kg thể trọng. Gia cầm: 0,2 ml/kg thể trọng.

Hantril - 100: Cho uống hoặc nhỏ vào miệng. Liều trung bình 12 mg/kg thể trọng. (25 giọt=1 ml).

Gia cầm: 1 ml/1 - 2 lít nước. Lợn: 1 - 2 ml/10 kg thể trọng.

Nếu bệnh nặng dùng liều gấp đôi.

Bao gói: Lọ 10ml; 20ml và 100ml.

Tên thuốc: KANAMYCIN 10%

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm.

Tác dụng: Chuyên chữa viêm ruột - ỉa chảy, nhiễm trùng máu, viêm khớp, viêm vú, viêm nhiễm đường hô hấp, lao, suyễn, tụ huyết trùng, nhiễm khuẩn sau phẫu thuật. Các bệnh lở loét, mụn, nhọt, viêm có mủ.

Cách dùng: Tiêm bắp, dưới da.

Trâu, bò, ngựa: 2,5 ml/100 kg thể trọng.

Lợn: 2,5ml/50 kg thể trọng.



Chó, gia cầm: 0,1ml/kg thể trọng.

Bao gói: Ống 5ml; Lọ 10ml; 20ml và 100ml.



Tên thuốc: K.C.N.D

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm

Tác dụng: Gia cầm: Bạch ly, thương hàn, tụ huyết trùng, CRD, khẹt vịt, ngan.

- Gia súc: ỉa chảy phân trắng, thương hàn, phó thương hàn, tụ huyết trùng, đóng dấu, viêm vú, dạ con, viêm đường tiết niệu.

Cách dùng: Tiêm bắp, tĩnh mạch.

Đại gia súc: 10 ml/100 kg thể trọng.

Tiểu gia súc: 10 ml/50 kg thể trọng.

Chó, mèo: 1 ml/5 kg thể trọng.

Gia cầm: 1 ml/2 - 3 kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 10ml; 20ml; 100ml.



Tên thuốc: LINCOMYCIN 10%

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm

Tác dụng: Chuyên chữa: Suyễn lợn, viêm phổi, phế quản, viêm khớp, viêm da, mụn nhọt, viêm tử cung, đóng dấu lợn, viêm vú, viêm đường tiết niệu.

- CRD, tụ huyết trùng, viêm xoang, viêm khớp ở gà, vịt,

ngan, cút.

Cách dùng: Tiêm bắp thịt, dưới da, tĩnh mạch.

Trâu, bò: 7 - 10 ml/100 kg thể trọng.

Lợn: 1 - 1,5 ml/10 kg thể trọng.

Chó, mèo: 1 ml/4 - 6 kg thể trọng.

Gia cầm: 1 ml/2 - 3 kg thể trọng.

Bao gói: Ống 5ml; Lọ 10ml; 20ml; 100ml.



Tên thuốc: LINSPEC 5/10

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm.

Tác dụng: Các bệnh truyền nhiễm đường hô hấp: Suyễn, viêm phổi, CRD, CRD kết hợp, cúm lợn, tụ huyết trùng. Sưng phù đầu lợn con, coryza ở gia cầm.

Các bệnh nhiễm khuẩn gây viêm ruột - ỉa chảy, nhất là ở gia súc non: Phân trắng, phù thũng sau cai sữa, phân

xanh, phân vàng, phân lẫn máu, hồng ly do Treponema, nhiễm khuẩn máu.

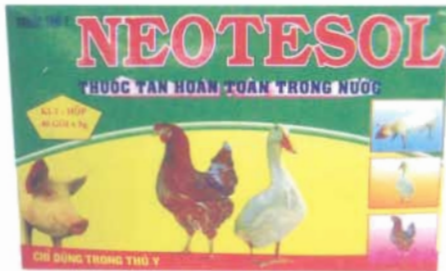
Cách dùng: Gia súc: Tiêm bắp thịt.

Gia cầm: Tiêm dưới da.

Trâu, bò: 7 - 8 ml/100 kg thể trọng. Lợn: 1 - 1,5 ml/10 kg thể trọng.

Dê, cừu: 1 ml/10 kg thể trọng. Gia cầm: 1 ml/5 kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 10ml; 20ml; 100ml.



Tên thuốc: NEO - TE - SOL

Dạng thuốc: Hỗn hợp kháng sinh uống

Tác dụng: Phòng và trị ỉa chảy: Phân trắng, phân xanh, phân vàng, phân lầy nhầy, phân lẫn máu...

- Bệnh đường hô hấp: Viêm phổi, viêm xoang, CRD, phòng stress.

Cách dùng: Pha nước uống.

Liều chữa: 100 mg/kg thể trọng.

Liều phòng: 1/2 liều chữa.

Bao gói: Gói 50g; Hộp 25g.



Tên thuốc: NORFACOLI

Dạng thuốc: Hỗn hợp kháng sinh phòng, trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp.

Tác dụng: Đặc trị viêm ruột - ỉa chảy: ỉa chảy phân trắng, phân xanh, thương hàn, phó thương hàn do E.Coli và Salmonella.

- Tụ huyết trùng, CRD, CRD kết hợp.

Cách dùng: Norfacoli: Dung dịch tiêm

Tiêm bắp thịt.

Gia súc: 1 ml/7 - 10 kg thể trọng.

Gia cầm: 1/3 - 5 kg thể trọng.

Norfacoli: Thuốc bột uống

Thuốc pha nước uống. Dùng liên tục 3 - 5 ngày

Lợn: 1 - 2 g/10 kg thể trọng.

Gia cầm: 1 - 2 g/5 kg thể trọng.

Bao gói: Gói 4g; 10g. Lọ 10ml; 100ml.



Tên thuốc: SUNOVIL

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm.

Tác dụng: Phòng và chữa bệnh CRD, suyễn lợn, viêm phổi - phế, hen, khéc, viêm teo mũi truyền nhiễm, đông dậu lợn, tụ huyết trùng, viêm đa khớp, viêm móng.

Cách dùng: Tiêm bắp hay dưới da.

Sunovil - 5 Sunovil - 10

Trâu, bò: 20 ml/100 kg thể trọng. 1 ml/8 - 10 kg thể trọng.

Lợn: 1 ml/2 kg thể trọng. 1 ml/4 kg thể trọng.

Chó, mèo: 0,5 ml/3 kg thể trọng.

Gia cầm: 0,5 ml/kg thể trọng. 1 ml/3 - 5 kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 10ml; 20ml và 100ml.



Tên thuốc: THUỐC TRỊ HEN SÙNG ĐẦU VỊT

Dạng thuốc: Thuốc bột uống trị bệnh đường hô hấp.

Tác dụng: Chữa các bệnh CRD, CRD kết hợp, sùng phù đầu, khéc, bạch lý, phân xanh, phân vàng, thâm mào, ỉa chảy kết hợp viêm đường hô hấp.

- Suyễn lợn, viêm phế quản, ho, màng phổi, viêm đa khớp.

Cách dùng: Gia cầm 10 g/10 - 15 kg thể trọng pha với 2 - 3 lít nước hay 1,5 kg thức ăn.

Gia súc: 10g/7 - 10 lợn con hoặc 50 - 70 kg thể trọng.

Bao gói: Gói 10g.



Tên thuốc: TIAKANEOLIN

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm.

Tác dụng: Chuyên chữa suyễn lợn, viêm phổi - phế, tụ huyết trùng, lý, thương hàn, viêm đa khớp, CRD, bạch lý, sùng phù đầu, khéc.

- Chữa bệnh hồng lý do Treponema.

Cách dùng: Tiêm bắp, dưới da

Gia súc: 1 ml/5 - 10 kg thể trọng. Gia cầm: 1 ml/3 - 5 kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 10ml; 20ml; 100ml.



Tên thuốc: TIAMULIN 10%

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm.

Tác dụng: Phòng và chữa bệnh suyễn, viêm phổi truyền nhiễm, bệnh hồng lý ở lợn; CRD, viêm xoang, sổ mũi ở gà, vịt, ngan, cút.

Cách dùng:

Tiamulin 10%: Dung dịch tiêm. Tiêm bắp, dưới da.

Gia súc: 1,5 ml/10 kg thể trọng:

Gia cầm: 0,1 ml/kg thể trọng.

Tiamulin 10%: Thuốc bột uống. Pha nước uống, trộn thức ăn.

Gia cầm: 1 gói/8 lít nước hoặc 50kg thức ăn.

Lợn: 1 gói/5 - 8 lít nước hoặc 10 - 17kg thức ăn.

Bao gói: Gói 20g. Lọ 10ml; 20ml; 100ml.



Tên thuốc: T - COLIVIT

Dạng thuốc: Bột.

Bao gói: Gói 10 gram.

Tác dụng: Đặc trị các bệnh do E.coli và các vi khuẩn khác ở trâu, bò, bê, dê, nghé, lợn, chó, mèo: hồng ly, phân trắng, chướng hơi đầy bụng, tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy. Gia cầm bị bệnh do E.coli hoặc E.coli ghép với gumboro (gây hội chứng tiêu chảy nhiễm khuẩn phân xanh, trắng), phó thương hàn, tụ huyết

trùng. Ở cá chữa bệnh trầy da, bong vảy, thối mang. Bệnh thối ấu trùng ong. Bệnh búng tằm.

Cách dùng: Trộn với thức ăn hay hoà nước ống trực tiếp.

Liều lượng: Liều trị trong ngày: Gia súc: 1 gói/50kg. Ngày đầu dùng 2 lần, những ngày sau dùng 1 lần. Gia cầm: 1 gói/40 - 50kg. Cá: 1 gói/40 - 50lít nước, tắm cho cá. Ong: 1gói + 200gram đường/300ml nước/10 đàn; Tằm: 1 gói/1 lít nước phun cho 100kg lá dâu.



Tên thuốc: TYLOCOLI

Dạng thuốc: Thuốc bột uống trị bệnh đường tiêu hoá, hô hấp.

Tác dụng: Phòng và chữa bệnh đường hô hấp: Suyễn, viêm phổi, viêm phổi-màng phổi; CRD, CCRD, viêm xoang, viêm màng hoạt dịch, vẩy mủ, khẹt... Tụ huyết trùng, viêm phổi-ỉa chảy-bại huyết. Bệnh do E. coli và Salmonella: Bạch ly, phân xanh, phân trắng, phân lầy nhầy, nhiễm E. coli huyết ở động vật sơ sinh; phó thương hàn.

- Phòng những trường hợp rủi ro, stress ở gia súc, gia cầm.

Cách dùng: Pha với nước uống hoặc trộn đều với thức ăn.

Gia súc: 1 - 2 gram/10 kg TT, liên tục 4 - 5 ngày.

Gia cầm: 1 gram/5 kg TT, liên tục 4-5 ngày.

Bao gói: Gói 50g.



Tên thuốc: TYLOSIN

Dạng thuốc: Hỗn hợp kháng sinh phòng, trị bệnh đường hô hấp.

Tác dụng: Phòng và chữa các bệnh đường hô hấp như: CRD, CCRD, sưng đầu vịt; suyễn lợn, viêm phổi-màng phổi. Chữa hồng ly, viêm teo mũi, đóng dấu lợn, viêm vú, dạ con, bệnh nghệ (Leptospirosis).

Cách dùng: Tylosin: Dung dịch tiêm

Gia súc: Tiêm bắp

Gia cầm: Tiêm dưới da.

Trâu, bò: 1 ml/10 kg thể trọng.

Lợn, chó: 1 - 2 ml/10 kg thể trọng.

Gia cầm: 0,4 ml/kg thể trọng.

Bao gói: Gói 10g; ống 5ml; Lọ 10ml; 100ml.

Tylosin: Thuốc bột uống

Pha nước uống, trộn thức ăn.

Lợn: 0,3 - 0,4g/1 - 2 lít nước.

Gia cầm: 0,5 - 0,7g/1lít nước uống hoặc 0,5kg thức ăn.



Tên thuốc: TYLOCOLI

Dạng thuốc: Thuốc bột uống trị bệnh đường tiêu hoá, hô hấp.

Cách dùng: Đặc trị viêm phổi, suyễn, CRD, khạc khò khè, vẩy mủ, sưng phù đầu, viêm xoang; tụ huyết trùng, nhiễm trùng toàn thân. Bệnh bạch ly, phân lẫn máu, thương hàn, phó thương hàn, viêm ruột, cầu kỷ trùng.

Cách dùng: Pha với nước hoặc trộn thức ăn.

Liều chữa: Gia súc: 1g/40 kg thể trọng. Gia cầm: 1g/2 - 3 kg thể trọng.

Liều phòng: 5g/10 lít nước cho uống 5 ngày liên tục.

Quy cách: Gói 50g.

Tên thuốc: TIA - K.C.

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm.

Tác dụng: Chữa bệnh suyễn, cúm, viêm phổi - màng phổi; ỉa chảy, thương hàn, phân trắng, phân xanh, tụ huyết trùng, đóng dấu, CRD, CRD kết hợp. Chữa bệnh hồng ly do Treponema.

Cách dùng: Tiêm bắp, dưới da



Trâu, bò, lợn: 1ml/7 kg thể trọng.

Gia cầm: 1ml/4 - 5 kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 10ml; 20ml; 100ml.

THUỐC TRỊ KÝ SINH TRÙNG



Tên thuốc: AZIDIN

Dạng thuốc: Thuốc bột pha tiêm, phòng và chữa ký sinh trùng đường máu.

Tác dụng: Dùng phòng và chữa bệnh ký sinh trùng đường máu: Tiên mao trùng, lê dạng trùng, thele trùng ở trâu, bò, ngựa, chó.

Cách dùng: Tiêm sâu bắp thịt:

Liều lượng: Pha thuốc với nước cất tiêm thành dung dịch 7%. 1 lọ dùng cho 150kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 1,18 gram.



Tên thuốc: HANCOX

Dạng thuốc: Dung dịch uống, đặc trị bệnh cầu trùng.

Tác dụng: Đặc trị bệnh cầu ký trùng: Cầu trùng manh tràng, cầu trùng ruột non ở gà, gà tây, thỏ (thể gan), lợn, bê non, dê, cừu. Phòng và chữa bệnh bạch lỵ, thương hàn, tụ huyết trùng gia cầm.

Cách dùng: Pha với nước cho uống.

Liều lượng: Gà, thỏ: 1,5 - 2ml/1 lít nước. Dùng liên tục 4 - 5 ngày. Nếu bệnh nặng (ỉa ra máu tươi) cho dùng 5 ngày liền, nghỉ 3 ngày, dùng tiếp 5 ngày.

Lợn, dê, cừu: 0,15ml/kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 125ml.



Tên thuốc: HANDERTYL - B

Dạng thuốc: Viên nén tẩy sán lá gan.

Tác dụng: Đặc trị bệnh sán lá gan trâu bò, sán lá ruột, sán dây. Tẩy sạch các loại giun tròn: Giun đũa, giun móc, giun tóc, giun kim, giun phổi...

Cách dùng:

Liều lượng: 1 viên/50kg thể trọng.

Bao gói: Viên 625mg

Lọ 20 viên.



Tên thuốc: HANEBA 30%

Dạng thuốc: Thuốc bột uống, đặc trị bệnh cầu trùng.

Tác dụng: Chuyên trị bệnh cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn, ỉa phân trắng ở gà do nhiễm khuẩn E. coli và Salmonella.

Cách dùng: Pha nước uống hoặc trộn thức ăn.

Liều lượng: Liều 1,5 - 2 g/lít nước uống hoặc 2 g/kg thức ăn.

Bao gói: Gói 20 gram.



Tên thuốc: HAN - LOPATOL

Dạng thuốc: Viên nén tẩy giun, sán ở chó mèo.

Tác dụng: Tẩy sạch các loại sán dây, giun đũa, giun móc, giun tóc, giun kim ở chó, mèo và động vật ăn thịt hoang dã.

Cách dùng: Cho uống trước bữa ăn.

Liều lượng: Liều trung bình 1 viên tẩy cho 5kg thể trọng chó, mèo hoặc động vật ăn thịt hoang dã.

Bao gói: Viên 500mg (Vỉ 10 viên).



Tên thuốc: HANMECTIN - 25

Dạng thuốc: Tiêm dưới da.

Liều lượng: Trung bình 0,8 - 1,2ml/10kg thể trọng.

Trâu, bò: 4ml/50kg thể trọng. Lợn: 1,2ml/10kg thể trọng.

Chó, mèo: 0,1 - 0,2ml/kg thể trọng. Thỏ: 2ml/10kg thể trọng. Rắn, rắn: 1ml/10kg thể trọng.



Tên thuốc: HANTOX

Cách dùng: Thuốc phun, tắm diệt ngoại ký sinh trùng

Tác dụng: - Diệt và phòng bọ chét, ve, bét, chấy, rận, ghẻ (sacrotes) ở chó, mèo.

- Diệt các loại ngoại ký sinh trùng ở trâu, bò, lợn, dê, cừu.

- Diệt bọ, mạt, rệp cho gia cầm.

- Diệt ruồi, muỗi, kiến, gián trong gia đình.

Liều lượng:

Hantox - shampoo: Liều trung bình: 5ml/kg thể trọng.



Thấm ướt con vật, lấy lượng thuốc cần thiết xoa đều khắp mình chúng sao cho tạo nhũ bột xà phòng để thuốc thấm vào da, để khoảng 5 phút sau tráng bằng nước sạch nhiều lần.

Hantox - spray: Liều trung bình: 8 - 12 lần xịt/kg thể trọng. Phun trực tiếp lên con vật.

Bọ chét, ve, bét: Phun 2 lần cách nhau 10 - 15 ngày.

Chấy, rận: Chỉ cần phun 1 lần.

Ghẻ: Phun 2 lần cách nhau 5 - 7 ngày.

Bao gói: Lọ 100ml, 200ml và 300ml.



Tên thuốc: LEVASOL 7,5%

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm diệt ký sinh trùng.

Tác dụng: Tẩy tất cả các loại giun tròn ký sinh trên các loại gia súc, gia cầm: Giun đũa, giun lươn, giun phổi, giun tóc, giun móc, giun kim, giun kết hạt...

Cách dùng: Tiêm dưới da, pha nước uống.

Liều lượng: Gia súc: 1ml/10kg thể trọng.

Gia cầm: 0,5ml/10kg thể trọng.

Bao gói: ống 5ml; Lọ 10ml và 50ml



Tên thuốc: RIGERCOCCIN WS

Dạng thuốc: Thuốc bột uống trị cầu trùng.

Tác dụng: Chữa các bệnh cầu trùng gây bởi Eimeria spp. gây ỉa ra máu tươi. Thuốc hoà tan trong nước cho gà uống có hiệu quả trực tiếp.

Cách dùng: Pha với nước, trộn thức ăn.

Liều chữa: 1 g/4 - 6 lít nước hoặc 2 - 3kg thức ăn.

Liều phòng: 1/2 liều chữa.

Bao gói: Gói 10g.



Tên thuốc: RIVANOL

Dạng thuốc: Thuốc bột pha tiêm.

Tác dụng: Rivanol là một hoá dược có tác dụng diệt khuẩn mạnh, đặc biệt trong môi trường có dịch mủ lẫn máu. Thuốc dùng đặc trị một số bệnh ký sinh trùng đường máu: Biên trùng (Anaplasma), Thele trùng (Theleriosis) và dùng để điều trị vết thương.

Cách dùng: Có thể tiêm dưới da hoặc rửa vết thương. Chữa bệnh ký sinh trùng đường máu: 200 - 400mg/250 - 300kg thể trọng. Dùng 2 - 3 ngày, ngày 1 lần.

Chữa, rửa vết thương: Pha thành dung dịch 0,05 - 0,2%. Tiêm vào ổ mủ, viêm khớp: Dung dịch 0,05 - 0,1%. Viêm dạ con, âm đạo: Thụt rửa bằng dung dịch 0,1%. Viêm vú: Bơm vào bầu vú dung dịch 0,25%.

Bao gói: Lọ 500mg



Tên thuốc: TAYZU

Dạng thuốc: Thuốc bột uống trị ký sinh trùng.

Tác dụng: Tẩy sạch các loại giun tròn: Giun đũa, giun tóc, giun móc, giun kim, giun phổi, giun dạ dày, giun lươn.

Cách dùng:

Tayzu đỏ: Trộn 4 g vào thức ăn cho Lợn: 30 - 40kg thể trọng. Gia cầm: 15 - 20kg TT. Chó, mèo: 20kg TT.

Tayzu xanh: Dùng liều bằng 1/2

Bao gói: Gói 4 gram.

CHẾ PHẨM SINH HỌC

Tên thuốc: HANVET K.T.G

Dạng thuốc: Kháng thể Gumboro.

Tác dụng: Phòng và chữa bệnh Gumboro, Newcastle, IB. Tác dụng như protein liệu pháp, nâng cao sức đề kháng không đặc hiệu cho gia cầm chống lại nhiều bệnh do vi khuẩn, virus.

Liều lượng:

Phòng bệnh: Lần 1 : 0,5 - 1ml/con vào ngày thứ 20 - 25.

Lần 2: 1 - 2ml/con vào ngày thứ 30 - 35.

Chữa bệnh: Dưới 500g: 1ml/con.

Trên 500g: 2ml/con.

Bao gói: Lọ 50ml và 100ml.





Tên thuốc: HANVET K.T.V

Dạng thuốc: Kháng thể viêm gan siêu vi trùng vịt ngan

Tác dụng: Phòng và chữa bệnh viêm gan siêu vi trùng, dịch tả vịt, ngan. Kháng thể tác dụng như protein liệu pháp, nâng cao sức đề kháng không đặc hiệu cho thủy cầm chống lại nhiều bệnh truyền nhiễm cho ngan, vịt, ngỗng, thiên nga.

Cách dùng: Tiêm bắp thịt hoặc uống.

Liều lượng: Phòng bệnh: Từ 1 - 7 ngày tuổi: 0,5ml/con.

Chữa bệnh: Vịt ngan dưới 2 tuần tuổi tiêm lần thứ nhất 1ml/con. Nhắc lại sau 3 ngày.

Vịt ngan trên 2 tuần tuổi tiêm lần thứ nhất 1,5 - 2ml/con. Nhắc lại sau 3 ngày.

Bao gói: Lọ 50ml và 100ml.

THUỐC TĂNG TRỌNG, KÍCH SỮA



Tên thuốc: BỘT TĂNG TỐC LỢN

Dạng thuốc: Gói 200gr

Tác dụng: Bột chứa các yếu tố sinh trưởng, các acid amin không thay thế, các khoáng đa lượng, vi lượng... giúp tiêu hoá, hấp thu tốt. Lợn tăng trưởng nhanh, phòng chống bệnh tốt, lông mượt, nạc nhiều.

Cách dùng: Trộn với thức ăn nguội, không được đun chín.

Liều lượng: Liều dùng trong ngày: Lợn con 5 - 10gr, lợn <30kg dùng 10 - 20gr, từ 30 - 60kg dùng 20 - 25gr, lợn >60kg dùng 25 - 30gr/con.

Bao gói: 100 gói/thùng.



Tên thuốc: BỘT TĂNG TỐC GIA CẦM

Dạng thuốc: Gói 400gr.

Bao gói: 100 gói/thùng

Tác dụng: Bột chứa các yếu tố sinh trưởng, các acid amin không thay thế, các vitamin tan trong nước và trong dầu, khoáng đa lượng, vi lượng... giúp tiêu hoá, hấp thu tốt. Gia cầm lớn nhanh, đẻ nhiều, ngoại hình đẹp, phòng chống bệnh tốt.

Cách dùng: Trộn với thức ăn.

Liều lượng: Liều dùng trong ngày: Gia cầm nhỏ 1gr; gia cầm thịt 2 - 3gr và gia cầm đẻ 3 - 4gr/con.



Tên thuốc: KÍCH SỮA GIA SÚC IMA

Dạng thuốc: Gói 150gr.

Bao gói: 100 gói/thùng.

Tác dụng: Sản phẩm chuyên dùng cho lợn nái sinh sản và bò sữa. Giúp tăng cả chất lượng và số lượng sữa, phòng trị được các bệnh còi xương của con và bại liệt của mẹ.

Cách dùng: Trộn với thức ăn nguội, không được đun chín.

Liều lượng: Liều dùng trong ngày: Lợn mẹ 20 gr/con. Bò mẹ 50 gr/con.

VITAMIN - THUỐC BỔ



Tên thuốc: ADE

Dạng thuốc: Thuốc bột pha nước uống bổ sung vitamin.

Tác dụng: Phòng và chữa các bệnh do thiếu Vitamin A, D3, E và C. Tăng sức đề kháng của cơ thể. Chống stress, chống nóng, nuôi chặt chội. Dùng trong thời kỳ sinh trưởng, nuôi hậu bị, mang thai, đẻ trứng.

Cách dùng: Pha nước uống:

Liều lượng: Gia cầm: 1g/kg thức ăn hoặc 2 lít nước.
Gia súc: 1g/2kg thức ăn hoặc 4 lít nước

Bao gói: Gói 100g và 1.000g.



Tên thuốc: B - COMPLEX

Dạng thuốc: Thuốc bột pha nước uống bổ sung vitamin nhóm B.

Tác dụng: Phòng và chữa bệnh thiếu các vitamin nhóm B. Chống suy dinh dưỡng, gầy còm, sau khi ốm, chống rối loạn trao đổi chất, trợ lực, giải độc. Kích thích sinh trưởng, ăn nhiều, lớn nhanh.

Cách dùng: Pha nước uống.

Liều lượng: 1 g pha với 3 lít nước cho uống hoặc trộn 1kg thức ăn hỗn hợp.

Bao gói: Gói 100g.



Bao gói: Lọ 100ml.



Tên thuốc: B - COMPVIT

Dạng thuốc: Dung dịch pha nước uống bổ sung vitamin.

Tác dụng: Phòng và chữa bệnh thiếu các vitamin nhóm B. Chống suy dinh dưỡng, gầy còm, sau khi ốm, chống rối loạn trao đổi chất, trợ lực, giải độc. Kích thích sinh trưởng, ăn nhiều, lớn nhanh.

Cách dùng: Pha với nước cho uống:

Liều lượng: Trâu, bò: 2 - 3ml/con/ngày. Lợn, chó: 1 - 2ml/con/ngày. Gia cầm: 1 - 2ml/kg thể trọng.

Tên thuốc: CALMAPHOS - PLUS

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm bổ sung Ca, mg, P.

Tác dụng: Chữa bệnh thiếu Calci - photpho: Bệnh loãng xương, dị ứng, nhiễm độc, bại liệt trước và sau khi đẻ, sốt sữa. Bệnh co giật khi chữa đẻ do thiếu Magie (Mg).

Cách dùng: Tiêm tĩnh mạch, dưới da, bắp thịt.

Liều lượng: Trâu, bò: 150 - 250ml.

Dê, bê, nghé: 50 - 75ml. Lợn: 5 - 20ml.

Bao gói: Ống 5ml; Lọ 100ml.



Tên thuốc: FE - DEXTRAN - B₁₂

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm bổ sung sắt.

Tác dụng: Phòng và chữa các chứng thiếu máu do thiếu sắt cho gia súc non sơ sinh, nhất là lợn con sơ sinh. Phòng bệnh lợn con phân trắng, giúp gia súc non khỏe mạnh, hồng hào, tăng trọng nhanh.

Cách dùng: Tiêm sâu bắp thịt.

Liều lượng: Lợn con: 1 - 2ml/con lúc 3 - 5 ngày tuổi. Tiêm nhắc lại sau 7 ngày. Lợn nái: 3 - 5ml, 2 - 3 tuần trước lúc đẻ.

Bao gói: Ống 2ml; Lọ 20ml và 100ml.



Tên thuốc: HANMINVIT - SUPER

Dạng thuốc: Thuốc bột pha nước uống.

Tác dụng: Các trường hợp thiếu hoặc mất cân bằng các vitamin và khoáng vi lượng. Phòng chống stress do nắng nóng, thay đổi khí hậu, vận chuyển, tiêm phòng. Tăng sức đề kháng, phòng chống các bệnh truyền

nhầm, kỹ sinh trùng. Giúp gia cầm ăn nhiều, khỏe mạnh, chóng lớn, phát triển tốt, tăng sản lượng trứng và tỷ lệ ấp nở.

Cách dùng: Pha với nước uống. Nước pha thuốc chỉ dùng trong ngày.

Liều lượng: Liều phòng: 0,5 g/lít. Liều chữa: 1,0 g/lít nước.

Bao gói: Gói 100g.



THUỐC ĐIỀU TIẾT SINH SẢN

Tên thuốc: GONA - ESTROL

Dạng thuốc: Nhũ dịch tiêm.

Tác dụng: Kích thích phát triển dạ con, âm đạo, buồng trứng. Chữa gia súc cái động dục ẩn, không động dục, khó thụ thai, không chịu được. Chữa liệt dạ con, lưu thai, kích thích tiết sữa. Chữa cường dâm, viêm tiền liệt tuyến ở động dục được.

Cách dùng: Tiêm dưới da, bắp thịt.

Liều lượng: Lợn dưới 100kg thể trọng: 1 lọ 5ml; Trên 100kg thể trọng: 2 lọ 5ml. Bò: 3 - 4 lọ. Chó: 0,5 - 1ml. Dê: 1 lọ.

Bao gói: Lọ 4ml và 8ml.



Tên thuốc: HANPROST

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm.

Tác dụng: Chữa vô sinh, không động dục, động dục ẩn do tồn lưu thể vàng. Gây động dục hàng loạt để quản lý sinh sản. Chữa bệnh viêm tử cung mạn tính, u nang buồng trứng. Gây sẩy thai hay cho đẻ sớm theo yêu cầu.

Cách dùng: Tiêm bắp thịt.

Liều lượng: Trâu, bò cái: 2ml/con. Lợn nái: 0,7ml/nái. Ngựa cái: 1ml/con. Dê, cừu cái: 1ml/con. Chó, mèo: 0,016ml/kg thể trọng.

Bao gói: Lọ 5ml



Tên thuốc: OESTRADIOL

Dạng thuốc: Nhũ dịch tiêm.

Tác dụng: Kích thích phát triển dạ con, âm đạo, buồng trứng của gia súc cái, chậm phát triển. Chữa gia súc cái động dục ẩn, không động dục, khó thụ thai, không chịu được. Chữa liệt dạ con, lưu thai, tiết ít sữa.

Cách dùng: Tiêm bắp, dưới da.

Liều lượng: Trâu, bò cái: 5 - 10ml. Lợn nái: 3 - 5ml. Chó cái: 0,1 - 0,3ml.

Bao gói: Lọ 5ml.



Tên thuốc: OXYTOCIN

Dạng thuốc: Nhũ dịch tiêm.

Tác dụng: Thúc đẻ, rặn đẻ yếu do co bóp dạ con yếu. Chữa liệt dạ con, sốt nhau. Tống nhau và các dịch ứ ở dạ con ra ngoài. Chữa chảy máu dạ con, liệt ruột, bí đái, liệt mật. Kích thích tiết sữa; chữa viêm vú, dạ con; tắc sữa.

Cách dùng: Tiêm dưới da, bắp thịt.

Liều lượng: Trâu bò, ngựa: 3 - 5 - 7ml. Lợn nái: 2 - 4 - 5ml. Dê, cừu: 1,5 - 2ml. Chó, mèo: 0,5 - 1 - 2ml.

Bao gói: Ống 2ml.

THUỐC SÁT TRÙNG



Tên thuốc: CỒN IOD

Dạng thuốc: Lọ 50ml.

Tác dụng: Dùng sát trùng vết thương; bệnh trên da do nấm, đậu, sát trùng khi tiêm, thiên hoạn.



Tên thuốc: XANH METYLEN

Dạng thuốc: Lọ 50ml.

Tác dụng: Dùng sát trùng vết thương trên da do nấm, đậu, lở mồm long móng, eczêma.



Tên thuốc: SALYCILATMETYL

Dạng thuốc: Lọ 50ml.

Tác dụng: Dùng xoa bóp nơi đau khi bị viêm khớp, viêm dây thần kinh, bại liệt.

THUỐC TÁC DỤNG VỚI CƠ TRƠN



Tên thuốc: ATROPIN SULPHATE

Dạng thuốc: 2 - 5ml/ống.

Tác dụng: Giảm đau, trị đau bụng do cơ trơn co thắt, (khi động vật bị trúng độc thuốc tẩy giun, thuốc sâu, pilocarpin...)

Cách dùng: Tiêm dưới da.

Liều lượng: Trâu bò 1ml/10 - 30kg, ngựa 1ml/10 - 40kg; Dê, cừu 1ml/3 - 14kg; Lợn 1ml/12 - 30kg; Mèo 1ml/1,8 - 3,3kg; Chó 1ml/3 - 10kg.

Bao gói: 100 ống/hộp.



Tên thuốc: OXYTOCINE

Dạng thuốc: 2ml/ống.

Tác dụng: Dùng thúc đẻ, trị sát nhau, viêm tử cung và tăng khả năng tiết sữa cho gia súc cái: trâu, bò, lợn, chó, mèo.

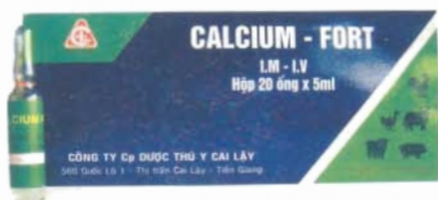
Cách dùng: Tiêm bắp hay tĩnh mạch.

Liều lượng: Trâu bò tiêm bắp 4ml, tĩnh mạch 2ml/con

nặng 150 - 200kg. Con nhỏ hơn tiêm liều 1/2.

Bao gói: 20 ống/hộp.

THUỐC TÁC DỤNG TRÊN HỆ THẦN KINH TRUNG ƯƠNG



Tên thuốc: CANXIUM - FORT

Dạng thuốc: Ống 5ml.

Tác dụng: Trị bại liệt, bổ xung canxi.

Cách dùng: Tiêm bắp hay tĩnh mạch.

Liều lượng: Đại gia súc: 5 - 10ml/con/ngày. Tiểu gia súc 2 - 5ml/con/ngày.

Bao gói: 20 ống/hộp.



Tên thuốc: CAPHEIN NATRI BENZOAT

Dạng thuốc: 5ml/ống

Bao gói: 100 ống/hộp

Tác dụng: Cấp cứu khi bị trụy tim mạch. Kích thích

vận động cho gia súc sau khi ốm dậy.

Cách dùng: Tiêm bắp.

Liều lượng: Đại gia súc: 10 - 20ml/con/ngày. Tiểu gia súc 2 - 5ml/con/ngày.



Tên thuốc: NOVOCAIN

Dạng thuốc: 2 - 5ml/ống.

Tác dụng: Gây tê khi tiêm, hoạn, phong bế khi gia súc bị bệnh đau ở các khí quan trong xoang chậu: Viêm tử cung, dọa sảy thai...

Cách dùng: Tiêm dưới da nơi định mổ, thối, phong bế lõm khum - đuôi.

Liều lượng: Liều không quá 3mg/kg thể trọng.

Bao gói: 100 ống/hộp.

THUỐC CHỐNG BẠI LIỆT



Tên thuốc: BẠI LIỆT GÀ VỊT, NGAN, NGŨNG

Dạng thuốc: Gói 20gr.

Tác dụng: Trị bại liệt của gia cầm: chân choãi, còi xương, mềm xương.

Cách dùng: Trộn vào thức ăn hay hoà nước.

Liều lượng: Liều dùng: Phòng: 5gr/8 lít nước hay 5kg thức ăn. Dùng 5 ngày liền. Trị: 5gr/4 lít hay 3kg thức ăn. Dùng 10 ngày liền.

THUỐC GIẢM SỐT



Tên thuốc: ANALGIN

Dạng thuốc: Ống 2ml hay 5ml.

Tác dụng: Thuốc có tác dụng giảm nhiệt, hạ sốt, giảm đau. Dùng khi động vật bị chướng bụng đầy hơi cấp. Trị viêm khớp, phong thấp cơ cấp tính.

Cách dùng: Tiêm bắp

Liều lượng: Trâu, bò, ngựa: 20 - 40ml/con/ngày. Heo trên 100kg tiêm 10 - 15ml/con. Chó 1 - 5ml/con.

Bao gói: 100 ống /hộp.



Tên thuốc: **ANTI - GUMBORO**

Dạng thuốc: Dung dịch uống.

Tác dụng: Thuốc có tác dụng làm tăng cường khả năng đề kháng của cơ thể gà, giảm tỷ lệ gà bệnh.

- Thuốc dùng kèm với bột điện giải để cân đối chất điện giải cho gia cầm và giúp cơ thể đào thải chất độc nhanh khỏi cơ thể.

Cách dùng: 1ml pha với 0,5ml lít nước và 7g bột điện

giải, khuấy đều cho tan hết và cho gà uống liên tục 3 - 5 ngày.

- Có thể nhỏ 2 - 5 giọt/con.

Bao gói: Lọ 10ml + 1 gói điện giải 28g.

Lọ 100ml + 1 gói điện giải 280g.



Tên thuốc: **DERMA - SPRAY**

Dạng thuốc: Dung dịch phun.

Tác dụng: Chữa các vết thương ngoài da: Vết thương lở mồm - long móng ở móng, bầu, núm vú. Nhiễm khuẩn da, mụn, nhọt, lở loét, eczema, vết xước, vết trầy.

- Phòng nhiễm khuẩn trong và sau phẫu thuật. Sát trùng rốn cho động vật sơ sinh, cửa sừng, cắt mổ.

- Trường hợp lợn, gia cầm mổ cần mổ nhau.

Cách dùng: Rửa sạch vết thương trước khi xịt thuốc.

Lắc kỹ lọ trước khi phun, giữ bình ở tư thế thẳng đứng phun với khoảng cách 15 - 20cm.

Xịt trực tiếp lên vùng cần điều trị đều một lớp mỏng.

Ngày xịt 2 lần.

Bao gói: Lọ 100ml.



Tên thuốc: **HAN V.T.C**

Dạng thuốc: Viên đặt tử cung âm đạo.

Tác dụng: Đặc trị các bệnh viêm âm đạo, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu gây do *Streptococci*, *Staphylococci*, *Proteus spp.*, *E. coli*, *Alcaligenes faecalis*, *Pseudomonas spp.*, *Neisseria*, *Corynebacteria*, *Brucella*, *Salmonella*, *Shigella*...

Điều trị các chứng chảy mủ, khí hư vàng-đen, mùi hôi tanh ở âm đạo, tử cung.

Chữa bệnh trùng nguyên sinh do *Trichomonas vaginalis*, bệnh nấm *Candida* âm đạo.

Liệu pháp phòng viêm nhiễm hậu sản sau các trường hợp đẻ khó, sát nhau, viêm đường tiết niệu.

Cách dùng: Đặt sâu vào âm đạo của gia súc sau khi đã sát trùng bằng Rivanol hoặc Han-Iodine.

Trâu, bò, ngựa: 1 - 2 viên.

Lợn: 1 viên/ngày.

Dùng liên tục 3 - 5 ngày.

Bao gói: Viên nén 500mg.



Tên thuốc: PILOCARPIN 10%

Dạng thuốc: Dung dịch tiêm.

Tác dụng: Bệnh hở van tim, những trường hợp phù thũng, viêm gan gây báng bụng, viêm dạ con, liệt ruột.

- Chữa liệt dạ cỏ, chướng bụng đầy hơi.

Cách dùng: Tiêm dưới da.

Động vật nhai lại: 5 - 15ml/con.

Ngựa: 3 - 30ml/con.

Lợn: 0,5 - 5ml/con

Bao gói: ống 5ml.



Tên thuốc: THUỐC ĐIỆN GIẢI

Dạng thuốc: Thuốc bột pha nước uống

Tác dụng: Cân bằng và cung cấp chất điện giải trong các trường hợp ỉa chảy mất nước, làm việc nặng nhọc, đổ mồ hôi, chống nóng, stress.

Cách dùng: Gia cầm: 100g/50 - 100 lít nước uống.

Gia súc: 100g/5 lít nước uống hoặc 50kg thể trọng.

Bao gói: Gói 100g; 500g.

MỤC LỤC

Foreword	2
Lời nói đầu	3
Mấy lời cùng bạn đọc	4
Lời giới thiệu	6
Phần 1: Phương pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm cho gia súc gia cầm	7
I. Thế nào là bệnh truyền nhiễm?	7
II. Thế nào là bệnh không truyền nhiễm?	7
III. Nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm	7
IV. Điều kiện để bệnh truyền nhiễm xảy ra	7
v. Phương pháp phòng và chống bệnh truyền nhiễm cho gia súc, gia cầm	8
Phần 2: Phương pháp bảo quản và sử dụng vắc xin	11
I. Khái niệm về vắc xin	11
II. Phân loại vắc xin (có 2 loại vắc xin)	11
III. Các loại vắc xin đang được sử dụng trong thực tế hiện nay	11
IV. Các con đường đưa vắc xin vào cơ thể	13
V. Phương pháp bảo quản vắc xin	14
VI. Những biện pháp cần thực hiện khi phát hiện có ổ dịch gia súc, gia cầm	18
Phần 3: Bệnh của lợn	19
I. Bệnh truyền nhiễm thường gặp ở lợn	19
Bệnh dịch tả lợn	19
Bệnh tụ huyết trùng lợn	22
Bệnh phó thương hàn lợn	24
Bệnh đóng dấu lợn	26
Bệnh giả dại (Pseudorabies)	28
Bệnh viêm tử cung, âm đạo lợn	30
Bệnh lợn nghê (Leptospirosis)	31
Bệnh bại liệt của lợn nái đẻ	35
Bệnh Phân trắng lợn con	36
II. Bệnh ký sinh trùng thường gặp ở lợn	39
Bệnh sán lá ruột lợn	39

Bệnh lợn gạo	40
Bệnh giun đũa lợn	41
Phần 4: Một số Bệnh truyền nhiễm thường gặp ở gia cầm	43
Bệnh Niu cát xơ gà (Newcastle)	43
Bệnh Gumboro	45
Bệnh tụ huyết trùng gia cầm	47
Bệnh thương hàn gà	49
Bệnh bạch lỵ gà con	51
Bệnh đậu gà	52
Bệnh dịch tả vịt	54
Phần 5: Bệnh của trâu bò	55
I. Một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trâu, bò	55
Bệnh nhiệt thán	55
Bệnh lở mồm long móng	59
Bệnh ung khí thán	62
Bệnh tụ huyết trùng trâu bò	64
II. Một số bệnh nội, ngoại khoa thường gặp ở trâu bò	67
A. Bệnh nội khoa	67
Bệnh chướng hơi dạ cỏ	67
Bệnh liệt dạ cỏ	70
Bệnh viêm ruột thể ca ta cấp tính	71
Bệnh viêm dạ dày, ruột cấp tính	72
B. bệnh ngoại khoa	74
Bệnh viêm kết mạc mắt	74
C. Bệnh Ký sinh trùng	75
Bệnh sản lá gan ở loài nhai lại	75
Bệnh giun đũa bê nghé	77
Hội chứng ngã nước do ký sinh trùng đường máu gây nên ở trâu bò	79
Phần 6: Một số bệnh thường gặp của loài chó	81
Bệnh Đại	81
Bệnh sài sốt chó – Bệnh ca rê	83
Bệnh viêm ruột cấp	85

Phần 7: Một số bệnh thường gặp ở mèo	87
Bệnh viêm ruột ỉa chảy ở mèo	87
Bệnh viêm phổi ở mèo	89
Hội chứng ngã nước do ký sinh trùng đường máu gây nên ở mèo	90
Hội chứng trúng độc ở mèo	92
Hội chứng do giun gây ra ở mèo	93
Bệnh sản dâu ở mèo	94
Phần 8: Một số vấn đề quan trọng trong chăn nuôi gia súc sinh sản	95
I. Tuổi thành thực về tính	95
II. Tuổi thành thực về thể vóc	95
III. Hiện tượng có thai	96
IV. Quá trình sinh đẻ của gia súc	96
Phần 9: Một số bệnh thường gặp ở gia súc sinh sản	99
Bệnh bại liệt trước khi đẻ	99
Bệnh xuất huyết tử cung	101
Bệnh rặn đẻ quá sớm (Động thai)	102
Bệnh âm đạo lộn ra ngoài	103
Bệnh rặn đẻ quá yếu	104
Bệnh sát nhau	105
Bệnh tử cung lộn bít tắt	107
Bệnh viêm tử cung	108
Phần 10: Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng mèo	111
Phần 11: Một số thuốc thú y thường dùng	116

TS.Bs. Nguyễn Văn Thanh – TS.Bs. Bùi Thị Tho – KS. Bùi Tuấn Nhã

Chủ biên: TS.Bs. Nguyễn Văn Thanh

PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở GIA SÚC GIA CẦM

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN ĐÌNH THIÊM

Biên tập:

Cao Thị Thu

Trình bày:

Tú Anh

Bìa:

Lê Hoa

Chế bản tại:

Trung tâm B&J

Mã số: $\frac{1 - 46}{20 - 4}$

SÁCH ĐƯỢC PHÁT HÀNH TẠI:

Trung tâm NCXB sách và tạp chí

90 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 5622324 - 0912 357903

Fax: 84 4. 7339651

Email: bicenter@hn.vnn.vn

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại xưởng in NXB Văn hoá Dân tộc. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 01 – 565/XB–QLXB do Cục xuất bản cấp ngày 10/5/2004. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2004.

Giá: 120.000 đ



CÔNG TY HANVET

88 Trường Chinh, Hà Nội. ĐT: 8687591. FAX: 8690097

**HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001:2000**



HANVET thành lập ngày 01.10.1988, là doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc trực thuộc Bộ NN & PTNT thực hiện cổ phần hóa.

Công ty có trụ sở tại 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội.

Chi nhánh: Số 3 Rạch Sâu, P. Thạnh Xuân, Q12, TP HCM

Với 15 năm xây dựng và phát triển, đến nay **HANVET** đã vững mạnh, là doanh nghiệp sản xuất thuốc thú y lớn nhất ở phía Bắc. Với đội ngũ chuyên gia là các giáo sư, tiến sĩ, dược sĩ, bác sĩ thú y giỏi, chuyên sâu và những công nhân tay nghề cao cùng với hệ thống thiết bị máy móc hiện đại, công nghệ tiên tiến, **HANVET** luôn nghiên cứu đưa ra nhiều sản phẩm độc đáo chất lượng cao.

